

HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÁNH
BAN CAO HỌC
KHÓA 4 1968 - 1970

Vấn đề

THAM-GIA CHÍNH-TRỊ

CỦA PHẬT-GIÁO TẠI VIỆT-NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA
VIỆT-NAM
Số 1422

Giáo sư hướng dẫn :

TẠ VĂN TÀI

TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Sinh viên đệ trình :

NGUYỄN KHOA TÂN

THƯ VIỆN KHÓA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1422

Chân-thành Cảm-tạ:

Giáo-sư **TẠ-VĂN-TÀI**

*Đã hướng-dẫn chúng tôi hoàn-thành **LUẬN-VẤN** này .*

« Sự Giác Ngộ và các cuộc Tuyền Cử không thể
thâu đạt cùng một lúc.»

(*Enlightenment and Elections cannot be won at the
same time.*)

Thượng-Toạ SANGHARAKSHITA

DÀN BÀI

PHẦN DẪN NHẬP :

- Tương quan giữa Tôn giáo và chính trị
- Lý do sự tham gia chính trị của Phật giáo

PHẦN I : HIỆN TRẠNG PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM

Chương I : KHUYNH HƯỚNG PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO

Đoạn I : Lịch sử Phật giáo tại Việt Nam

- I- Giai đoạn I : Từ thời du nhập đến năm 1920
- II- Giai đoạn II: Thời kỳ phục hưng 1920 về sau

Đoạn II : Chủ trương hiện đại hóa

- I- Lý thuyết về hiện đại hóa
- II- Sự hiện đại hóa của Phật giáo Việt Nam

Chương II : TỔ CHỨC CỦA PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM

Đoạn I : Tổ chức Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất

- I- Diễn tiến sự thành hình GHPGVN TN
- II- Tổ chức Giáo hội theo hệ thống hành chánh

- A. Ở Trung Ương
- B. Ở Địa phương

Đoạn II : Lực lượng nhân sự

I- Lực lượng tăng sĩ

- A. Tăng sĩ lãnh đạo
- B. Tăng sĩ hoạt động thuần túy Văn hóa Xã hội
- C. Tăng sĩ cấp thừa hành
- D. Vấn đề đào luyện Tăng sĩ.

II- Lực lượng Phật tử thế tục

- A. Lực lượng cư sĩ
- B. Lực lượng Thanh niên Phật tử

Đoạn III: Phương tiện vật chất

Chương III: TÌNH TRẠNG PHÂN HÓA CỦA GHPGVNTN

Đoạn I : Nguyên nhân sự phân hóa

- I- Nguyên nhân về tổ chức và tín đồ
- II- Nguyên nhân về lãnh đạo

Đoạn II : Nhận xét tổng quát về thực lực của 2 Giáo hội

- I- Thực lực của khối VNQT
- II- Thực lực khối Ấn Quang

Đoạn III: Khía cạnh pháp lý của 2 Giáo hội

Đoạn IV : Hậu quả của tình trạng Phân hóa

PHẦN II : PHẬT GIÁO TRONG SINH HOẠT CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM

Chương I : CÁC GIAI ĐOẠN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO
(Sau năm 1963)

Đoạn I : Giai đoạn bùng khởi

- I- Nguyên nhân của sự bùng khởi (1963)
- II- Diễn tiến

Đoạn II : Giai đoạn Phật giáo áp đảo chính quyền
(1963-1966)

- I- Sự kiện toàn tổ chức Phật giáo
- II- Sự can thiệp cao độ của Phật giáo vào chính trường.

Đoạn III: Sự thất bại của Phật giáo trong việc đòi hỏi một chính phủ dân cử.

- I- Nguyên nhân cuộc tranh đấu
- II- Diễn tiến cuộc tranh đấu
- III- Nguyên nhân sự thất bại

Đoạn IV : Giai đoạn quay về tổ chức nội bộ

- I- Hoạt động của khối VNQT
- II- Hoạt động của khối Ấn Quang

Đoạn V : Hậu quả sự tham gia chính trị của Phật giáo

- I- Hậu quả đối với Phật giáo
- II- Hậu quả đối với sinh hoạt chính trị

c Chương II : KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG CỦA PHẬT GIÁO

Đoạn I : Sự thất bại của chủ trương bất bạo động

Đoạn II : Những hình thức tranh đấu.

I- Những hình thức bất bạo động

II- Những hình thức bạo động

Chương III: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG LỰC LƯỢNG KHÁC

Đoạn I : Tương quan giữa Phật giáo và Chính quyền

Đoạn II : Tương quan giữa Phật giáo và MTGPMN

Đoạn III: Phật giáo và các Tôn giáo khác

I- Phật giáo và Công giáo

II- Phật giáo và 2 giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo

Đoạn IV : Phật giáo và các chính đảng

Đoạn V : Phật giáo và người Mỹ.

PHẦN KẾT LUẬN :

Kinh nghiệm và giải pháp cho sự tham gia chính trị
tại Việt Nam.

* * *

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Phật giáo tại Á Châu dần dần đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt quốc gia. Dù điều kiện sinh hoạt của mỗi quốc gia đều khác nhau nhưng tựu trung động cơ của phong trào giải thực và khuyến hướng phục hưng Phật giáo là những khởi điểm cho Tôn giáo này bước vào con đường chính trị.

Trong một thời gian dài bị thực dân đô hộ, phần lớn các tín đồ Phật giáo cùng các lực lượng quốc gia chiến đấu dành chủ quyền. Quá trình liên kết chặt chẽ này khiến cho Phật giáo phần nào tạo thêm cho mình một sức mạnh dựa vào hậu thuẫn của quần chúng vì Phật giáo vô hình chung đồng hóa được quyền lợi chính đáng của dân tộc và quyền lợi của tín đồ. Nhờ đó ảnh hưởng của Phật giáo không dừng ở biên giới quốc gia hay ở vùng Á Châu mà còn lan tràn ra các quốc gia khác. Người Tây Phương trước đây coi Phật giáo là sự kết tinh của chủ nghĩa thần bí phối hợp với mê tín dị đoan, không ai nghĩ rằng Phật giáo sẽ có một thể đứng chính trị nổi bật tại các xứ mà họ đang chiếm đóng. Ngày nay quan niệm này cũng thay đổi. Dần dần họ khám phá trong Phật giáo tiềm năng của sự tiến bộ. Về mặt lý thuyết thì ngay trong học thuyết Phật giáo -bắt nguồn từ đối tượng nhân bản- đã có sẵn một nền tảng của định chế dân chủ. Phương pháp suy luận những ý tưởng trong Kinh Điển cũng có tính cách luận lý học không còn là một giáo lý mơ hồ làm mê hoặc quần chúng. Xa hơn nữa Phật giáo còn bao gồm những tư tưởng " xã hội chủ nghĩa " có thể. Sau bằng mọi bất công áp bức của các giai cấp trong xã hội. Vì thế người Tây phương tiến đến việc khuyến khích phát huy Phật giáo và thúc đẩy áp dụng ý thức hệ Phật giáo trong việc xây dựng lại một xã hội cho Á Châu, thay thế cho những ý thức hệ ngoại lai khác.

Riêng tại Việt Nam cũng vậy, Phật Giáo tham gia chính trị không phải là một trường hợp ngẫu nhiên mà phát xuất từ những nguyên nhân sâu xa và phức tạp. Nhìn lại khoảng thời gian từ năm 1963 đến nay, chưa có một phong trào quần chúng hay tôn giáo nào có một tiến trình diễn biến kỳ lạ như Phật giáo. Các giai đoạn tranh đấu khởi thủy chỉ có mục đích

tín ngưỡng, chuyển sang tình tự văn hóa, chuyển sang lãnh vực chính trị mỗi ngày một sâu. Mỗi giai đoạn là một cuộc vận động quần chúng gây ảnh hưởng vào những quyết định của chính quyền. Từ năm 1963, tức là năm đánh dấu một thắng lợi của Phật giáo : sự vận động quần chúng là một trong những nguyên nhân làm sụp đổ một chế độ, đến những năm kế tiếp Phật giáo chi phối trực tiếp vào hoạt động của chính quyền. Sau năm 1966, Sự thất bại của Phật giáo trong việc đòi hỏi một chính quyền dân chủ và một Quốc Hội Lập Hiến làm cho Phật giáo không còn được một ưu thế chính trị tuyệt đối như trước nhưng hiện nay Phật Giáo vẫn còn là một thực thể đối diện với chính quyền.

Nói khác đi, sự dấn thân của Phật giáo vào sinh hoạt chính trị đã làm cho tình thế Việt Nam biến chuyển đi rất nhiều.

Trên phương diện thực tế, cuộc vận động quần chúng của Phật giáo đã thay đổi một phần lớn nếp sinh hoạt chính trị. Đồng ý hay không, thì đó là một sự kiện lịch sử mà lịch sử thì không bao giờ đi ngược dòng. Đồng ý hay không, sự hiện diện của Phật giáo đã thổi vào một luồng gió mới cho nền dân chủ tại Việt Nam, sự điều hành nền dân chủ do đó cũng bị biến đổi theo. Đồng ý hay không thì sự vùng dậy của những lực lượng, đoàn thể, chính đảng đều được coi như những hậu quả của phong trào tranh đấu Phật giáo.

Trên phương diện lý thuyết, báo chí sách vở đề cập nhiều đến những hoạt động chính trị của Phật giáo : chấp nhận có, chỉ trích có. Nhưng một điều phải được mọi người chấp nhận là sở dĩ Phật giáo có thể tham gia chính trị một cách mau chóng và dễ dàng như vậy là nhờ hai yếu tố : tín đồ và lịch sử. Tín đồ là phương tiện nhân sự hùng hậu của Phật giáo. Vì nó chiếm đại đa số dân chúng nên sự huy động dễ dàng gây một ảnh hưởng lớn khắp nước. Hơn nữa Đạo Phật có một lịch sử lâu đời tại Việt Nam, đã ảnh hưởng đến nhân sinh quan đại chúng. Ngày nay Phật giáo thừa hưởng những di sản tinh thần đó nên cũng dễ thực đẩy quần chúng đứng về phía mình để hợp tác trong một đường hướng chung.

Đối với một diễn biến chính trị quá rộng lớn đang đi vào lịch sử thì việc nghiên cứu cũng vô cùng khó khăn. Hướng hồ nghiên cứu vấn đề gì trong khung cảnh Việt Nam cũng

đều gặp phải khó khăn. Hai khó khăn chính yếu mà chúng tôi gặp phải trong khi nghiên cứu vấn đề chính trị của Phật giáo này là :

1.- Khó khăn về tài liệu :

Tài liệu về vấn đề Phật giáo thì có rất nhiều nhưng ít có tài liệu đề cập đến hoạt động chính trị Phật giáo. Sách báo Việt ngữ và ngay đến ngoại ngữ có ban luận đề n phương diện này chẳng nữa cũng đề cập dưới một khía cạnh chủ quan mà không đứng trên phương diện thực chất để phân tích. Nhân chúng tức là những người liên hệ đến phong trào vẫn còn đó lúc nào cũng khước từ mọi sự phỏng vấn hay e ngại không muốn trình bày ý kiến riêng hay chỉ trình bày một phần mà thôi. Họ lúc nào cũng đề cao Phật giáo hay phê bình v ở i những lý lẽ không chính đáng làm sai lệch sự thật. Nhất là họ có sẵn một thiên kiến nghi ngờ tính cách khách quan của sự nghiên cứu cho nên dễ làm nản lòng người muốn nghiên cứu.

2.- Khó khăn về đối tượng nghiên cứu.-

Đạo Phật đi vào chính trị quá phức tạp và tế nhị . Khi hỏi các vị lãnh đạo Phật giáo về vai trò của Phật giáo trong sinh hoạt chính trị, họ chỉ trả lời Phật giáo không bao giờ làm chính trị, Phật giáo trong những giai đoạn đấu tranh vừa qua chỉ là một sự bắt buộc phải nhập thế và sự dấn thân đó chỉ để bảo vệ quyền lợi của dân tộc và Phật giáo mà thôi ! Nói như thế, Phật giáo đã tìm cho mình một chức phận chính trị rồi. Đó cũng là điều để chứng minh ngay trong việc minh định vị trí của Phật Giáo trong sinh hoạt chính trị cũng là một công việc khó khăn đừng nói gì đến việc tìm hiểu toàn diện vấn đề chính trị của Phật giáo. Hiện nay Phật giáo bị phân hóa làm 2 khối làm cho công việc tìm hiểu vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Thêm vào đó, hệ thống và tổ chức thông đạt của Phật giáo lại yếu kém hay không muốn tiết lộ hoạt động của Phong trào nên có rất ít những tài liệu phổ biến về tổ chức Phật giáo.


Trước những thực trạng đó chúng tôi vẫn căn cứ trên các tài liệu viết sẵn có, những cuộc phỏng vấn có giới hạn các nhân vật liên hệ, những cuộc quan sát hoạt động và tổ chức Phật giáo rồi hệ thống hóa những sự kiện đã xảy ra để

làm sáng tỏ sự tham gia chính trị của Phật giáo trong các giai đoạn vừa qua và cố gắng tìm một giải pháp cho sự tham gia đó trong tương lai.

Chúng tôi không có ý định của sử gia tìm cách thiết lập lại lịch sử quá khứ, mà chỉ muốn tìm hiểu những hoạt động chính trị của một tôn giáo tương đối cổ kính nhất Việt Nam như thế nào. Chúng tôi nhận thấy khảo sát lịch sử là một công việc rất lớn lao, không phải riêng một cá nhân có thể đảm trách nổi, và không gì khó khăn cho bằng một nhân chứng lịch sử lại viết lịch sử đang thành hình.

* * *

PHẦN DẪN-NHẬP

ôn giáo và chính trị là hai quyền lực chi phối mạnh mẽ mọi sinh hoạt quốc gia. Càng ngày Chính trị và Tôn giáo càng cách biệt để mỗi quyền lực giữ một phạm vi hoạt động khác nhau : một đảng lo về phần tinh thần của công dân trong xã hội, một đảng chú trọng đến uy quyền điều khiển tổ chức đời sống nhân dân. Nhưng trước khi đi đến sự phân chia giữa Đạo và Đời, giữa Thần quyền hay Thế quyền Tôn giáo và Chính trị đã có một mối liên hệ chặt chẽ và sâu đậm trong lịch sử chính trị nhân loại. Mối liên hệ đó đã xuất hiện từ ngàn xưa và biến chuyển qua nhiều giai đoạn.

Căn cứ trên bình diện định chế chính trị, sự liên hệ giữa Chính Trị và Tôn Giáo có thể phân chia làm 3 giai đoạn.

1.- Giai đoạn I. - Giai đoạn Chính Trị và Tôn Giáo đồng nhất với nhau.

Thời gian này đã xảy ra trong thời Thượng cổ cho đến thời Trung cổ. Chính Trị và Tôn giáo được quan niệm như một quyền lực trùng hợp với nhau : cùng một lúc Vua vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là Giáo chủ của nhân dân. Hầu hết các dân tộc từ Âu sang Á đều quan niệm Tôn giáo và chính trị là một. Tôn giáo là một ý thức hệ có tính cách của một định luật phổ quát, từ đó nguồn gốc uy quyền phát sinh do một Đấng thiêng liêng ban xuống và bắt buộc mọi người phải tuân theo một cách triệt để. Hậu quả của Niềm Tin trên đây ảnh hưởng đến định chế của Tổ chức chính trị thời đó.

Tin tưởng quyền lực quốc gia bắt nguồn từ Đấng Tối Cao nên định chế tôn quân đã được triệt để áp dụng : Vua là mối trung gian giữa Trời và Người hay nói cách khác Vua thừa ủy nhiệm của Trời để cai trị quốc dân (thế thiên hành đạo) .

Đó là quan niệm được dùng để biện minh cho tính cách chuyên chế của chế độ quân chủ và đưa đến ý niệm kế thừa (chattruyền con nối). Như thế tôn giáo và chính trị chỉ là 1 ý thức hệ cao nhất đứng trên tất cả. Đây là một sự lầm lẫn của sự tổ chức chính trị quốc gia vì không phân biệt được quyền hành của Tôn giáo. Về điểm này Karl Marx đã nhận định tôn giáo cùng có đồng thời với những khiếm khuyết nhân loại : khi nhà nước chưa đủ bản lĩnh thì còn lầm lẫn Tôn giáo với nhà nước.

2.- Giai đoạn II.-

Giai đoạn tương tranh Chánh Giáo.- :

Giai đoạn chính trị và tôn giáo đồng nhất chấm dứt khi học thuyết của những tôn giáo lớn xuất hiện và bắt đầu truyền bá trong nhân gian. Đi sâu vào cùng đích của những học thuyết trên thì Tôn giáo chỉ là ý thức phản kháng lại bất công của xã hội. Phật Giáo muốn xóa bỏ sự phân chia giai cấp của xã hội Ấn Độ đương thời, Thiên Chúa giáo nhắm vào đối tượng giải thoát đời sống cơ cực của dân lao động và nô lệ ở Trung Đông, Nho Giáo muốn thiết lập một trật tự xã hội, Hồi - Giáo muốn chống lại tình trạng bất bình đẳng sự áp bức của đế quốc Ai cập. Cứu cánh của tôn giáo đó đó có tính cách đại đồng và xuất thế nên mục tiêu của Tôn giáo không có thể đi song hành với mục tiêu của quốc gia. Tôn giáo vượt khỏi những định chế của xã hội hiện tại và tiến đến một vị trí cao hơn được xây dựng trong niềm tin thiêng liêng tối thượng. Tôn giáo phá vỡ biên giới chủng tộc, quốc gia và chủ trương kết hợp nhân loại trên căn bản tâm linh.

Giai đoạn này bắt đầu có sự minh định rõ ràng giữa 2 vị trí Tôn giáo và Chính trị : Nguyên thủ quốc gia không nắm giữ quyền hành vật chất và tinh thần của công dân được nữa. Sự phân biệt này đưa đến tình trạng phân tranh giáo thành vì hai bên đều muốn dành quyền chi phối hoạt động của công dân. Chính quyền muốn lấy giáo lý làm phương tiện thu phục nhân tâm để nắm giữ quyền chúng còn Tôn giáo muốn dựa vào uy quyền chính trị để bành trướng giáo lý. Trong cuộc phân tranh này, ở Âu Châu đã xảy ra những cuộc thánh chiến dưới thời Trung Cổ của Thiên Chúa Giáo và Giáo Hội có tham vọng thiết lập những cộng đồng Thiên Chúa Giáo ngự trị trên mọi định chế

của thế quyền để xây dựng lại xã hội. Tại Á châu, Phật - Giáo bắt đầu bành trướng ảnh hưởng của mình dưới thời Vua A - Dục từ Ấn độ sang các quốc gia Đông Nam Á và chỉ phối chính quyền bằng phương thức gián tiếp.

Hậu quả thần quyền xen lẫn vào Chính quyền đã đưa đến sự ngưng đọng của mọi sinh hoạt quốc gia trong nhiều lãnh vực và làm mất tính cách tôn nghiêm của Tôn giáo. Thời Trung cổ Âu Châu được các sử gia gọi là "Đêm đen Trung cổ" vì với tinh thần độc tôn của Thiên Chúa giáo đã kèm hãm sự tiến bộ của tất cả các bộ môn khoa học và nghệ thuật. Phật giáo ở Á Châu cũng bắt đầu suy sụp vì sau thời gian cực thịnh ở Ấn Độ tôn giáo Bà La Môn, 1 tôn giáo khác ở Ấn độ tìm cách chống lại uy thế của Phật giáo đang đe dọa lại sự tôn vng của họ. Những sự xung đột giữa Phật Giáo và Bà La Môn khiến Phật Giáo suy nhược vì hàng tăng sĩ của Phật giáo quá yếu kém.

Tóm lại, sự phân tranh giáo chánh đã kéo dài một thời gian trong lịch sử nhân loại. Tình trạng này làm cản trở bước tiến của xã hội : Tôn giáo với những tín điều bất biến, bất di dịch không chuyển động xã hội tiến bộ theo trào lưu lịch sử. Nếu tôn giáo ngự trị thì hoạt động xã hội bị tê liệt và ngược lại nếu chính quyền lợi dụng tôn giáo thì hoạt động đó cũng không tiến triển.

Hai trường hợp đều làm băng hoại trật tự xã hội và phá vỡ cứu cánh của Tôn giáo. Vì thế, tương quan giữa chính trị và tôn giáo bước sang giai đoạn thứ ba.

3.- Giai đoạn III. - Tinh cách thế tục của quốc gia.-

Sự nảy mầm của trào lưu tư tưởng tiến bộ đã bắt đầu đánh đổ uy thế của Tôn giáo. Quan điểm của Tôn giáo về cách điều hành quốc gia không còn hợp lý để giải quyết những vấn đề siêu hình, thoát khỏi những ràng buộc của thực tại mà con người đang sống.

Trên phương diện thực tế, Tôn giáo không đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính trị và xã hội của dân chúng. Song song với sự phát triển lý tưởng tự do dân chủ, sự xuất hiện của phong trào của kỹ nghệ hóa, những hiện tượng đô thị hóa của thế kỷ thứ 18 đã làm cho tư tưởng con người tiến gần đến thực tế hơn

đi gần với khoa học hơn và làm xa lìa với thần linh và trừu tượng. Những phong trào đổ tin vào lý trí của con người để cải biến xã hội cho phù hợp với sinh hoạt thực tế của đời sống con người hơn là sự chi phối của thần linh. Giá trị của Tôn giáo bị lu mờ và lu mờ hơn nữa khi có sự hiện diện của Phong trào Cộng Sản. Cho nên Giáo quyền và Chính quyền dần dần độc lập với nhau.

Về phương diện lý thuyết, ngay trong thời Thần quyền còn ngự trị, Marsilie de Padoue đã chủ trương một xã hội thế tục dựa trên căn bản của một sự phân quyền giữa luật pháp của Trời và luật pháp của con Người. Luật pháp của Trời là mệnh lệnh của Thượng Đế ban bố và luật pháp của Người là do một tập thể công dân soạn thảo. Chủ trương này đặt nền móng cho sự phân nhiệm giáo chính sau này. Lâu lâu sự phân nhiệm càng rõ rệt hơn. Ở Anh, giáo phái Puritain chủ trương biệt lập tuyệt đối giữa Nhà Nước và Nhà Thờ. Hobbes qui định uy quyền tối cao đi từ khế ước giữa xã hội loài người. Spinoza chứng minh rằng uy quyền quốc gia dựa trên nền tảng thuần lý mà không thần linh. Locke cũng quan niệm rằng tất cả những quyền hành chính trị trước hết phải chính đáng nghĩa là phải dựa trên quyền lợi của nhân dân mà không dựa trên những đặc ân của Thượng Đế. Nhiều triết gia cũng phụ họa theo sự suy đồi của Tôn giáo, Nietzsche đã chế rieu "Thượng Đế đã chế ngày hôm qua" Auguste Comte cũng tuyên bố tương tự "Karl Marx thì cho rằng Tôn giáo là "tình trạng vong thân" của con người.

Quốc gia và Tôn giáo có những phạm vi hoạt động khác nhau. Nguyên tắc này đưa đến tính cách thế tục của quốc gia. Chính quyền không phổ biến giáo lý tôn giáo trong hoạt động của mình (như giáo dục, thông tin v.v...) cá nhân có quyền tự do tín ngưỡng giới hạn trong quyền lợi và trật tự công cộng. Trọng tâm của nguyên tắc quốc gia thế tục là giáo sĩ không trực tiếp tham gia chính trị và giáo hội phải đứng ngoài chính quyền.

Ngày nay người ta xem nguyên tắc thế tục của quốc gia là một khuôn mẫu chung cho việc điều hành chính trị. Đó là một niềm kiêu hãnh của nền văn minh nhân loại. Con người đã tiến tới việc xác định nhiệm vụ xã hội của quốc gia do Cộng

đồng quân chúng xây dựng nên, do quân chúng lãnh trách nhiệm và được hưởng quyền lợi.

Phân tích sự tương quan của Tôn giáo và Chính trị - lịch sử trên đây chỉ là một sự phân tích trên bình diện định chế. Chính trị lần lần đã độc lập với Tôn giáo đi từ giai đoạn đồng nhất, sang xung đột rồi đến sự phân nhiệm hoàn toàn giữa 2 lãnh vực.

Nhưng trên thực tại chính trị thế giới thì Tôn giáo có hoàn toàn độc lập với chính trị không? thực ra trên thực tại chính trị, Tôn giáo vẫn còn xâm nhập và ảnh hưởng đến chính trị. Mặc dầu ảnh hưởng này không còn trực tiếp như xưa trong thời kỳ Tôn giáo, còn giữ địa vị độc tôn, nhưng ảnh hưởng này đã len lỏi vào chính trị một cách gián tiếp, đôi khi làm thay đổi những quyết định của chính quyền. Tôn giáo trong quốc gia vẫn còn là một đoàn thể áp lực thường trực và mạnh mẽ với chính quyền. Ngay tại các quốc gia Tây phương luôn luôn tự hào có một cơ chế chính trị tiến bộ điều hành trên căn bản thế tục, Tôn giáo vẫn còn xâm nhập vào chính trị. Tại Đức, Đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo đang cầm quyền hiện nay, tuy không hoàn toàn ràng buộc bởi Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Đức nhưng Đảng vẫn phải hoạt động trong tinh thần của Giáo Hội. Giáo Hội có thể khuyến cáo và theo dõi đường hướng sinh hoạt của Đảng. Tại Tây Ban Nha, dưới sự lãnh đạo của tướng Franco một tín đồ Thiên Chúa Giáo, sự điều hành chính trị vẫn còn bán bạc và nhuộm màu sắc Tôn giáo. Ai cũng nhận thấy, trong những năm gần đây Hồng Y Spellman đã chi phối đến chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ tại Vùng Đông Nam Á, đặc biệt tại Việt Nam. Tại các quốc gia chậm tiến Á Phi, mối tương quan giữa chính trị và Tôn giáo vẫn còn là một sự liên lạc chặt chẽ. Khung cảnh xã hội chưa được thành hình một cách tiến bộ nên sự phân biệt tôn giáo - chính trị vẫn còn là một diễn tiến phức tạp và khó khăn. Tôn giáo vẫn còn theo dõi chính trị và đôi khi kèm tóa chính trị. Ở Vùng Trung Đông Hồi Giáo là một lực lượng mạnh nhất nắm giữ tất cả quyền hành chính trị ở vùng này. Hiện tượng thống nhất các quốc gia Hồi giáo do Nasser chủ trương cũng dựa trên căn bản của những tín điều trong kinh Coran của giáo chủ Mahomet ở Miền Nam Mỹ, các Giáo hội Công giáo của các quốc gia này vẫn thường xuyên đi và o

sinh hoạt Chính trị. Đó cũng là 1 lý do mà các phong trào giải phóng dân tộc không bùng nổ mạnh mẽ vì thành phần dân chúng tại đây phần lớn là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Các quốc gia ở A Châu, Tôn giáo chính là Phật giáo đã liên kết tinh thần từ tình trạng chính trị và lịch sử. Điển hình nhất là ở Tích Lan và Miến Điện. Tại đây hai yếu tố chính trị và Tôn Giáo đã trộn lẫn với nhau một cách chặc chẽ. Sau khi thu hồi độc lập, 2 quốc gia trên đã đủ xây dựng chính quyền trên nền tảng Phật giáo. Những định chế xã hội dựa trên khuôn khổ giáo lý Phật Giáo.

Theo những nhận xét nêu trên, tuy Chính trị và Tôn Giáo đã tiến đến một sự phân ly nhưng chưa tuyệt đối. Sự xâm nhập của Tôn giáo vào chính trị vẫn còn. Mức độ xâm nhập tùy thuộc vào hoàn cảnh xã hội, vào tổ chức chính trị, hoàn cảnh địa lý và cá nhân nhà cầm quyền. Sự xâm nhập đó dần xây ra ở quốc gia nào đi nữa cũng bắt nguồn từ những lý do sau đây:

ĐỨC TIN CỦA TÍN ĐỒ ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH ĐỘNG CHÍNH TRỊ VÀ PHƯƠNG DIỆN CÔNG DÂN.-

Thành phần công dân thường gồm những tín đồ của các tôn giáo. Tôn giáo chính trong nước có một thành phần công dân đông đảo nhất. Công dân có thể can thiệp vào sự điều hành của chính quyền từ những hình thức đơn giản như bỏ phiếu đến những hình thức ở mức độ cao nhất như thay đổi quyết định của chính quyền cho phù hợp với quyền lợi của Tôn Giáo. Cử tri - thích tuyển chọn các ứng cử viên cùng một tôn giáo với mình các ứng cử viên này có thể trở thành những viên chức, những nhà cầm quyền và ít khi họ quên họ là một tín đồ của tôn giáo nên cư xử hành động theo tư tưởng của Tôn giáo mình đã theo. Hơn nữa chính sách của Chính phủ cũng có thể bị công dân chi phối đúng với tôn chỉ của Giáo Hội.

SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC GIÁO HỘI TRONG CÁC LỰC LƯỢNG QUẢN CHỨNG.

Giáo hội là một lực lượng quản chúng đứng vị trí nổi bật nhất trong sinh hoạt chính trị. Nó đã góp phần trong việc tạo công luận và đưa tín đồ với tư cách công dân vào những diễn tiến của các quyết định của chính quyền. Cho nên Giáo Hội thường dựa vào lực lượng tín đồ để làm phương tiện hành xử

quyền hành chính trị. Đôi khi lấy phương châm bảo vệ quyền lợi của tín đồ, Giáo Hội thúc đẩy tín đồ ảnh hưởng vào guồng máy chính trị tạo một áp lực gần như liên tục đến sự chuyển vận guồng máy đó. Trên bình diện quốc tế, nhiều Giáo Hội của nhiều quốc gia liên kết dưới sự chỉ huy trực tiếp của một giáo hội lớn hơn nên mỗi quyết định của Giáo Hội vào cơ chế chính trị quốc gia đều được giáo hội quốc tế hỗ trợ. Sự chi phối chính trị do đó mãnh liệt hơn. Đó là trường hợp Giáo Hội Công Giáo La Mã - Tòa Thánh Vatican. Không những quan trọng quốc gia rộng 24 dặm vuông mà còn chăm sóc trên 400 triệu linh hồn. Giáo Hội Hồi Giáo của các quốc gia theo Hồi Giáo cũng đặt trên tinh thần đó. Phật Giáo ở Á Châu, sự liên lạc giữa các Giáo hội có phần lỏng lẻo hơn. Sự tương quan của các Giáo hội này chỉ dừng trên phương diện liên lạc và giáo lý mà không ở phương diện điều hành, những cuộc Hội nghị quốc tế của Phật Giáo chỉ là những cuộc gặp gỡ để trao đổi liên lạc văn hóa hơn là vạch đường lối chính sách cho Phật giáo.

Tóm lại, trong thực tại chính trị, ảnh hưởng của Tôn giáo vẫn còn len lỏi vào đời sống chính trị 1 cách quan trọng. Trừ các quốc gia Cộng sản, ý thức hệ Cộng Sản đã loại bỏ ý thức hệ tôn giáo, chừng nào các quốc gia trên thế giới vẫn còn công nhận tư tưởng của Tôn giáo thì sự xâm nhập của Tôn giáo vào chính trị vẫn còn tồn tại.

Riêng tại Việt Nam, mối tương quan giữa Tôn Giáo và Chính trị vẫn còn sâu đậm. Đặc biệt nhất là Phật Giáo, một tôn giáo lớn đã có những thời kỳ đi vào đời sống chính trị một cách trực tiếp trong lịch sử, đã ghi lại nhiều dấu vết trong nếp sinh hoạt dân chúng, trong ý thức hệ xây dựng quốc gia. Nhưng vì những yếu tố chủ quan và khách quan khiến Phật giáo đã vắng bóng trong đời sống chính trị một khoảng thời gian hơn 5 thế kỷ đã trở lại tham gia chính trị.

Sự hiện diện của Phật giáo trong chính trường là một hiện tượng bất nguồn từ 2 lý do Tôn Giáo và Chính Trị. Hai lý do này vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của nhau. Đó chỉ là hai khía cạnh của một vấn đề phục hưng tôn giáo : Một đằng dùng những phương tiện chính trị để phục hồi vị trí ưu thế của mình trong xã hội, một đằng vì muốn phục hồi vị trí đó -

mới sử dụng những phương tiện chính trị. Những yếu tố đó đã đưa Phật Giáo bước vào con đường chính trị tại Việt Nam.

1.- Lý do Tôn Giáo.-

Sự tham gia chính trị của Phật Giáo trước tiên chỉ là một phản ứng của giá trị tinh thần chống lại những giá trị - khác từ bên ngoài vào. Phản ứng này dần dần không còn ở trên phạm vi lý thuyết mà đi vào hành động thực tế một khi quyền lợi tôn giáo của Tín đồ bị va chạm trực tiếp.

Tồn tại rất lâu tại Việt Nam, Phật Giáo đã biến thành một tôn giáo thuần túy Việt Nam, tư tưởng của Phật Giáo đã chi phối đại đa số dân chúng Việt Nam hay ít nhất đã để lại một mối liên hệ tình cảm nào đó. Tất cả những uy thế đó đã bị suy sụp bắt đầu từ thời thực dân đô hộ vì chính sách củangười Pháp. Người Pháp đã dành nhiều đặc ân cho Thiên Chúa Giáo, họ đã lợi dụng Thiên Chúa Giáo như một phương tiện tiếp tay cho chính sách của mình tại Việt Nam nên đã tìm cách triệt hạ những Tôn Giáo cổ truyền trong đó có 2 tôn giáo quan trọng là Nho Giáo và Phật Giáo. Ý thức hệ của Nho Giáo đã bị hoàn toàn tan rã trước sự tấn công của ý thức hệ Tây phương, chỉ còn lại Phật Giáo là tôn giáo duy nhất đối diện với nhà cầm quyền thực dân hứng chịu mọi sự đàn áp.

Tiếp đến trong thời kỳ đệ I Cộng Hòa, mặc dầu quyền tự do tín ngưỡng được minh thị trong Hiến Pháp 1956 nhưng trên thực tế sự ưu đãi Thiên Chúa Giáo vẫn còn tồn tại. Phật Giáo cảm thấy bị mờ nhạt trong tổ chức xã hội Vị lãnh tụ một tín đồ Thiên Chúa Giáo nên Chủ thuyết điều hành chính quyền cũng thoát thai trong tinh thần Thiên Chúa Giáo và chính quyền khước từ nhiều giá trị cổ truyền trong đó có Phật Giáo Trên phương diện vật chất, Thiên Chúa Giáo hưởng nhiều điều kiện dễ dàng để hành đạo và truyền đạo và phát triển Giáo Hội Dự số 10 - một qui chế bất bình đẳng về tôn giáo qui định các hoạt động của Tôn Giáo.-Trừ Thiên Chúa Giáo- như 1 hiệp hội, Chính quyền có thể ngưng hoạt động tùy theo nhu cầu an ninh. cũng vẫn còn áp dụng.

Khi bành trướng một chủ thuyết thì phải loại bỏ một chủ thuyết khác, khi bành trướng một thế lực thì tìm cách hủy

bỏ một lực lượng khác. Khi những nhà cầm quyền trong quá khứ muốn bành trướng Thiên Chúa Giáo thì phải gián tiếp làm giảm tiềm năng, hoạt động của Phật Giáo đang có ảnh hưởng mạnh trong quần chúng. Nếu hủy bỏ, tiêu diệt không được, bắt buộc thế lực đối lập tìm cách vươn lên. Phật Giáo cũng thế, đã phản ứng lại những chính sách nguy hiểm cho hoạt động của mình. Do đó mà lần hồi, Phật Giáo tìm những chiến thuật đấu tranh chống lại lực lượng ngược chiều. Đối nội, Phật Giáo đã chinh đốn - táng lớp Tu sĩ, đoàn ngũ hóa tín đồ, lập những tổ chức Phật Giáo địa phương, truyền bá giáo lý trong quần chúng. Đối ngoại, từ năm 1952 trở đi Phật giáo bắt đầu liên lạc với các Giáo Hội Phật Giáo Ngoại quốc, đặc biệt là các nước tại Đông Nam Á, Gia nhập vào Hội nghị Phật Giáo quốc tế. Từ đó Phật Giáo Việt Nam không còn lẻ loi như trước và đã có một lực lượng quan chúng đã được lôi kéo đứng về phía mình và khơi mào chống đối lại chính quyền.

Đó là tất cả những nguyên nhân sâu xa đã thúc đẩy Phật Giáo vào hoạt động chính trị.

Ngày 7.5.1963, việc triệt hạ cờ Phật Giáo tại thành phố Huế - một thành phố có nhiều tín đồ Phật Giáo nhất tại Việt Nam - mở đầu cho một cuộc tranh đấu chính trị của Phật Giáo. đưa đến cuộc đảo chánh. Biến cố chính trị này chỉ là một nguyên nhân trực tiếp, một cơ hội, một cái cớ mà Phật giáo dựa vào đó để làm bùng nổ tất cả những uất hận chất chứa trong quá khứ. Và từ đó, ngày 1.1.63 đã mở 1 con đường mới cho Phật Giáo : dùng phương tiện chính trị để phục hưng Phật Giáo.

2.- Lý do Chính trị.-

Thật ra Phật giáo không phải là một tổ chức có mục tiêu chính trị nhưng lại có ảnh hưởng chính trị.

Tín đồ Phật giáo chiếm đa số dân chúng tại Việt Nam Sự kiện này tạo cho Phật Giáo một mối liên lạc chắc chắn với dân chúng. Mối liên lạc giữa Phật giáo và quần chúng có tính cách trực tiếp và hòa đồng. Nhờ đó mà Phật giáo có thể huy động quần chúng đứng cùng 1 vị trí với mình để tranh đấu chính trị mà không qua trung gian của một tổ chức nào khác. Đáng lý ra, thông thường trong sinh hoạt chính trị quốc gia công việc này phải do một chính đảng điều khiển hơn là để cho những

nhóm áp lực vì chính đảng là cơ quan vận dụng và tập trung dư luận. Nhưng Chính đảng tại Việt Nam không thể hoàn thành nhiệm vụ đó. Ngay trong hiện tại các chính đảng chưa có một tổ chức và một hệ thống quần chúng, chưa vượt được những trở ngại nội bộ để tích cực hoạt động hầu gây căn bản trong quần chúng.

Nhìn lại nguồn gốc, trước kia trong thời Pháp thuộc chính đảng Việt Nam chỉ là những Hội Mật của những người yêu nước hoạt động một cách bí mật để chống lại chế độ Thực dân. Do đó người Pháp không ngừng tìm cách tiêu diệt. Trong chế độ của Tổng Thống Diệm, với chính sách loại trừ đối lập, chính đảng Việt Nam cũng bị đàn áp nên chưa có cơ hội phát triển cơ cấu, bành trướng mục tiêu sâu rộng trong quần chúng. Sau hết những phong trào quốc gia, các chính đảng không có một chủ thuyết chính trị nào tiến bộ khả dĩ thu hút được nhân dân. Do đó mà những phong trào đó bị tan rã dần dần...

Vì vậy sự liên lạc giữa quần chúng và các Chính Đảng hết sức lỏng lẻo nếu không muốn nói là không có. Dân chúng chỉ biết quay trở về liên lạc gần như độc nhất những tổ chức tôn giáo địa phương qua trung gian của hàng Tăng phạm là tượng trưng cho những gì còn lại của dân chúng đối với chính quyền. Nho Giáo đã hoàn toàn mất ảnh hưởng trong dân chúng. Công giáo rất ít khi hợp tác với quần chúng ngoài khối tín đồ, chỉ còn lại Phật Giáo là tôn giáo lớn nhất đón nhận nhiều thành phần dân chúng nhất. Vô tình họ đã đồng hóa quyền lợi của mình và quyền lợi Phật Giáo là một. Cho nên một khi Phật Giáo đứng lên phát động phong trào đấu tranh thì đã có sẵn một tiềm lực dân chúng nên rất dễ vận động. Điều đó đã dễ dàng nhận thấy trong cuộc vận động quần chúng đầu tiên của Phật Giáo năm 1963 để thu hút rất nhiều dân chúng. Dù cố gắng cho mình chỉ hoạt động trong phạm vi thuần túy tôn giáo chẳng nữa thì tầm quan trọng của vấn đề chính trị đã được đặt ra và không thể chối cãi. Từ đó về sau, Phật Giáo đã trở thành một đoàn thể chính trị mạnh nhất nước và là một lực lượng đã xử dụng nhiều phương tiện chính trị nhất. Nói khác đi Phật Giáo đã tham gia chính trị vì phải chính trị hóa những hoạt động của mình. Mức độ tham gia chính trị tùy thuộc vào những điều kiện sinh - hoạt tôn giáo.

Tóm lại, lý do để Phật Giáo đi vào con đường chính trị bắt nguồn từ hai yếu tố tôn giáo và chính trị, hai yếu tố đó không thể tách rời nhau mà bổ túc hỗ tương cho nhau. Mục tiêu của tôn giáo đã thúc đẩy Phật Giáo làm chính trị và nhờ chính trị Phật giáo đã cố gắng để đạt đến những mục tiêu tôn giáo.

PHẦN I

HIỆN-TRẠNG PHẬT-GIÁO TẠI VIỆT-NAM

Noạt động chính trị của Phật Giáo thường mang lại những hậu quả đáng kinh ngạc hơn những lực lượng khác vì Phật giáo đã là một lực lượng chính trị mạnh. Lễ thường sức mạnh của đoàn thể đều dựa trên cơ cấu tổ chức và hệ thống kiểm soát đoàn viên. Nhưng Phật giáo mạnh không nhờ ở tổ chức vì tổ chức của Phật giáo còn phôi - thai không đủ thời gian để phát triển và củng cố, không xây dựng trên kiến trúc tín điều để trói buộc tinh thần cá nhân. Sức mạnh của Phật giáo chỉ phát xuất từ hai yếu tố : lịch sử và tín đồ. Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của hai yếu tố chung đã tạo ra khuôn mặt sống động và phong phú của Phật Giáo Việt Nam.

- Yếu tố lịch sử. -

Đây là một niềm kiêu hãnh trước tiên của Phật Giáo . Có một lịch sử đầu đời tại Việt Nam, Phật giáo đã có những thời kỳ đi sâu vào tổ chức xã hội. Ngay trong những triều đại ổn định và độc lập đầu tiên của Việt Nam, sự hợp tác giữa những nhà tu sĩ Phật giáo với những nhà Vua Việt Nam đã lên đến tột đỉnh và đã đem lại cho quốc gia những định chế xã hội và chính trị lương hảo. Điều này đã có những ý nghĩa chính trị đối với quần chúng Việt Nam vì các nhà Vua của triều đại đó (Lý, Trần) là những người quốc gia mãnh liệt nhất lịch sử. Trong thời gian gần đây, dưới thời Pháp thuộc, Phật Giáo Việt Nam chưa bao giờ cấu kết với những thế lực thống trị ngoại bang, đã lùi dần trong hàng ngũ nhân dân, bị Triều đình chối bỏ nên Phật Giáo không liên hệ gì đến cuộc suy vong của triều đình. Phật Giáo liên kết với những phong trào quốc gia chống thực dân. Quá khứ "trong sạch" đó vừa tạo cho tín đồ một niềm

tin vào tinh thần quốc gia của Phật Giáo vừa làm cho quần chúng ủng hộ các phong trào Phật Giáo.

- Yếu tố tín đồ :

Tín đồ chiếm đại đa số quần chúng. Cho nên ý thức hệ Phật Giáo đã thiết lập được một nhân sinh quan cho đại chúng. Đó là một nền tảng tâm lý thuận lợi cho hoạt động của Phật Giáo.

Sau năm 1963, sau khi thoát khỏi những thế lực chính trị kềm hãm sự phát triển, Phật Giáo Việt Nam cố gắng đi đến một tổ chức Giáo Hội bằng cách hệ thống hóa những tổ chức địa phương và qui tụ tất cả tín đồ dưới sự kiểm soát của một tổ chức duy nhất. Nhưng liệu rằng tổ chức đó có thể đưa Phật Giáo Việt Nam vượt qua những khó khăn rất to lớn trong hiện tại không ?

*
)*
)

Chương Một
**KHUYNH HƯỚNG PHỤC HƯNG
PHẬT GIÁO**

Sự hưng thịnh và phát triển của Phật Giáo đã bị suy vọng dần sau đời nhà Lý, Trần. Qua những kinh nghiệm lịch sử trên, Phật Giáo Việt Nam muốn đặt mình trong khung cảnh xã hội, thích ứng hóa với khung cảnh đó để rồi có thể phát triển trong tương lai. Vì thế trước khi khảo sát khuynh hướng phục hưng của Phật Giáo trước tiên phải tìm hiểu lịch sử Phật giáo tại Việt Nam sau đó khảo sát con đường phục hưng Phật giáo trong sự hiện đại hóa.

ĐOẠN I.- LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM.-

Trong tiến trình Phật Giáo tại Việt Nam, năm 1920 là năm tiêu mốc đánh dấu một sự chuyển mình của Phật Giáo Việt Nam hiện tại vì năm này khởi đầu cho công cuộc phục hưng của Phật giáo tại Việt Nam vì thế chúng tôi lấy năm 1920 để phân chia những giai đoạn chính của lịch sử Phật giáo tại Việt Nam có thể chia làm 2 giai đoạn :

- Giai đoạn I : từ thời kỳ du nhập đến năm 1920
- Giai đoạn II: từ 1920 đến ngày nay.

I.- GIẢI ĐOẠN I.- Từ thời kỳ du nhập đến năm 1920.

Trong giai đoạn này lịch sử Phật Giáo được chia làm ba thời kỳ :

1.- Thời kỳ du nhập.-

Có nhiều chủ trương và lập thuyết khác nhau về thời kỳ này. Nhưng người ta có thể cho rằng Phật Giáo được truyền đến Việt Nam vào khoảng năm 189 sau Tây lịch là đáng tin cậy

hơn cả. Khởi xướng của công trình du nhập và truyền bá donhà sư Mâu bác (Meou-Po) và các nhà sư Trung Hoa khác.

Vì sau nhờ 2 phái đoàn truyền giáo : 1 phái đoàn người Ấn độ sang Việt Nam bằng đường thủy, 1 đoàn người truyền giáo Trung Hoa khác hướng dẫn sang Việt Nam bằng đường bộ. Từ đó Phật Giáo mới được phổ biến và dần dần lan rộng trong quần chúng. Hai trường phái đoàn sau truyền giáo sau trở thành hai vị khai tổ cho 2 phái Phật Giáo tại Việt Nam. Vì điều kiện địa lý và lịch sử, ảnh hưởng của Phật Giáo Ấn độ phải mờ dần chỉ có ảnh hưởng của Phật Giáo Trung Hoa mới truyền bá rộng rãi.

2.- Thời kỳ hưng thịnh và Phát triển (từ 968 - 1400).-

Thời kỳ này kéo dài trong suốt 2 triều đại Lý, Trần. Ảnh hưởng Phật giáo lan rộng trong tổ chức chính quyền và trong sinh hoạt quần chúng. Phật giáo trong thời kỳ này phát triển đến cao độ vì :

- Có nhiều vị Tỳ kheo có tài của nhiều thiền phái như nhà sư Vạn Hạnh, nhà sư Khuông Việt.

- Phật Giáo thường kết thân với chính quyền nên được giúp đỡ phương tiện để phát triển. Ngay Vua Lý Thái Tổ làm một vị tu sĩ Phật Giáo xuất thân, nhiều nhà sư đã trông coi triều chính, do sự bành trướng được dành nhiều bề dãi, Trong thời kỳ này các cơ sở hành đạo và truyền đạo được thiết lập lên rất nhiều.

Trong lịch sử chính trị Việt Nam, đời Lý, Trần là hai triều đại có những tổ chức chính trị tiến bộ, quốc gia phát triển về mọi mặt kinh tế, văn hóa và quân sự. Điều này đủ chứng minh ý thức hệ có đủ khả năng để xây dựng những định chế xã hội tiến bộ trong việc phát triển quốc gia.

3.- Thời kỳ suy vi của Phật Giáo (1428 - 1920).-

Sau thời kỳ toàn thịnh trên, Phật Giáo lần lượt đi vào tình trạng suy vi. Đến đời nhà Hậu Lê, Phật Giáo bị Nho Giáo và Lão giáo xâm nhập nên không giữ được tính cách thuần túy của mình nữa. Thêm vào đó, ở thời kỳ này không có những vị tu sĩ có tài để hoàng dương chánh pháp. Phật giáo không

còn ở giai cấp thống trị mà của giai cấp bị trị, các Tăng Ni phân nhiều ít học, bày ra các lễ nghi phiền phức mê tín dị đoan mà quên mất phần giáo lý của Phật giáo (1).

Vào thế kỷ 15 Phật giáo ở Bắc suy vi ở Trung bắt đầu thịnh đạt. Các Chúa Nguyễn rất sùng Đạo Phật cho xây cất chùa chiền. Nhưng đến lúc Nhà Tây Sơn (1778 - 1802) lên nắm chính quyền, Nhà Tây Sơn không dành một đặc ân thoát tục nào hết cho Phật Giáo. Khi nhà Nguyễn thống nhất quốc gia, Phật Giáo biến thành 1 lợi khí chính trị để duy trì ngôi vị nhà vua chứ không còn 1 tôn giáo ở địa vị lãnh đạo tinh thần. Các vị tăng ni bị trục xuất xuống hàng thủ trị các chùa, thầy cúng mà - thôi.

Đến khoảng hậu bán thế kỷ 19, dưới sự cai trị của người Pháp tình trạng của Phật giáo càng lụn bại bị dạt hơn. Trong hơn 80 năm Phật Giáo một mặt bị các Tôn giáo từ Tây - phương mới truyền bá lấn áp, một mặt bị các nhà cầm quyền đương thời hạn chế khắc nghiệt nên không thể phát triển qui mô được. Thêm vào đó, lại có các phần tử len lỏi vào hàng ngũ Phật Giáo biến Phật giáo thành một tôn giáo mê tín, dị đoan, thần bí, phù chú... Và do đó Phật giáo bị coi thường, Thời kỳ này quả là thời "Mạt Pháp".

II.- GIAI ĐOẠN II.- THỜI KỲ PHỤC HUNG CỦA PHẬT GIÁO : TỪ 1920 ĐẾN NGÀY NAY.

Tình trạng bi đát của Phật Giáo kéo dài đến năm 1920 khi có phong trào vận động cho công cuộc cải cách canh tân, Phật Giáo Trung Hoa, ảnh hưởng của Phong trào này lan rộng sang Việt Nam, các Giới Phật tử ở Việt Nam đã khởi xướng lên phong trào phục hưng Phật Giáo cả 3 miền Trung và Bắc.

Năm 1931 một Hội Phật Học đầu tiên được thành lập ở Saigon lấy tên là Nam Việt Nghiên Cứu Phật Học. Năm 1932 Hội Phật Học được thành lập ở Trung Việt, và ở Bắc Việt năm 1934 cũng thành lập Hội Việt Nam Phật Giáo. Các Hội Phật Học trên đây do các Tăng ni vètu sĩ góp sức để thành lập mở những bước đầu tiên cho việc cải cách Phật Giáo tại Việt Nam. Mặc dầu mỗi Hội đều có những phương tiện hoạt động khác nhau

(1) Thích Mật Thế : Việt Nam Phật Giáo Sơ lược trang 107

Hội Tăng Ni Bắc Việt xuất bản - 1943.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

từ trung đều có mục đích sau :

- Tổ chức nghiêm chỉnh lại chùa chiền, cơ sở hành đạo.
- đào tạo những cán bộ hoàng pháp
- phổ biến giáo lý nhà Phật bằng chữ quốc ngữ

Ngày 6/5/1951, một Hội nghị toàn quốc của Phật Giáo-hợp ở Huế gồm trên 50 đại biểu Tăng già và cư sĩ. Nhiều bản quyết nghị được chấp thuận như thống nhất các hội cư sĩ, cải cách nội bộ Phật Giáo, qui định Lễ nghi, phổ cập giáo lý trong dân chúng và chuyên tâm đào tạo 1 thế hệ Phật tử có trình độ học vấn uyên thâm hơn. Đại Hội cũng đã phê chuẩn việc bầu cử Thượng Tọa Tố Liên, Đại Biểu Phật Giáo Bắc Việt, ký tên cho Phật Giáo Việt Nam gia nhập vào Hội Phật Giáo thế giới. Hội Phật Giáo thế giới được thành lập tại Hội nghị quốc tế Phật Giáo họp tại Colombo, Tích Lan, năm 1930 (1).

Năm 1952, nhiều hình thức giao dịch với Phật giáo thế giới đã xảy ra tại Việt Nam. Ví dụ Phái Đoàn Phật Giáo Tích Lan họp Hội nghị ở Đông Kinh có mang theo ngọc xá lợi của Đức Phật để tặng nước Nhật, lúc tàu dừng tại Saigon, các đại diện Phật giáo các Miền đã tổ chức một buổi lễ cung nghinh có hơn 100 ngàn người tham dự. Từ đó các cơ quan từ thiện, Phật học đường, tư thực Phật giáo và cơ sở thanh niên Phật tử được thành lập và phát triển. Ngoài ra Phật giáo còn cử người đi tham dự các cuộc Hội Nghị của Phật Giáo thế giới để tổ chức trong vùng Á Châu : Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Ấn độ, Nhật Bản v.v... dặt liên lạc với các Giáo Hội Phật giáo các nước trên. Đặc điểm hơn cả có lẽ là việc gửi Tu sĩ du học tại ngoại quốc để tạo thêm phương tiện nhân sự cho cơ cấu hoạt động của Phật Giáo.

Sau những thời kỳ phân tán lâu dài, đến năm 1955 Phật giáo mới đề cập đến việc Thống Nhất Phật Giáo tại Việt Nam. Đó là việc thành lập Tổng Hội Phật Giáo. Trong một Hội - Nghị toàn quốc tại Huế năm 1951 với 53 đại biểu tăng già và Cư sĩ ở Huế, tất cả các đại biểu đều chấp nhận việc thống nhất Phật

(1) và (2) Tuệ Giác : "Việt Nam Phật Giáo tranh đấu sử" trang 75 - 76 Nhà xuất bản Hoa Nghiêm - 1964.

Giáo (2) Sự thống nhất được chia làm hai giai đoạn :

- Đoạn đầu dưới hình thức 1 Tổng Hội gồm 6 Tổng Đoàn 3 tăng sĩ, 3 cư sĩ.

-Đoạn sau sẽ là sự thống nhất thật sự, các tập đoàn này bị xóa bỏ và sáp nhập vào một hội duy nhất là Hội - Phật giáo Việt Nam.

Năm 1956, Tổng Hội đã triệu tập một Đại hội nghị toàn quốc lần thứ hai tại Saigon để bầu Ban quản trị Trung Ương thực thụ. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ trong ban quản trị lâm thời đã được tái cử.

Thời kỳ này, tình hình Phật Giáo Việt Nam đã tiến - triển vượt bậc với những hoạt động tích cực và xây dựng trong lãnh vực truyền bá Phật giáo của các Hội Phật Học và Tông - phái như :

- Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy
- Giáo Hội Tăng già Trung phần
- Giáo Hội Thiền định đạo tràng
- Giáo Hội Tăng già Nam Việt
- Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt
- Giáo Hội tăng sĩ Theravada
- Hội Phật giáo nguyên thủy
- Hội Phật Học Nam Việt
- Giáo Phái Theravada
- Hội Phật Giáo Việt Nam Trung phần
- Hội Phật Giáo Việt Nam Bắc Phần (1)

Từ năm 1920 đến 1955 là thời kỳ phục hưng mạnh mẽ của Phật giáo không đầy mấy chục năm mà Phật giáo đã vùng dậy khỏi một thời kỳ tăm tối kéo dài hơn 5 thế kỷ qua là một phép lạ nhiệm mầu : gạt bỏ phần giáo lý Phật giáo đã tác động trên tâm lý quần chúng, có nhiều sự kiện chính trị đã xảy ra gắn liền với hoạt động Phật giáo làm động cơ thúc đẩy Phật - Giáo tiến bước. Trên phương diện chính trị, hiện tượng này có thể giải thích như sau :

- Trong thời gian chống thực dân, Phật giáo đã liên

(1) Thích Thiện Ân : Phật Giáo Việt Nam xưa và nay - Trang 74 - Đông Phương xuất bản 1964

kết chặt chẽ với những lực lượng yêu nước khác tiếp tục tranh đấu kháng Pháp, ví dụ : cuộc khởi nghĩa của giặc "Thầy Chừa" ở Phú yên năm 1948. Sự liên kết của các nhà sư với phong trào quốc gia như nhà sư Trạch với tổ chức của nhà ái quốc Nguyễn Thái Học, rất nhiều tổ chức bí mật kháng Pháp của Phật Giáo được tìm thấy ở miền Nam : Tổ chức Nghĩa Hòa, Tổ chức Thiên-Địa Hội, tổ chức Long Nghĩa Hội, tổ chức Nhơn Hòa Đường v.v. Các cuộc họp được tổ chức ban đêm trong các chùa chiến với sự tham dự hay lãnh đạo các tổ chức kháng Pháp thỉnh thoảng bị bắt hay bị khai thác (1).

Những trường hợp điển hình trên đây cho ta thấy Phật giáo đã đứng chung trong lý tưởng cứu nước của các tầng lớp dân chúng nên được dân chúng ủng hộ triệt để. Đó là một yếu tố thuận lợi cho việc phát triển Phật Giáo.

- Phong trào phục hưng Phật Giáo chỉ thực sự bắt đầu khi có sự thành lập của các Hội Phật Học ở Trung Nam Bắc. Vào năm 1920 Phong trào quốc gia chống thực dân đã lớn mạnh. Người Pháp tìm những biện pháp ngăn cản, một trong những biện pháp đó có biện pháp khuyến khích thành lập những Hội Phật Học. Thâm ý của người Pháp là thử cho phép thành lập những Hội tôn giáo để mình có thể kiểm soát, đặt người vào cơ sở để thao túng còn hơn để cho họ tổ chức bí mật chống lại mình. Cho phép mở những hội như thế không những lấy lòng được dân thuộc địa mà còn có cái lợi lớn hơn là khiến cho dân chúng say mê công việc cúng bái mà xao lãng việc tham dự các phong trào cách mạng. Nhưng các Hội Phật Học dần dần tạo được một sinh khí thực sự. Chính các Hội này đã góp phần vào văn đề Văn Hóa, chính đốn tín ngưỡng, bài trừ mê tín dị đoan, t a o lại uy tín cho Phật Giáo. Và những Hội này đã đặt nền móng đầu tiên cho sức mạnh thực sự của Phật Giáo.

- Song song với sự kết hợp các lực lượng quốc gia, Phật giáo đã gặp được nhiều điều kiện thuận tiện trong việc lôi cuốn tín đồ. Khi người Tây đến Việt Nam mang theo một tôn giáo mới là Thiên Chúa Giáo sang truyền bá. Cho nên Thiên Chúa giáo được xem như là một tôn giáo của Tây phương, người

(1) Nhật Hạnh - " Hoa Sen trong biển lửa - Hội Phật Tử Việt -
Kiểu Hải ngoại xuất bản - Paris - 1967 trang 59.

đi chinh phục. "Ý niệm về Thiên Chúa giáo của người Việt Nam luôn luôn được kết hợp với ý niệm về những người da trắng đã đến xứ này để thăm dò buôn bán, chinh phục và thiết lập nền đô hộ" (1) Điều này là một điều không may cho lịch sử Thiên Chúa giáo tại Việt Nam. Tiếp đến thực dân lợi dụng Thiên Chúa giáo trong công cuộc xâm lăng. Người Việt Nam càng nghi kỵ Thiên Chúa giáo hơn nữa và sẵn sàng hợp tác với Phật Giáo đang liên kết với những lực lượng cách mạng chống Pháp. Nhờ đó tín đồ Phật giáo càng ngày càng đông hơn.

- Sự phục hưng của Phật giáo được đặt trong khung cảnh của sự phục hưng Phật giáo của toàn vùng Á châu. Ở Trung Hoa, Tích Lan, Miến Điện v.v... Phong trào hoàng dương Phật pháp cũng phát động cùng một thời gian với Việt Nam. Những tổ chức quốc tế cũng được thành lập để đoàn kết, yểm trợ về mọi phương diện vật chất và tinh thần cho những Hội Phật Giáo của quốc gia địa phương. Hơn nữa không riêng gì ở tại Á châu, người Tây phương bắt đầu chú trọng đến ý thức hệ Phật Giáo. Các Giáo Hội Phật giáo, các phong trào nghiên cứu Phật Giáo cũng được khuyến khích và dần dần họ không còn coi thường Phật giáo mà trái lại họ nhìn Phật giáo với nhiều khính lễ. Năm 1930, Hội Phật giáo thế giới được thành lập, Phật Giáo Việt Nam cũng là hội viên. Tính cách ban hoạt động của Phật giáo đều được hỗ trợ của các quốc gia khác.

Phân tích những sự kiện lịch sử trên đây để cho thấy Phật giáo đã bắt gặp những cơ hội lịch sử tốt để phục hưng và tạo thành 1 lực lượng xã hội đảng K tại Việt Nam.

Dưới thời Đế I Cộng Hòa, với đà tiến sẵn có, Phật giáo vẫn phát triển song hành với những hình thức đàn áp mới của chế độ đó. Ở thời kỳ này, Phật giáo đã lớn mạnh, cơ cấu tổ chức đã vững vàng với hệ thống đặt trong và ngoài nước qui mô nên dù chính sách "Kỳ thị tôn giáo" dù có tinh vi đến đâu cũng làm cho tín đồ Phật giáo cảm thấy và biết được để sẵn sàng chống đối. Nhân dịp ngày lễ Phật Đản 7/5/63 chính quyền ngăn cản việc treo cờ Phật giáo làm cho tín đồ vùng dậy và đấu tranh với chế độ, đưa đến cuộc đảo chính 1.1.63 và sự cáo chung của chế độ đã mở 1 kỷ nguyên mới cho Phật Giáo. Các Hội Tông giáo phái đã kết hợp lại và chịu chung một kỷ luật dưới sự lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngày

20.11.1963 Phật giáo đã công bố một Hiến chương đầu tiên của mình.

ĐOẠN II.- CHỦ TRƯỞNG HIỆN ĐẠI HÓA CỦA PHẬT GIÁO.-

Hiện đại hóa Phật giáo là khuynh hướng phục hưng Phật giáo, đặt Phật giáo trong khung cảnh xã hội hiện tại để thích ứng hóa với khung cảnh xã hội, làm sao cho những giá trị tinh thần của Phật giáo không đi ngược lại với trào lưu tư tưởng hiện đại. Phật giáo phải làm một cuộc "thoát xác" khỏi kho tàng kinh điển và lý thuyết cứng đờ mà diễn biến linh động theo những hình thức sinh hoạt của hiện tại và tương lai.

Trong khi những tôn giáo cổ truyền như Khổng, và chạm với ảnh hưởng văn hóa Tây phương liền bị tiêu hủy một cách dễ dàng và mau chóng, Phật giáo không bị hủy diệt mà trái lại còn phục hồi uy thế và địa vị của mình. Điều đó chứng tỏ Phật giáo có những nguyên lý sống động, một nội dung chưa đầy sức sống có thể tiến triển cùng thời gian và không gian.

Nhưng vấn đề quan trọng cho sự hiện đại hóa là đặt Đạo Phật vào cuộc sống xã hội phải được quan niệm như thế nào để khỏi đi sai tinh thần Phật Giáo và đồng thời tinh thần của Phật giáo không biến mất khỏi cuộc sống của con người.

I.- LÝ THUYẾT VỀ SỰ HIỆN ĐẠI HÓA.-

Trước tiên cần phân biệt hiện đại hóa và thế tục hóa Đạo Phật không chủ trương thế tục hóa.

Đạo Phật gồm có 2 phần : phần xuất thế và phần nhập thế.

- Phần xuất thế :

Phần xuất thế là phần đứng trên những định chế xã hội luôn luôn giữ tính cách tôn nghiêm của mình. Nếu không còn bản chất này thì tôn giáo không còn là một tôn giáo, Đạo Phật không còn giữ được nội dung cao quý của mình mà biến thành một lối sống thường của con người trong xã hội.

- Phần nhập thế :

Tức là "Đạo Phật đi vào cuộc đời" Đạo Phật phải có mặt trong mọi cơ cấu sinh hoạt của xã hội như giáo dục, kinh tế văn học nghệ thuật v.v...

Cả hai phần xuất thế và nhập thế liên hệ mật thiết - với nhau xuất thế có nghĩa là giữ được phần giáo lý, làm chủ động được hướng đi của Tôn giáo, không bị sử dụng lạc và chìm đắm trong cuộc đời. Xuất thế như thế không phải là chối bỏ cuộc đời mà đứng cao hơn cuộc đời. Một sự khước từ cuộc đời, chạy trốn nhiệm vụ của cuộc đời không thể gọi là cao hơn mà trái lại phải dẫn thân vào đời sống xã hội để thiệnmỹ hóa nó. Đối tượng của Phật giáo vẫn là con người, nếu tách khỏi con người thì Đạo Phật mất tất cả nguồn sống nuôi dưỡng nó. Cho nên Đạo Phật phải nhập thế để nuôi dưỡng phần xuất thế và phải xuất thế để khỏi bị cuộc đời làm vẩn đục.

Hiện đại hóa không phải là thế tục hóa vì thế tục hóa chỉ hạ thấp giá trị của Phật giáo. Hiện đại hóa trái lại đòi hỏi một mặt công trình khảo sát giáo lý, một mặt công trình nghiên cứu những thực trạng xã hội, như thế có nghĩa là khai triển những tiềm năng của Phật giáo rồi áp dụng vào cơ chế xã hội như Việt Nam có thể biến các tình trạng hiện thời của đất nước. Tiềm lực ấy sẽ không có một giá trị nào cả nếu không - được khai triển Phật giáo sẽ bị tiêu hoại dần dần những tiềm lực ấy nếu các cán bộ Phật giáo thiếu những sự khai triển cần thiết cho Đạo Phật duy trì và phát triển. Sự khai triển là - một cái tổ sâu rộng về giáo lý và giáo chế. "Nhờ những cuộc cách mạng giáo lý và giáo chế xuất hiện trong lịch sử Phật - giáo mà Đạo Phật không bị hủy diệt mà được tiếp nối đều đặn từ thời đại này sang thời đại khác"(1).

Các nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam hiện nay cũng nhận thấy rõ phân hiện đại hóa rất quan trọng cho sự tồn vong của Phật giáo nên tìm cách khai triển và áp dụng Đạo Phật vào những hoạt động xã hội. Sự áp dụng ấy như thế nào? và làm thế nào để thích ứng với nhân sinh quan và khung cảnh Việt Nam ?

II. - HIỆN ĐẠI HÓA PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM. -

Có những giai đoạn kéo dài trong lịch sử, mà Đạo Phật hoàn toàn vắng mặt trong mọi hình thái sinh hoạt tại Việt Nam Đạo Phật đã lùi về một góc riêng biệt của xã hội, chỉ tiếp xúc với một số tín đồ để chuyên lo việc thờ phụng cúng bái

(1) Nhất Hạnh - Đạo Phật hiện đại hóa, trang 19 nhà xuất bản Lá Bối - 1964.

nặng về thủ tục hành lễ hơn là truyền bá tư tưởng vào quần chúng. Phần sự chính yếu đã bị xao lãng : giáo dục và xây dựng niềm tin trong tinh thần Phật giáo đã bị buông thả bất lực. "Đạo Phật hầu như không còn muốn hiện diện trong lòng cuộc đời nữa mà chỉ muốn đứng bên cạnh cuộc đời" (1)

Tình trạng này đưa đến hậu quả là Phật giáo đã lần lần tách khỏi quần chúng và trở nên bất lực yếu đuối.

Sau những cuộc canh tân Phật giáo tại Trung Hoa, các nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam chợt thức tỉnh và nhận thấy rằng nếu cứ để nguyên tình trạng này thì chắc chắn sẽ bị diệt vong. Họ lần hồi tìm kiếm một hướng đi cho Phật giáo bằng cách hiện đại hóa Phật giáo. Như vậy hiện đại hóa trước tiên chỉ là 1 chiến thuật để sinh tồn của Phật giáo nhưng trong chiến thuật đó sự áp dụng cũng được giới hạn.

1.- Hiện đại hóa chỉ là một chiến thuật để sinh tồn.-

Các nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam ngày nay coi sự hiện đại hóa như một lối thoát cho tôn giáo mình. Trong những giai đoạn Phật giáo khước từ chức phận xã hội, tách rời quần chúng, tín đồ Phật giáo thường có mặc cảm rằng Đạo Phật đã bị xã hội bỏ quên. Và những nhiệm vụ xã hội đã được những tôn giáo khác thay thế, đặc biệt là Thiên Chúa Giáo. Trước đây những cơ sở xã hội như Ký nhi viện, bệnh viện, trường học, các lớp huấn nghệ v.v... đều do Thiên Chúa giáo tổ chức và đạo tạo cán bộ để điều hành. Tuyệt nhiên chúng ta ít tìm thấy một tổ chức nào của Phật giáo cả. Ngày nay, vì sự sống còn của tôn giáo cũng thôi thúc họ làm những công tác xã hội mặc dầu đang bị nhiều khó khăn. Các vườn trẻ Phật giáo, các làng trẻ Phật giáo, trường học, bệnh viện v.v... được mở phòng theo hình thái của tổ chức Thiên Chúa Giáo để tổ chức.

Phật giáo không còn tách rời với đời sống tín đồ mà đã can thiệp vào đời sống tín đồ. Sự can thiệp này còn được thể hiện qua những tổ chức dân sự khác. Trước kia những tổ chức của Phật giáo chỉ khép kín trong hàng tăng sĩ để lo học đạo mà phổ biến trong tín đồ. Ngày nay những tổ chức này lan

(1) Nhất Hạnh -Đạo Phật ngày nay- trang 139. Nhà xuất bản Lá Bối 1964.

lần mở rộng để cho tín đồ thế tục tham gia và hoạt động. Việc phổ biến kinh sách không còn chỉ nằm trong phạm vi của những tu viện mà lan tràn ra các Trường Trung học, Đại Học Phật - Giáo, Khuông hội v.v... Kinh sách cũng được viết theo ngôn ngữ và văn tự hiện tại, không còn dùng Hán văn như xưa, lối hành văn cũng tân thời dễ hiểu hơn. Đào tạo thêm những tín đồ nhập thế cho tổ chức Phật giáo, đó là nhiệm vụ của những tổ chức thanh niên Phật tử...

Tóm lại, sự hiện đại hóa Phật giáo tại Việt Nam bắt nguồn từ nhu cầu sinh tồn của Phật giáo. Nói khác đi nhờ sự hiện đại hóa, Phật giáo Việt Nam có thể khỏi già nua, khỏi lỗi thời với những trào lưu mới của xã hội. Tất cả những biện pháp giới luật, giáo lý chỉ coi như cần thiết của một giai đoạn lịch sử của sinh hoạt tôn giáo con người, không nên xem chúng như những giá trị tuyệt đối, bất di dịch. Với nhận thức đó, Đạo Phật Việt Nam phải mở rộng cửa để đón nhận những biến đổi mới của xã hội để bổ túc, cải thiện cho sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam được tiến bộ, nhờ sự "nhật tâm hột nhật tâm" ấy mà Phật giáo có thể duy trì và phát triển.

2.- Giới hạn của việc áp dụng sự hiện đại hóa.-

Một khi Phật giáo đã nhập thế, bước vào đời sống chung của xã hội thì những nhà tu sĩ, tức các cận bộ hoàng pháp có một cuộc sống khác với ngày trước. Cuộc sống của họ dễ bị hoạt động của xã hội ảnh hưởng và biến đổi. Các tăng sĩ dần dần tham gia những hoạt động của xã hội bằng cách sử dụng những phương tiện của con người thế tục đang sử dụng cho nên song song với cuộc sống chung với con người thế tục đang sống hàng tăng sĩ cũng phải tiếp tục với cuộc sống tu hành đạo đức. Nếu từ bỏ nếp sống tu hành thì tín đồ cũng thay đổi quan niệm về Đạo Phật. Theo tâm lý thông thường Đạo Phật tượng cho cái gì cao quý đứng trên hẳn cuộc sống của mọi người được thể hiện qua cuộc sống thoát tục của các vị tu sĩ. Hay nói đúng hơn sự thành công hay thất bại của sự hiện đại hóa Phật Giáo Việt Nam tùy thuộc vào cách hành xử của các vị tu sĩ. Nếu tu sĩ không làm tròn nhiệm vụ của mình trong cuộc sống mới thì mối tương quan giữa tín đồ và tăng sĩ sẽ giảm sút và sự hiện đại hóa sẽ bị đình trệ, công việc khai thác tiềm lực Phật - Giáo để áp dụng vào đời sống xã hội cũng bị tàn tạ.

Sự hiện đại hóa không thể hiểu sai nghĩa để biện minh cho những cuộc sống phóng túng của nhiều tín đồ hay tu sĩ. Sự hiện đại hóa khi đó sẽ biến thành sự thế tục hóa để đưa Phật Giáo vào con đường suy vi. Vấn đề đặt ra là phải có những giới hạn nào đó cho sự hiện đại hóa về các nhà lãnh đạo phải vạch ra những tiêu chuẩn cho phạm vi áp dụng sự hiện đại hóa để tránh những hậu quả nguy hiểm cho tương lai Phật giáo.



Chương Hai

TỔ CHỨC CỦA PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM

Đề cập đến tổ chức của Phật giáo tức là đề cập đến những hoạt động của Phật giáo sau năm 1963, vì sau năm này Phật Giáo mới thực sự tổ chức theo hệ thống hẳn hoi.

Nhìn vào lịch sử thì tổ chức của Phật giáo trước đây có tính cách địa phương và rời rạc. Ở Bắc và Trung Việt, mỗi làng xã đều thiết lập đình, chùa. Vị trí của Đình, Chùa thường nằm chung hoặc rất gần nhau. Đình lo việc tế tự, hương hỏa, thờ thần của làng Chùa là cơ sở thờ phụng của tín đồ Phật giáo trong làng. Tuy bản chất của hai lối sinh hoạt tín ngưỡng khác nhau, nhưng nói chung đó cũng là một phần hoạt động công vụ làng xã. Mỗi làng xã tùy phương tiện vật chất mà hoạt động cho công việc tín ngưỡng, ngoài phần đóng góp (Phước sương) của dân chúng trong xã, những đơn vị hành chính địa phương này thường sử dụng một phần lớn nguồn công phí tài trợ là công điền, công thổ để lo việc cúng bái, tu bổ chùa chiền (Thần tự Phật tử điền).

Như thế nếu tổ chức của Phật giáo chỉ là phạm vi hoạt động của các làng xã, thì tín đồ chỉ tụ tập thành những khuôn hội vì nhu cầu tương trợ lẫn nhau, Vì tinh thần giao dịch khi hành lễ, và người ta không tìm thấy những tổ chức cao hơn những đơn vị đó nghĩa là chỉ có những tổ chức ở hạ tầng cơ sở.

Lần hồi tiến triển theo đà phục hưng, Phật giáo đã tiến đến việc thành lập những tổ chức ở Cấp Tỉnh (Tỉnh Hội) và những tổ chức lớn hơn là phần (các Hội Phật Học Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt). Ngày nay Phật giáo đã tổ chức được một cơ cấu hoạt động đi từ Trung ương đến địa phương, thống nhất mọi đường hướng hoạt động khắp nước, tức là Giáo Hội. Đó là bước chân pháp lý đầu tiên của Giáo Hội Phật Giáo.

Từ những tổ chức riêng rẽ của từng địa phương, Phật

giáo đã tiến đến việc hệ thống hóa thành một tổ chức đại qui mô và chặt chẽ, nhưng liệu Phật giáo có thể dựa vào đó để tạo cho mình một sức mạnh không? Phân tích thật kỹ thì Phật giáo mạnh không nhờ ở tổ chức vì những lý do tâm lý xã hội và lý thuyết của Phật giáo.

- Trên phương diện tâm lý Xã hội: tâm lý chung của tín đồ Phật giáo thường không thích tổ chức, họ không thích gò bó bởi kỷ luật của cơ cấu. Họ vẫn quen với tinh thần tự do trong đời sống tín ngưỡng (Phật tại tâm). Hơn nữa tổ chức đối với họ có phần mới lạ trong việc giao tế giữa họ và các vị tu sĩ họ cảm thấy ít khấn khít thân mật với các vị đó như xưa.

- Trên phương diện lý thuyết của Phật giáo.-

Đặc biệt nhất của Giáo lý nhà Phật là tự do và sáng tạo ("các người tự thắp đuốc mà đi v.v...") nên Đức tin của Phật tử không bị ràng buộc bởi Kinh điển mà tùy cách suy luận của từng người tìm hiểu. Ngay Đức Phật cũng dạy với tín đồ: "Tin ta mà không hiểu ta là phản bội ta". Nếu tổ chức của Phật giáo để ép buộc tín đồ theo mình chưa hẳn đã phù hợp với tinh thần Phật giáo.

Tuy nhiên, nhờ ở tổ chức Giáo Hội, Phật giáo đã có những cố gắng đáng lưu ý trong việc đoàn kết và thống nhất tín ngưỡng. Phật giáo có những chính sách đối nội đối ngoại rõ rệt hơn.

1.- Chính sách đối nội.-

- Thống nhất Nam và Bắc tông :

Danh từ Nam Tông và Bắc Tông do các nhà sử học đặt ra để chỉ 2 Tông phái truyền giáo chính của Phật Giáo từ Ấn - Độ sang vùng Đông Nam Á. Thoạt tiên sự phân biệt chỉ để diễn tả trên phương diện hình thức về danh từ về sau người ta đi đến sự phân biệt về nội dung. Dĩ nhiên trong thực tế có nhiều sự khác biệt trong cách thức hoạt động của hai giáo phái đó và do đó đưa đến sự phân tán hai thế lực bắt nguồn từ Phật Giáo Vấn đề thống nhất cả hai hệ thống này, đứng trên phương diện chính trị, là gây thêm vây cánh, thêm sức mạnh mà từ trước chưa bao giờ Phật giáo nghĩ tới. Đây là một việc làm có ý nghĩa chưa từng thấy của Phật giáo thế giới vì vậy có thể nói đây là một sắc thái đặc biệt của Phật giáo tại Việt Nam.

- Tổ chức hàng ngũ tín đồ.-

Qua kinh nghiệm của những thời gian vận động chính trị Phật giáo nhận thấy muốn phát huy sức mạnh phải tổ chức hàng ngũ tín đồ. Thành lập Giáo Hội là một phương thức tổ chức lại hàng ngũ tín đồ.

2.- Chính sách đối ngoại.-

Mối bận tâm nhất của Phật giáo là tìm cách cộng tác với các tôn giáo khác để làm giảm bớt sự căng thẳng và chạm vô quyền lợi, tín ngưỡng khác nhau. Giáo hội có thể giúp cho Phật giáo điếm đó.

Một nhiệm vụ quan trọng khác nữa là củng cố sự liên lạc chặt chẽ với các nước Phật giáo khác ở Đông Nam Á và nhất là các Hội nghị quốc tế Phật giáo để có 1 thể đứng chính trị trên bình diện quốc tế.

Trên hình thức, Phật giáo có những cơ cấu của tổ chức Giáo Hội. Nhưng trên nội dung, các nhà lãnh đạo Phật giáo - chưa thực hiện nổi một sự thống nhất thực sự các tín đồ và các Hội đoàn Phật giáo. Sự thống nhất khi đó chỉ là một sự kết hợp nhất thời thúc đẩy bởi cao trào tranh đấu của Phật tử sau ngày 1.4.63 mà không phải là ý muốn toàn diện của những "người Việt Nam có Phật tính". Hơn nữa, trong hơn 1 thế kỷ suy đồi trầm trọng Phật giáo có rất nhiều Hội đoàn, nhiều tổ chức của nhiều địa phương, nhiều hàng tín đồ nên khó kết hợp trong cùng 1 quyền lợi, cùng 1 chiều hướng hoạt động. Riêng trước năm 1963 có tất cả trên 27 Hội Phật giáo (1) và ngay trong giới lãnh đạo Phật giáo đã có sự bất đồng ý kiến về cách thức tổ chức hoạt động, Phật giáo lại chưa có đủ cán bộ để điều hành nên đến năm 1966 có những âm mưu chính trị xâm nhập làm rạn nứt sự đoàn kết đó.

ĐOẠN I.- TỔ CHỨC GIÁO HỘI CỦA PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM.-

Giáo Hội của 1 tôn giáo gồm 2 phần :

1.- Đại chúng quyền : tức là tín đồ Phật Giáo (vấn đề này

(1) Tài liệu của Bộ Nội Vụ : Danh sách các Hội Phật Giáo.

sẽ đề cập trong đoạn II của chương I).

2.- Giáo quyền : Giáo quyền của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam phát xuất từ 3 yếu tố :

- Do Phật tử bầu lên mà không do sự truyền nhiệm của một quyền thiêng liêng nào cả.
- Do uy tín của các vị tu sĩ Phật giáo.
- Do nhu cầu kết hợp của Phật giáo để chống lại những lực lượng chính trị khác.

Theo định nghĩa chung về Giáo Hội thì Giáo Hội là 1 tổ chức tôn giáo trong đó những người đồng đạo cùng kết hợp với nhau cùng chịu chung 1 kỷ luật để tìm cách phát triển tôn giáo của mình. Như thế Giáo Hội thuộc quyền của tất cả tín đồ chứ không phải chỉ thuộc quyền Tăng sĩ. Tín đồ Phật Giáo Việt Nam luôn luôn nghĩ rằng Giáo Hội là thuộc về Tăng sĩ nên ít chú trọng đến sự hưng thịnh của Giáo Hội.

I.- DIỄN TIẾN SỰ THÀNH HÌNH CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM.

Như trình bày ở trên, sự thi hành chính sách bất bình đẳng của chế độ Ngô Đình Diệm đã đặt nền móng cho sự chống đối ngấm ngấm của Phật giáo. Và ngòi thuốc súng đã bùng cháy vào ngày lễ Phật Đản ở Huế 7.5.1963 mở màn cho cuộc tranh đấu chính trị của Phật giáo. Dưới danh nghĩa Tổng Hội Phật Giáo (đã đề cập trong phần trên) một ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo được thành lập nhanh chóng để thương thuyết với chính phủ nhưng thật ra để phối hợp các hoạt động của chính phủ. T Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam trước đây có sáu tổ chức chính yếu.

TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(1951 - 1963)

Nam phần	Trung phần	Bắc phần
(6) Hội Phật Học Nam Việt.	(4) Hội Phật Giáo Trung Việt	(2) Hội Phật Giáo Bắc Việt
(5) Giáo Hội Tăng già Nam Việt	(3) Giáo Hội tăng già Trung Việt	(1) Giáo Hội Tăng già Bắc Việt

Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam trong cuộc tranh đấu đã giải tán để thành lập Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật giáo với một thành phần rộng rãi hơn.

ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO
(1963 - 1964)

- 1.- Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam
- 2.- Giáo Hội Tăng già Việt Nam
- 3.- Giáo Hội Tăng già Nam Việt
- 4.- Hội Phật Học Nam Việt
- 5.- Giáo Hội tăng già Trung phần
- 6.- Hội Phật Giáo Trung phần
- 7.- Giáo Hội Tăng già Bắc Việt (tại Miền Nam VN)

- 8.- Hội Phật Giáo Bắc Việt (tại Miền Nam VN)
- 9.- Giáo Hội Tăng già Nguyên thủy
- 10.- Hội Phật Giáo Nguyên Thủy
- 11.- Giáo Hội Tăng già Theravada
- 12.- Hội Phật tử Theravada
- 13.- Giáo Hội Thuyền tịnh Đạo Tráng.

Ngoài những đoàn thể chính thức trên, cũng nên kể những sự hưởng ứng trong thời kỳ tranh đấu đó của những đoàn thể Phật tử sau đây : Hội Quan Thế Âm Phổ tế, Hội Phật Giáo người Việt gốc Hoa, Giáo Hội Tăng già Khất Sĩ, Hội Phật Tử Việt Nam, Hội Linh Sơn Phật Học, Giáo Hội Lục hòa tăng, Hội Tịnh Độ Tôn, Hội Phật tử Hải ngoại v.v...)

Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, đang giữ chức Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được thỉnh nguyện đứng lãnh đạo phong trào, tuy nhiên chẳng bao lâu người ta nhận thấy rõ ràng phần lãnh đạo thực sự đều nằm trong tay các vị Thượng Tọa trẻ tuổi như Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh, Thích Đức Nghiệp... và quan trọng hơn cả là Thích Trí Quang. Nhóm lãnh đạo này đã biết đoàn kết chặt chẽ với nhau để đóng góp hữu hiệu vào cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm và sau đó họ là những người thảo kế hoạch cho việc thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Một tháng sau ngày đảo chánh 1.1.63, Phật Giáo họp Đại Hội Thống Nhất kéo dài từ 3 ngày từ 30.12.63 đến 2.1.64 để dự thảo chương trình hoạt động và soạn thảo Hiến chương - Phật Giáo. Ngày 4.1.64, 1 bản Hiến chương đầu tiên của Phật giáo ra đời gồm 11 chương, 32 điều được Sắc lệnh của Chính phủ số 158 SL/CT ngày 14.5.64.

Với Hiến chương này Phật Giáo Việt Nam có một Giáo Hội mệnh danh là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (viết tắt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất).

II.- TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT THEO HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH.-

Sau khi ra đời và hoạt động hơn một năm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất họp Đại hội và soạn thảo một Hiến chương mới ra đời ngày 14/12/1965 được chính phủ duyệt

bằng sắc lệnh số 005/66 ngày 26.2.1966 Hiến chương thứ II này bổ túc cho Hiến chương thứ I bằng những điều khoản lập quán định cho hoạt động của Giáo Hội từ Trung Ương đến Địa phương hiện do Khối Ấn Quang đang áp dụng.

A.- Ở TRUNG ƯƠNG.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là cơ quan có tư cách pháp nhân được điều hành do 2 Viện : Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo.

1.- Viện Tăng Thống.

Viện này là cơ quan quyết nghị tối cao của Giáo Hội, phụ trách việc quản trị tinh thần, quản trị về giáo lý và giáo chế của Tín đồ. Đứng đầu việc điều khiển Viện Tăng thống là Đức Tăng thống có nhiệm kỳ là 4 năm.

Viện Tăng Thống gồm có Hội đồng Giáo Hội Trung - Ương Thành phần của Hội đồng Giáo Hội Trung Ương là các vị Trưởng lão và các vị Thượng Tọa số lượng từ 60 vị trở lên phân chia đồng đều cho hai Tông Phái Nam và Bắc Tông. Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương do Viện Hóa Đạo đề cử và do Đức Tăng Thống duyệt y đi thỉnh mời. Như vậy Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương có tính cách thường vụ.

2.- Viện Hóa Đạo.

Đây là cơ quan chấp hành của Giáo Hội, điều hành mọi ngành hoạt động của Giáo Hội.

Thành phần của Viện Hóa Đạo gồm có một Viện Trưởng , hai phó Viện trưởng, một Tổng thư ký, một thủ quỹ và các Tổng Vụ Trưởng các Tổng Vụ các ngành hợp thành ban chủ đạo Viện Hóa Đạo.

Các ngành hoạt động của Viện Hóa Đạo được chia thành nhiều Tổng Vụ, đứng đầu do một Tổng vụ trưởng.

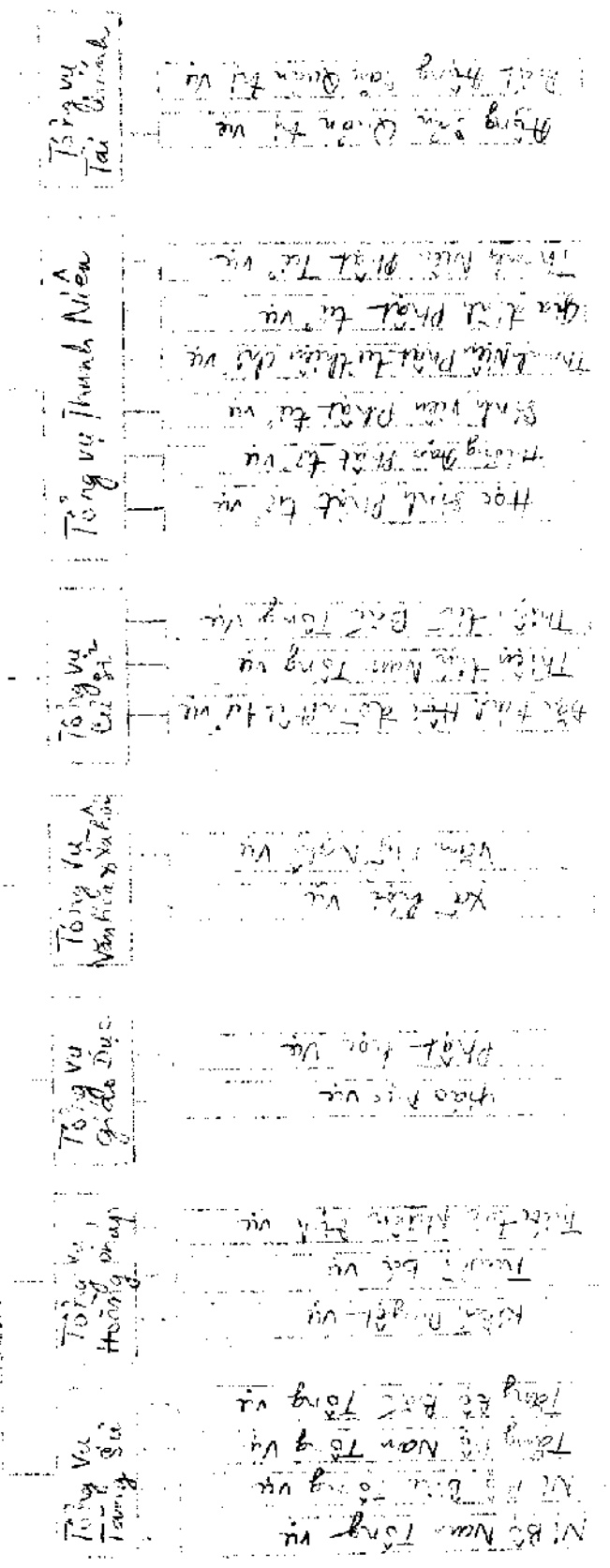
1(a) Tổng Vụ Tăng sĩ : phụ trách việc quản trị các giới tu sĩ Phật giáo có các vụ sau đây :

- Tăng Bộ Bắc Tông vụ
- Tăng Bộ Nam Tông vụ
- Ni Bộ Bắc Tông vụ.
- Ni Bộ Nam tông vụ.

VIỆN TĂNG THÔNG
 Hội đồng Giáo Hội Trung ương
 Văn phòng Ủy Ban Kỹ

VIỆN HÓA GIẢI
 Văn phòng Thống Quốc

Tổ Chức Giáo Hội Trung ương
 Căn Nhổn An Định theo Hiến Chương Bộ
 (Hình I)



2(b) Tổng vụ Hoàng pháp : có nhiệm vụ phổ biến và truyền bá giáo lý Đạo Phật :

- Trước tất, Phiên dịch vụ
- Truyền bá vụ
- Kiểm duyệt vụ.

3(c) Tổng Vụ Giáo Dục có các vụ sau đây :

- Phật Học Vụ
- Giáo dục Vụ.

4(a) Tổng vụ văn hóa xã hội có các vụ sau đây :

- Văn Mỹ Nghệ Vụ
- Xã hội vụ.

5(e) Tổng Vụ cư sĩ : liên lạc và quản trị tín đồ Phật giáo không phải là tăng sĩ.

- Thiện tín Bắc Tông Vụ
- Thiện tín Nam Tông Vụ
- Đặc Trách Hội Đoàn Phật tín vụ.

6(f) Tổng Vụ Thanh niên có các vụ sau :

- Gia đình Phật tử vụ
- Sinh viên Phật tử vụ
- Học sinh Phật tử vụ
- Thanh niên Phật tử vụ
- Thanh niên Phật tử Thiện chí vụ
- Hướng đạo Phật tử vụ.

7(g) Tổng Vụ Tài chánh : gồm có :

- Bất động sản quản trị vụ
- Động sản quản trị vụ.

Viện Hóa Đạo có 1 văn phòng thường trực do Viện Trưởng Viện Hóa Đạo điều khiển và 1 Tổng Thư ký phụ tá. Văn phòng này sẽ tùy nhu cầu mà thiết lập các Ban hay Phòng.

Viện Trưởng Viện Hóa Đạo thay mặt Giáo Hội trước pháp lý.

Tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có thể vẽ qua sơ đồ sau (hình I).

3.- Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.-

Đại Hội Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương và Đại Hội Đại biểu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Đức Tăng Thống triệu tập hai năm 1 kỳ.

Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Viện Trưởng Viện Hóa Đạo triệu tập 2 năm 1 lần để :

- bầu cử Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo và Viện Giám Sát
- Kiểm điểm Phật sự đã qua
- Ấn định ngân sách thu chi
- Ấn định chương trình hoạt động mới.

Thành phần tham dự Đại Hội gồm có :

- Các Vị đại diện miền
- 5 đại biểu của mỗi Tỉnh
- 5 Đại biểu của mỗi Quận tại Thủ Đô
- 10 Đại biểu miền Vĩnh Nghiêm.

Sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị phân hóa làm 2 phe : Khối Ấn Quang vẫn còn áp dụng Hiến chương này trong khi Khối Việt Nam Quốc Tự áp dụng Hiến chương mới - ra đời ngày 14.3.1967 được Chính phủ chuẩn y sắc luật 023/67 ngày 18.7.1967.

Theo Hiến chương 67, tổ chức Giáo Hội Trung Ương cũng mô phỏng như tổ chức của Hiến chương 66 nghĩa là Giáo Hội của khối Việt Nam Quốc Tự cũng giống như Giáo Hội của Khối Ấn Quang.

Tại Trung Ương có 2 Viện :

1.- Viện Tăng Thống : Là cơ quan quyết nghị tối cao của Giáo Hội tại Viện Tăng Thống không có Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương. Đức Tăng Thống không có quyền rộng rãi hơn Đức Tăng Thống của khối Ấn Quang Đức Tăng Thống của khối Ấn Quang có quyền kiểm soát về mọi sinh hoạt của Tăng Ni, tán phong viện Hóa Đạo v.v... trong khi Đức Tăng Thống của Khối Việt Nam Quốc Tự chỉ chuyên trách sinh hoạt giới luật của Tăng Ni mà không kiểm soát được, chỉ chứng minh lễ tự chức của Viện Hóa Đạo mà không có quyền tán phong.

Viện Tăng Thống của Khối Ấn Quang có tính cách "chuyên quyết", trái lại Viện Tăng Thống của Việt Nam Quốc-Tự có tính cách "Lê quyết".

2.- Viện Hóa Đạo : là cơ quan chấp hành cũng giống như Khối Ấn Quang, Viện Hóa Đạo của Khối Việt Nam Quốc Tự điều hành mọi hoạt động hành chánh của Giáo Hội. Viện Hóa Đạo do Hội Đồng đại diện các giáo phái hội đoàn Phật Giáo bầu lên.

Hội Đồng Viện Hóa Đạo gồm có : 1 Viện Trưởng (tăng sĩ) 4 Phó Viện Trưởng (2 Tăng sĩ, 2 cư sĩ) 1 Tổng Thư ký (Tăng sĩ) 2 phụ tá Tổng Thư ký cư sĩ, 1 Tổng thủ quỹ (cư sĩ) 2 phụ tá tổng thủ quỹ.

Thành phần chỉ huy của Viện Hóa Đạo khối Việt Nam Quốc Tự nhiều hơn của khối Ấn Quang vì Hiến Chương này qui định nhiều hoạt động cho Giáo Hội nhiều mục đích hơn trước.

Viện Hóa Đạo chia ra 11 ngành hoạt động, mỗi ngành hoạt động do 1 Tổng vụ phụ trách, đứng đầu là một Tổng Vụ Trưởng. Nhiều hơn Khối Ấn Quang 4 Tổng Vụ. 4 Tổng Vụ mới này gồm có 6 Tổng vụ tế phân của 3 Tổng vụ trong Hiến chương trước là : Tổng Vụ Giáo dục được chia thành 2 Tổng Vụ Phật Học và Thế học. Tổng Vụ Văn hóa xã hội được chia thành Tổng Vụ Văn Hóa và Tổng Vụ Xã Hội, Tổng vụ tài chánh được chia thành Tổng vụ tài chánh. Riêng 1 Tổng Vụ mới thành lập, một tổ chức tương đối mới mẻ đối với Phật Giáo là Nha Tuyên Ủy Phật Giáo được đổi thành Tổng Vụ Tuyên Ủy Phật Giáo.

Giáo Hội của khối Việt Nam Quốc Tự được tổ chức theo mô hình sau đây (hình II).

3.- Các cuộc họp :

Giáo Hội Phật Giáo của Khối Việt Nam Quốc Tự có những cuộc họp định kỳ sau đây :

- Tại Viện Tăng Thống :

- Họp Hội Đồng Viện Tăng Thống 3 tháng 1 lần.
- Họp Đại Hội 1 năm 1 lần.
- 4 năm họp Đại hội để suy tôn Đức Tăng Thống và Phó Tăng Thống.

Thành phần tham dự : Các đại diện tham dự là 10 Đại biểu của mỗi giáo phái tăng gia do đức Tăng Thống triệu tập.

Tại Viện Hóa Đạo.

- Họp mỗi tháng 2 lần.
- Hội Đồng Viện Hóa Đạo mở rộng mỗi tháng họp 2 lần.
- Mỗi năm họp đại hội hơn họp giữa Viện Hóa Đạo và Viện Tăng Thống để kiểm điểm Phật Sự đã qua và trừu hoạch Chương trình cho năm tới.
- Mỗi năm Viện Hóa Đạo họp Đại Hội Hành Chánh
- Hai năm có Tổng Hội Đồng Giáo Hội để kiểm điểm Phật sự cùng bầu ban chấp hành.

Hai cuộc họp sau do Viện Trưởng Viện Hóa Đạo chủ tọa và Viện Tăng Thống chứng minh nhưng không biểu quyết. Thành phần chính thức của Hội Đồng là 5 đại biểu của mỗi Giáo phái và Hội Đồng Viện Tăng Thống, Hội đồng Viện Hóa Đạo mở rộng, Chánh Phó đại diện miền và 2 đại biểu của Giáo Hội Tỉnh, Thị Xã, Quận, Đô thành được tham dự, được góp ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Phân tích 2 Hiến chương 005/66 của Khối Ấn Quang và Hiến chương 023/67 của Khối Việt Nam Quốc Tự, Hiến chương 023/67 của Khối Việt Nam Quốc Tự có qui chế của một Tổng Hội Tổng Liên Đoàn... Theo hiến chương đó quyền biểu quyết chính sách do Đại biểu các Hội đoàn Phật giáo chưa hẳn đại diện cho toàn thể tín đồ. Rất nhiều tín đồ Phật giáo có thể không gia nhập 1 hội đoàn nào cả mà vẫn là Phật Tử. Những quyết định được nêu lên thường dành cho quyền lợi của Hội đoàn nhiều hơn cho toàn thể tín đồ. Trái lại, hiến chương 005/66 và Hiến chương 64 có quy chế của một Giáo Hội Tôn giáo Đại Hội tham dự để hoạch định chính sách được giao phó nhưng đại diện Miền Tỉnh địa phương, hơn ai hết họ hiểu rõ trạng thái sinh hoạt của tất cả tín đồ trong quan hạt của mình. Nhưng một qui chế lý tưởng cho Giáo Hội là phải an định cho tất cả thành phần đại diện địa phương và đại diện các hội đoàn tham dự trong việc quyết định 1 chính sách chung cho toàn thể Phật tử.

B.- TỔ CHỨC ĐỊA PHƯƠNG.-

Trên thực tế, những tổ chức địa phương của Giáo Hội Phật Giáo chỉ thực hiện do Khối Ấn Quang, còn khối Việt Nam Quốc Tự không có tổ chức địa phương vì không có Phật tử địa phương mà chỉ có 1 số Phật tử đặc biệt là Phật tử gốc miền Bắc ở Saigon mà thôi.

1.- Tổ chức Miền.-

Các Vùng địa phương được Giáo Hội phân chia thành Miền, mỗi Miền có ranh giới địa lý gần trùng hợp với các Vùng Chiến Thuật của tổ chức quân sự và hành chánh của chính quyền.

a.- Sự phân chia Miền.-

Mỗi Miền là những địa phận hoạt động của Giáo Hội tại địa phương gồm nhiều Tỉnh. Trong toàn quốc giáo hội chia làm 8 miền, Tám Miền này lấy pháp hiệu của 8 vị Cao Tăng Việt Nam

- Vạn Hạnh (Bắc Trung Nguyên Trung Phần)
- Liễu Quán (Nam Trung Nguyên Trung Phần)
- Khuông Việt (Cao Nguyên Trung Phần)
- Khánh Hòa (Đông Nam phần)
- Huệ Quang (Tiền Giang Nam phần)
- Khánh Anh (Hậu Giang Nam phần)
- Vĩnh Nghiêm (Phật tử Bắc Việt di cư)
- Quảng Đức (Thủ Đô Saigon trực thuộc Viện Hóa Đạo).

Theo Hiến Chương 23/67, sự phân chia chỉ có 7 Miền, còn Miền Vĩnh Nghiêm vì tín đồ không có ranh giới nhất định nên thiết lập 1 ban đại diện ở Saigon để điều hành.

b.- Nhiệm vụ và tổ chức.-

- Nhiệm vụ : Viện Hóa Đạo bổ nhiệm các vị Đại diện Miền với nhiệm kỳ là 2 năm có nhiệm vụ chính là đôn đốc và kiểm tra Phật sự tại các Tỉnh.

Miền không có quyền quyết định cho những hoạt động của Tỉnh mà chỉ theo dõi những hoạt động đó có phù hợp với đường lối ấn định của Giáo Hội không, rồi lập phúc trình cho Giáo Hội. Miền chịu sự chỉ huy trực tiếp của Giáo Hội và nằm trong hệ thống dọc của sự chỉ huy đó.

- Tổ chức : Đứng đầu một Miền là chánh đại diện Miền (Tăng sĩ) Mỗi Miền đều có văn phòng của Chánh đại diện và Miền đặt đại diện tại mỗi tỉnh và 1 ban thanh tra thường trực để kiểm soát hoạt động mỗi Tỉnh.

2.- Tổ chức Tỉnh, Thị Xã, Quận, Thủ Đô.-

Mỗi Tỉnh, Thị Xã, hay Quận ở Thủ Đô có một Giáo Hội Tỉnh Thị xã hay Quận Đô thành, trực thuộc Viện Hóa Đạo do 1 ban Đại diện điều khiển gồm có :

- 1 chánh đại diện
- 2 phó đại diện
- 1 chánh thư ký
- Phó thư ký
- 1 chánh thủ quỹ
- 1 phó thủ quỹ.
- và các đặc ủy liên hệ.

Tổ chức được thiết lập đứng theo khuôn mẫu của tổ chức Viện hóa đạo, có sự phân chia các ngành đứng đầu lãnh đạo đặc ủy như những Tổng vụ của tổ chức Trung Ương.

Ban Đại diện Tỉnh có thể mời 1 Ban Cố vấn kiểm soát

Các chức vụ trong ban Đại diện được đề nghị ra trong hoặc ngoài số Đại biểu tham dự Đại hội. Tỉnh xã và phường cũng theo thể thức này. Các Tiểu ban của Ban đại diện Tỉnh được thiết lập tùy theo nhu cầu và vị điều khiển gọi là Trưởng Ban.

3.- Tổ chức Xã.-

Xã là đơn vị hành chánh của Giáo hội và là đơn vị đã xuất hiện lâu đời nhất. Trước khi chưa thành lập Giáo Hội hay các hội Phật Học, các Tỉnh Hội, Phật Giáo Việt Nam dựa trên căn bản tổ chức của xã để tồn tại.

Tất cả tín đồ trong Xã thường qui tụ tại một Chùa chính để hành lễ, đó là nơi diễn ra những sinh hoạt tín ngưỡng của những người cùng chung một lối sinh hoạt giống nhau. Tình đồng đạo lan rộng ra ngoài lãnh vực tôn giáo như tình tương thân tương ái, cho nên sợi dây liên hệ càng thêm thắm thiết. Thường thường tín đồ của một hay nhiều làng trong xã họp thành một

tổ chức gọi là Khuông Hội. Trụ sở của các Khuông Hội thường đặt tại một chùa hay 1 địa điểm thuận tiện cho việc giao dịch của các tín đồ trong các cuộc tham dự các buổi lễ lạc. Chính các Khuông Hội đã xây dựng cho Phật Giáo Việt Nam một hạ tầng cơ sở vững chắc.

Hiện nay theo tổ chức của Giáo Hội thì tất cả các Chùa, Tăng sĩ và cư sĩ thuộc các giáo phái và Hội Đoàn Phật Giáo Xã (thuộc Tỉnh) hay Phường (thuộc Đô thị) liên hiệp với nhau thành lập Ban đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại các Xã hay Phường. Trụ sở đặt tại một ngôi chùa hay một nơi thuận tiện. Thành phần ban Đại diện được ấn định là: 1 chánh đại diện, 1 phó đại diện, 1 thư ký, 1 thủ quỹ, 1 phó thủ quỹ, và 4 cố vấn kiểm soát.

Tại các thôn ấp, Khóm nếu có nhiều chùa thờ Tăng sĩ, và Cư sĩ có thể đặc cách thành lập 1 đơn vị theo quyết định của Giáo Hội.

ĐOẠN II.- LỰC LƯỢNG NHÂN SỰ.-

Lực lượng nhân sự của Phật giáo là toàn thể tín đồ Phật giáo. Nói đến tín đồ tức là đề cập 1 khía cạnh ưu thế của Phật giáo đối với những lực lượng chính trị khác tại Việt Nam, vì tín đồ Phật giáo chiếm 1 tỷ lệ dân chúng rất cao. Nhờ có tín đồ, Phật giáo mới tạo được 1 sức mạnh thực sự nên sức mạnh của Phật giáo thường dễ nhận thấy dưới lực lượng tín đồ hơn là tổ chức.

Nhưng thật ra, hiện nay chưa có một con số thống kê nào chính xác và rõ ràng về tổng số tín đồ của Phật giáo tại Việt Nam. Giới lãnh đạo Phật giáo thì cho rằng số Phật tử chiếm từ 80% đến 85% dân số, nhưng đó chỉ là một con số phỏng đoán, không lấy gì làm chắc chắn cả. Hơn nữa, tín đồ Phật Giáo không thể kiểm soát bằng những hành vi tôn giáo (đọc kinh cầu nguyện, đi lễ ngày Chúa Nhật v.v...) Tiêu chuẩn để kiểm tra tín đồ hết sức mông lung mờ hồ.

Tuy nhiên điều chắc chắn mà ai cũng công nhận là dân số đứng ngoài Phật giáo như Công giáo, Cao Đài, Hòa hảo là tín đồ Phật giáo hay có cảm tình với Phật giáo. Tín đồ các tôn giáo này chiếm một tỷ lệ dân số nhỏ nên hiển nhiên Phật giáo có một lực lượng nhân sự hùng hậu.

Theo điều 32 của Hiến chương 66 của Khối Ấn Quang và điều 50 của Hiến chương 67 của Khối Việt Nam Quốc Tự, Tín đồ Phật giáo được định nghĩa như sau :

" Mọi người tại Việt Nam không phân giai cấp, tuổi tác nghề nghiệp, dân tộc, đã thụ quy giới hoặc có Đức tin Phật giáo và song theo Đức tin đó thì được gọi là tín đồ Phật giáo trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất."

Định nghĩa như vậy thì Giáo Hội có tham vọng kiểm soát tinh thần một đại đa số quần chúng vì Đức tin của Phật Giáo rất khó xác định. Hiện diện rất lâu trong lịch sử Việt Nam, tư tưởng của Phật giáo đã xâm nhập vào nếp Văn hóa cho nên phần lớn dân chúng Việt Nam không ít thì nhiều thực sự chi phối của nền văn hóa đó. Nếu chịu sự chi phối của một nền Văn hóa trong cuộc sống thì không thể gọi là song theo đức tin - được. Nhận nhận có sự chi phối của tư tưởng Phật giáo vào đời hoạt mọi người thì đã mặc nhiên công nhận tầm ảnh hưởng của Phật giáo trong quần chúng. Và phải chăng đó là một khía cạnh ưu thế của Phật giáo đồng thời cũng nói lên tính cách không đơn thuần của tín đồ Phật giáo ? Quả thật thế nên Phật giáo có một lực lượng nhân sự rất hùng hậu thì Phật giáo cũng phải đối phó với tình trạng đa tạp của tín đồ. Hậu quả của tình trạng này là Phật giáo khó lòng kiểm soát và điều khiển chắc chắn tất cả hoạt động của tín đồ của mình, do đó chưa vận động toàn diện lực lượng nhân sự của mình.

Hiện tại Phật giáo trông cậy vào 2 thành phần tín đồ sau để xây dựng cho lực lượng nòng cốt của mình.

o Tăng sĩ : cán bộ chính yếu của lực lượng, ngoài nhiệm vụ tín tuồng, tăng sĩ là những người lãnh đạo các cuộc tranh đấu của Phật giáo.

o Phật tử : gồm có hai thành phần chính :

- Cư sĩ : thành phần trung gian giữa Tăng sĩ và quần chúng.

- Thanh niên Phật tử : lực lượng yểm trợ cho các hoạt động của 2 lực lượng trên.

Hai thành phần này luôn luôn hiện diện trong các cuộc vận động chính trị của Phật giáo và nhiệm vụ của chúng cũng bất biến theo sự thăng trầm của Phật giáo.

I.- LỰC LƯỢNG TĂNG SĨ.

Tăng sĩ giữ 1 vai trò quan trọng đặc biệt cho vận mệnh của Phật Giáo. Vì tăng sĩ là 1 định chế xây dựng Đạo Phật. Phật Giáo xây dựng trên 3 định chế : Phật, Pháp Tăng (Tam bảo).

- Phật : đối tượng thờ phụng của Phật tử
- Pháp : Kinh điển
- Tăng : Cán bộ truyền giáo.

Như thế Tăng sĩ là người truyền bá tư tưởng Phật Giáo trong quần chúng để quần chúng bắt gặp đối tượng thờ - phụng của mình. 3 định chế này hỗ tương, bổ túc lẫn nhau, 3 yếu tố làm nên thể đứng của Phật giáo. Hai yếu tố đầu có tính cách bất di dịch, chỉ yếu tố sau (Tăng) có tính cách sống động - tiếp nối với hoạt động của tín đồ. Hay đúng hơn người Phật tử sẽ nhìn tôn giáo qua hình ảnh của người Tăng sĩ. Nếu Tăng sĩ không làm tròn nhiệm vụ trung gian của mình giữ tín đồ và Phật, Pháp thì định chế tăng sẽ biến mất và 2 định chế kia khó lòng giữ vững theo; do đó Phật giáo sẽ bị suy vong.

Lý luận trên cho thấy vai trò của Tăng sĩ liên hệ mật thiết với sự tồn vong của Phật giáo và lịch sử cũng đã chứng minh điều này. Tại Ấn độ trong sự tranh chấp với Ấn độ giáo, Phật giáo đã thất bại vì hàng tăng phạm Phật giáo quá yếu kém và Phật giáo mất gần hết ảnh hưởng tại đây. Tại Việt Nam trong suốt 5 thế kỷ Phật giáo hoàn toàn bị lu mờ vì phần lớn oáo tu sĩ không đủ khả năng để truyền đạt tư tưởng Phật Giáo trong quần chúng. Để mô tả tình trạng này một nhà sư Phật giáo, Thích Mật Thế đã nhận xét trong cuốn "Việt Nam Phật giáo sử lược". "Có người bảo : Phật giáo trong thời đại này bị suy đồi là bởi thể lực truyền giáo của Đạo Thiên Chúa, nhưng ý chúng tôi thì không phải, chỉ tại nhân tâm của thời đại Mạt Pháp mà thôi, khiến cho trong Phật giáo thiếu những bậc tu hành chân chính, đến nỗi đạo pháp phải suy đồi (trang 241) . Sau năm 1920 nhờ ảnh hưởng chấn hưng Phật giáo ở Trung Hoa, hàng tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam lần lần thức tỉnh, tìm hiểu vai trò của mình trong việc khôi phục Phật giáo. Ở Bắc Việt có các tăng sĩ giỏi như các Hòa Thượng Vĩnh Nghiêm, Tề Cát, Bằng Sở, Ở Trung có các Hòa thượng Tâm Tịnh, Huệ Pháp, Phước

Huê, ở Nam có Hòa thượng Khánh Hòa v.v... dẫn đầu cho việc canh tân tăng sĩ để đi đến việc canh tân Phật giáo. Những thế hệ tăng sĩ kế tiếp cũng nối gót người trước, nhờ thế Phật Giáo đã làm một cuộc cải tổ sâu rộng về mặt nhân sự thay đổi được bộ mặt suy yếu của Phật Giáo Việt Nam.

Ngày nay hàng tăng sĩ đã được chấn chỉnh nhiều về cả 2 phương diện lượng và phẩm tuy vẫn còn 1 số khuyết điểm - trong sự đào luyện. Số lượng tăng sĩ đã gia tăng với trình độ kiến thức Phật học và thế học của họ. Hoạt động của họ không còn giới hạn trong phạm vi thuần túy tôn giáo nữa mà nở rộ ra những lãnh vực khác. Phật giáo đã và đang quan tâm đến vấn đề chính trị đôi khi nhiều hơn các vấn đề thuộc học thuyết tôn giáo. Các nhà tăng sĩ đã tỏ ra có khả năng tự nhiên trong việc giao thiệp với đời và họ cũng đủ khả năng "làm" chính trị như những chính khách lỗi lạc. Trong những cuộc vận động chính trị vừa qua của Phật giáo, lực lượng tăng sĩ vẫn là lực lượng nổi bật đã đi tiên phong và lãnh đạo phong trào đấu tranh.

Hiện tại chưa có 1 con số thống kê nhất định và tổng số Tăng sĩ Phật giáo. Sự phân chia làm 2 Giáo hội nên con số này có tính cách mập mờ. Theo sự điều tra của kỹ giả Morgan thì tổng số tăng sĩ Phật giáo ở Việt Nam có 25.000 tăng và 4.000 ni (1) nhưng theo ni tịch và tăng tịch của khối Ấn Quang có đến gần 100 ngàn người (?) (2). Theo hoạt động của họ đối với Phật giáo có thể chia làm 3 hạng : Tu sĩ lãnh đạo, tu sĩ hoạt động thuần túy văn hóa và tôn giáo, tu sĩ học đạo.

A.- TU SĨ LÃNH ĐẠO.

Bản về tu sĩ lãnh đạo là phải đề cập đến những tăng sĩ đã hoạt động đến chính trị vì họ là những nhân vật đã lãnh đạo nhiều tín đồ của Giáo Hội. Trong Giáo Hội họ đứng thành một nhóm riêng biệt biểu tượng cho một uy lực riêng biệt có quyền chi phối đến những hoạt động của Phật giáo. Những vị tu sĩ này lúc nào cũng quan tâm đến bất kỳ một sự phát sinh nào của một thứ quyền lực chính trị nào có thể đe dọa đối với Phật giáo mà họ sẵn sàng nhận định bằng uy tín và ý nguyện -

(1) Kenneth W. Morgan : the Buddhists : the problem and Promise
Tạp chí ASIA số 4 - a journal published by the Asia Society
ety - NY - 1964.

(2) Bản tin của nhật báo Tin sáng Bản tin ngày 19.5.70 số 350

riêng của họ. Các vị tu sĩ này hình như muốn tránh trách nhiệm về chức vụ chính trị, tuy vậy trong suốt thời gian từ 63 đến 66 mọi quyết định của họ vẫn giữ quyền phủ quyết đối với chính sách của chánh phủ và sự lựa chọn nhân viên. Chủ trương về phe phái và những xung đột về đường hướng lãnh đạo làm cho mục đích chính trị của họ khó biết rõ rệt nhất là, giống như những phong trào chính trị khác tại Việt Nam, không có một người nào trong họ muốn người khác đứng cao hơn. Do đó đưa đến tình trạng phân hóa trong hàng tu sĩ lãnh đạo Việt Nam.

Hiện nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị vỡ đôi thành 2 Giáo hội với 2 lập trường riêng biệt và 2 vị lãnh tụ của 2 Giáo Hội này là Thích Trí Quang của Khối Ấn Quang và Thích Tâm Châu của Khối Việt Nam Quốc Tự, mỗi người có một tầm ảnh hưởng để thu hút nhiều vị lãnh tụ khác và tín đồ về mình. Vị lãnh tụ tối cao nhất trước đây của Giáo Hội - Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã đứng về phe Ấn Quang nên một phần nào làm nặng đòn cân của Ấn Quang. Tìm hiểu 2 vị tu sĩ này có thể tìm hiểu được các khuynh hướng của hàng tu sĩ lãnh đạo Việt Nam.

- Thượng Tọa Trí Quang : là người được chú trọng nhiều nhất vì vị tu sĩ này là linh hồn của các phong trào vận động của Phật Giáo. Có một thời tên Trí Quang được đồng hóa với Phật Giáo Việt Nam và trở thành 1 huyền thoại mỗi hành - vi chánh trị đều có tác dụng lớn đối với tín đồ.

Nhiều định thủ của ông gọi ông là Cộng Sản hay nhẹ hơn là thân Trung lập. Tín đồ Thiên Chúa Giáo đã nhiều lần lo lắng, nghi ngờ ông và sợ rằng Ông sẽ sẵn sàng chấp nhận - chế độ trung lập để giao họ cho Cộng Sản. Tuy nhiên chính Ông đã bác bỏ những lời buộc tội này và hơn một lần tuyên bố rằng Phật giáo sẽ không tồn tại dưới bất cứ một chế độ Cộng Sản - nào.

Hiển nhiên Ông là một người có nhiều tham vọng và có tinh thần Quốc gia quá khích đến nỗi không ưa người ngoại quốc Ông là một nhân vật chính trị quan trọng đầu tiên của Miền Nam Việt Nam đã quyết định không nói một thứ ngoại ngữ nào (1) Người ta nhận thấy như chắc chắn trong tương lai Ông muốn

(1) George A. Carver - Jr - Cuộc Cách Mạng thực sự ở Nam-Việt Nam trang 53 Tạp chí Văn Học Mỹ - Sở Thông Tin Hoa Kỳ - 1965.

chúng kiến cảnh Việt Nam thoát khỏi tất cả những ảnh hưởng của ngoại bang. Năm 1966, cuộc vận động của Phật giáo do Ông khởi xướng đã đòi hỏi người Mỹ thay đổi chính sách can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Mặc dầu cuộc vận động thất bại nhưng điều này vẫn được nhiều người ưa thích nhất là tín đồ Phật giáo. Ông cũng là vị tu sĩ có nhiều tham vọng nhất trong hàng giáo phẩm Phật Giáo Việt Nam và có lẽ ông tin tưởng vào lực lượng Phật giáo sẽ đóng vai trò hòa giải giữa 2 phe tham chiến trong cuộc chiến này. Tuy nhiên cần thời gian để xem ý nguyện lâu dài này sẽ ảnh hưởng thế nào đến chiến thuật và thái độ của ông như thế nào.

Hiện nay ông giữ vai trò lãnh đạo Ấn Quang mặc dầu ông không thực sự giữ 1 chức vai nào quan trọng trong Giáo hội. Các cộng sự viên của Ông là những tăng sĩ đã có liên hệ tranh đấu với Ông trong các thời kỳ vận động chính trị của Phật giáo và những vị tăng sĩ này có nhiều ảnh hưởng quan trọng đối với tín đồ Phật giáo địa phương như Hòa Thượng Trí Thủ (tín đồ Miền Trung) Thượng Tọa Thích Thiện Hoa (tín đồ Phật giáo miền Nam) Đại đức Hộ Giác (tín đồ Nam Tông Phái) Thượng Tọa Thích Minh và Mậu Giác (tín đồ trẻ tuổi) v.v...

- Thượng Tọa Tâm Châu. - Đang lãnh đạo khối Việt Nam Quốc tự, người được coi như đã dẫn đầu cuộc ly khai với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trong những cuộc vận động đầu tiên ông đã hợp tác với các vị tu sĩ khác như Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa Thích Minh, Thượng Tọa Đức Nhuận v.v... nhưng có quan niệm lãnh đạo khác nhau, lập trường chính trị cũng khác biệt.

Ông đã chịu cộng tác với chính quyền trong lúc cuộc vận động của Phật giáo đang đến độ tranh chấp cam go với chính quyền lý do đưa đến sự tan vỡ của Giáo Hội. Điều này đã làm cho một số Phật tử bất bằng về thái độ của Ông. Ông đã bị Cộng sản lên án tử hình khiếm diện khi Ông hợp tác với lực lượng Thiên Chúa Giáo để thành lập "Lực lượng Liên Tôn - Chống Cộng". Ngoài ra nhờ tài ngoại giao khéo léo Ông đã liên lạc được với những tổ chức Phật giáo quốc tế và hiện là Phó Chủ tịch Hội Nghị Phật Giáo thế giới.

Trên phương diện cá nhân Ông kém hấp dẫn và ít thu hút bằng Thượng Tọa Trí Quang nhưng ông đã có 1 tầm ảnh hưởng đối

với Phật tử Miền Bắc di cư (Miền Vĩnh Nghiêm) đặc biệt ở Sài Gòn.

Hiện nay dưới quyền điều khiển của ông cố các Thượng Tọa Thích Tâm Giác (điều khiển Nha Tuyên Ủy Phật giáo), Thích Đức Nghiệp (coi về Phật tử miền Bắc).

Trong quá khứ, Thích Tâm Châu đã dịch nhiều Kinh Điển Phật giáo từ Hán văn sang Việt văn giúp cho sự truyền bá tư tưởng Phật giáo và Ông đã là thi sĩ...

B.- CÁC TU SĨ HOẠT ĐỘNG THUẦN TÚY VĂN HÓA, XÃ HỘI.-

Các tu sĩ thuộc loại này đứng bên lề những hoạt động chính trị. Tất cả những công tác của họ đều dồn vào trọng tâm Truyền bá tư tưởng Phật giáo bằng phương tiện Văn hóa. Sự truyền bá được lan rộng ra những phạm vi của kiến thức thực tế. Quan niệm như thế, sự truyền bá đi sâu vào những tổ chức thể học (hệ thống trường Bồ Đề, Viện Đại Học Vạn Hạnh) và những tổ chức xã hội.

Trên thực tế, uy tín của những vị tu sĩ thuộc loại này lên rất cao không kém những vị sư lãnh đạo. Sau cuộc thất bại về chính trị của Phật giáo, tín đồ có khuynh hướng quay về tìm lại những vị tu sĩ này, coi họ như những biểu tượng thuần túy Phật giáo. Và cũng thật thế, nếu Phật giáo muốn bành trướng mạnh trong quần chúng thì bước đầu tiên để tranh thủ nhân dân văn bất đầu bằng những hoạt động văn hóa xã hội có hiệu lực hơn những hoạt động chính trị vì vừa đi đúng với tinh thần của Phật giáo vừa hợp với khả năng của Phật giáo. Do đó nhiệm vụ của họ đối với Đạo Phật rất quan trọng vì họ là người đặt nền tảng vững chắc nhất để bảo vệ Đạo Phật.

Trong hàng tăng sĩ này có thể kể những vị tiêu biểu sau đây Thượng Tọa Thích Minh Châu (Viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh) Thích Nhất Hạnh (tác giả rất nhiều sách bàn về Phật giáo ngày nay, Thích Thiện Ân (giáo sư Đại Học Văn Khoa, Sài Gòn...) v.v...

C.- TĂNG SĨ LO HỌC ĐẠO (CẤP THỪA HÀNH).-

Thật khó để phân tích tăng sĩ lo học Đạo với các loại tăng sĩ khác. Tăng sĩ chỉ là người đi tu, rời đời sống

xã hội để vào tu viện, để chịu giới luật của Phật Giáo, để học về Phật giáo.

Theo Hiến chương 005/66 của Khối Ấn Quang và Hiến Chương 23/67 của Khối Việt Nam Quốc Tự đều định nghĩa tăng sĩ như sau "được coi là Tăng sĩ các tăng ni Việt Nam đã chính thức chịu Tỳ Kheo Giới".

Đối với tín đồ Phật Giáo, tăng sĩ chỉ là những nhân vật đi tu ở Chùa, đối với Phật giáo họ là những cán bộ hoàng pháp. Đó là bốn phận cao quý nhất của người tu sĩ Phật giáo.

Các tăng sĩ thuộc loại này thường là những cán bộ thừa hành những chương trình của các vị tăng sĩ cấp lãnh đạo.

D.- VẤN ĐỀ ĐÀO LUYỆN TĂNG SĨ.-

Muốn trở thành Tăng sĩ phải vào tu học tại tu viện và chịu những giới luật của Tỳ kheo giới. Trước kia muốn đi tu thường người xuất gia phải xin vào quy y giới với những bậc cao tăng. Thường Cao tăng có một số đồ đệ riêng.

Hiện nay Giáo hội đã thành lập những Phật Học Viện để đào tạo tu sĩ. Chương trình học được chia thành những cấp bậc :

- Trung Đẳng I : giống như với chương trình Trung học Đệ I cấp
- Trung Đẳng II : giống như với chương trình Trung học Đệ II cấp.
- Cao đẳng : Cấp Đại Học

Nhưng chương trình ở đây là chương trình Phật học, các vị tu sĩ có thể được phép vừa học về Phật Học vừa học về Thế học ở những trường Trung học ngoài đời.

Số học viên trên toàn quốc trong các Phật học viện được phân chia như sau :

- Cao Đẳng Học Viện : chưa có
- Trung Đẳng II chuyên khoa : 1 Phật Học Viện Huệ Nghiêm Miền Quảng Đức.

- Số Tăng sinh : 60
- Trung Đẳng II phổ thông : 2 Phật Học Viện.

1.- Phật Học Viện Nha Trang Miền Liêu Quán : 2 lớp

Số tăng sinh : 106

2.- Phật Học Viện Bảo Quốc ở Huế - Miền Vạn Hạnh số
Tăng Sinh : 14.

- Trung Đẳng I : gồm 12 Phật Học Viện.

- Phật Học Viện Phô Đà. Đà Nẵng. Miền Vạn Hạnh	Số tăng sinh	33
- Phật Học Viện Huệ Quang - Gia Định - Quảng Đức	nt	45
- Phật Học Viện Hải Tráng - Gia Định -	nt	32
- Phật Học viện Giác Sanh	nt	51
- Phật Học Viện Liên Quán - Phan Rang - Liêu Quảng	nt	25
- Phật Học Viện Nguyễn Thiệu Bình Định	nt	49
- Phật Học Viện Phước Hòa Vĩnh Bình - Huệ Quang	nt	16
- Phật Học Viện Diệu Đức Huế - Vạn Hạnh	nt	17
- Phật Học Viện Diệu Quang (Ni Viên) Nha Trang	nt	29
- Phật Học Viện Trì Nghiêm (-) Quảng Đức	nt	49
- Phật Học Viện Dược Sư miền Quảng Đức	nt	21

Ngoài ra Giáo Hội còn trợ cấp cho 18 vị tu sĩ đang
du học tại ngoại quốc (1).

■

■ ■

Ngày nay không ai không ý thức tầm quan trọng về ảnh hưởng của tăng sĩ đối với tín đồ. Họ là cái gạch nối giữa - quần chúng tín đồ và tư tưởng Phật giáo và đôi tượng thờ phụng Người Phật tử coi tăng sĩ như một sự đại diện đầy đủ cho Phật giáo. Điều kiện trên quyết để cho tín đồ tin tưởng vào sự đại diện đầy đủ của họ là căn bản đạo đức trước khi đi sâu vào - kiến thức Phật học của họ. Quần chúng không phải chỉ đặt niềm tin tưởng nơi những điều mà các vị sư giảng dạy giáo lý, mà chỉ đặt niềm tin nơi hành động của các vị đó. Sự biểu hiện hành động chính là tác phong.

Chính tác phong của tăng sĩ mới đáng kể nhất. Đức tin của tín đồ Phật giáo là một sự lựa chọn tự do chứ không bắt

(1) Tài liệu của Viện Đại Học Vạn Hạnh - Saigon niên khóa
1969 - 1970.

nguồn từ một mặt nghĩa nào cả. Và sự lựa chọn tự do sẽ mất đi khi tín đồ nhận thấy rằng những nhà hành đạo và truyền đạo của họ không đủ tác phong đạo đức để giữ gìn tính cách thiêng liêng và tôn nghiêm của tôn giáo mình. Ngay trong biên - bản Đại Hội Gia Đình Phật tử toàn quốc năm 1968 đã có ghi sự kiện này như sau : "Ngày nay người tín đồ... hướng về Tăng nhiều hơn về Phật pháp. Điều ấy không có hại gì nếu đa số Tăng sĩ là những tượng tử xứng đáng của chúng ta. Rất tiếc thực tế không phải như vậy".

Thế nên, nhìn thẳng vào thực trạng hàng tăng phẩm - Phật giáo Việt Nam hiện tại một số tăng sĩ đã có một số khuyết điểm về đạo đức.

Nguyên nhân của thực trạng này phát sinh từ sự thiếu huấn luyện cán bộ của Giáo Hội. Vì thiếu huấn luyện, một số tăng sĩ chưa có trình độ hiểu biết của Tăng đồ đạo Phật ở 1 cấp khá cao, kém uyên thâm về giáo nghĩa nên họ đã từ tách - biệt sự thông hiểu kiến thức thế học ra ngoài sự thông hiểu giáo lý nhà Phật. Do đó các vị sư này thiếu bản lĩnh, tiếp cận với đời sống bên ngoài quá nhiều, họ dễ dàng bị bên ngoài lôi cuốn "Cuộc đời là một môi trường để hành đạo chứ không phải là một môi trường buông thả theo dục vọng. Người Tăng sĩ nếu tiếp tục sống như vậy khó lòng thiện hóa được tín đồ theo khuôn khổ giáo lý. Làm sao có thể thuyết minh được những nguyên lý Phật Học khi chính các vị sư không thể kiểm chứng tác phong mình cho đúng với ngôn ngữ đã giảng dạy"(1).

Như trên đã phân tích, 3 định chế xây dựng Phật giáo là Phật Pháp Tăng. Nếu để cho tín đồ không còn tin tưởng đến Tăng nữa, định chế này sẽ biến mất. Sự tương quan giữa Kinh và đối tượng thờ phụng và tín đồ sẽ biến mất và dư ông nhiên Phật giáo phải suy vong.

Vì thế nhiệm vụ trước tiên của Tông Vụ Hoàng Pháp của Giáo Hội là phải cải thiện tinh thần của một số tăng sĩ đào luyện họ cả 2 phương diện kiến thức và hoàn bị tác phong.

(1) Hòa thượng Trí Thủ - Huấn Dụ Tăng sĩ đọc trong Đại Hội Hoàng Pháp Kỳ 3 ngày 9.5.69.

II.- LỰC LƯỢNG PHẬT TỬ THẾ TỤC.-

Lực lượng Phật tử gồm 2 thành phần chính yếu là cư sĩ và Thanh niên Phật tử.

A.- LỰC LƯỢNG CƯ SĨ.-

Cư Sĩ là thành phần quan trọng của tín đồ Phật Giáo Việt Nam. Vì cư sĩ là lực lượng yểm trợ tiếp nối những hoạt động của tăng sĩ. Vì thế vai trò của cư sĩ giữ 1 phần quyết định sự thăng trầm của Phật giáo, nếu số mệnh của Phật giáo càng gắn chặt vào hàng tăng phẩm thì tầm quan trọng của cư sĩ càng lớn lao thêm.

1.- Định nghĩa cư sĩ :

Cư sĩ là thành phần tín đồ đứng ngoài tăng sĩ, học Đạo Phật và tin đạo Phật một cách trung kiên.

Như thế, 1 cư sĩ phải có đặc tính sau :

- Học Phật Pháp mà không cần học tại Chùa thay tự Viện.
- Có một kiến thức Phật học : trình độ kiến thức tùy thuộc vào sự nghiên cứu học hỏi của từng cư sĩ.
- Luôn luôn trung thành với Phật Giáo.

2.- Hoạt động của cư sĩ.-

Cư sĩ nhờ có một đời sống thường như những công dân khác nên dễ dàng hoạt động hơn Tăng sĩ. Cư sĩ không bị ràng buộc bởi giới luật, quy luật, tác phong đạo đức của nhà tu hành nên gần gũi với đời sống quần chúng hơn, trường hợp công việc truyền đạo và hành đạo lại còn hữu hiệu hơn tăng sĩ. Hoạt động của tăng sĩ cũng nhờ họ mà nổi rộng tầm ảnh hưởng và ngược lại cũng nhờ họ báo cáo những nguyện vọng cho hàng tăng sĩ được biết để điều hành công việc mình cho phù hợp với tình trạng của quần chúng.

Hiện nay, tập đoàn cư sĩ Phật giáo được tổ chức thành hai ngành.

- Ngành chuyên nghiệp : Kết hợp những người cùng làm một nghề thành 1 đoàn thể. Ví dụ : đoàn thể công tư chức Phật đoàn văn nghệ sĩ Phật tử, đoàn Tiểu thương Phật tử... hay một

Nghiệp đoàn : Nghiệp đoàn Lao động Phật tử v.v...

- Tổ chức Khuông hội : tổ chức căn bản của cư sĩ trong phạm vi sinh hoạt của từng địa phương nhỏ.

Hoạt động cư sĩ có thể chia 3 thời kỳ :

a.- Thời kỳ trước 1963 :

Thời kỳ này Tăng sĩ và cư sĩ đồng lòng góp sức cho công cuộc phục hưng Phật giáo. Rất nhiều công việc hoàng dương Phật Pháp được cư sĩ đảm nhận.

Trong thời kỳ này những cư sĩ nổi tiếng đáng kể như - Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám : sáng lập viên Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục tiên thân của Đoàn Thanh niên Phật tử. Ngày nay, Ông còn chủ trương tờ báo Phật giáo đầu tiên đó là tờ Viên Âm.

- Cư sĩ Trần Văn Giáp : dịch kinh sách và sáng tác nhiều sách về Phật Giáo Việt Nam, đáng để ý hơn cả là cuốn "Le Bouddhisme au Việt Nam".

- Cư sĩ Mai Thọ Truyền : Nhà Phật Học này thành lập Hội Phật Học Nam Kỳ năm 1950 và hiện nay chủ tịch Hội Phật Giáo Nam Việt...

Thành tích đóng góp vào công việc Phật sự của các Cư sĩ thời kỳ này có thể đứng ngang hàng với các tăng sĩ nổi tiếng.

b.- Thời kỳ từ 1963 đến 1966 :

Thời kỳ này vai trò của Tăng sĩ lấn áp cư sĩ : sau ngày 1.1.63 mọi hoạt động của Phật Giáo do Giáo Hội chỉ phối dưới sự điều khiển của tu sĩ. Cư sĩ chỉ giữ cấp bậc thứ yếu mặc dầu họ đã đóng góp rất nhiều cho cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Tuy nhiên các cư sĩ đã giúp nhiều cho hoạt động của Giáo Hội về phương diện chính trị. Ví dụ điển hình là những cuộc bầu cử Hội đồng Tỉnh và Thị Xã tổ chức ngày 30.5.1965 các cư sĩ đã thắng lợi vẻ vang trong những Tỉnh thuộc Miền Vạn Hạnh (Bắc Trung Nguyên Trung Phần) Liêu Quán (Nam Trung Nguyên Trung Phần) 1 phần Miền Khuông Việt (Cao nguyên Trung Phần) là những địa phương Phật giáo có ảnh hưởng mạnh nhất .

"Hầu hết các ứng cử viên đều có chức sắc trong ban Đại diện Giáo Hội địa phương hoặc trong các đoàn thể Phật giáo" và "vì rất quen mặt với các Phật tử" (1) nên các cư sĩ dấn cử dể dàng. Với cơ chế vận động liên kết (Tuyên truyền rầm rai) nên các cư sĩ đã chiếm trọn vẹn hoặc đa số các ghế Hội đồng tỉnh và thị xã miền Trung. Điều này cũng đủ chứng minh sự hỗ trợ đắc lực của cư sĩ trong việc bành trướng thế lực của Phật - Giáo.

C.- THỜI KỲ TỪ 1966 TRỞ VỀ SAU.-

Sau cuộc thất bại năm 1966 của Phật giáo, Tăng sĩ đã giao nhiều trọng trách cho cư sĩ hoạt động vì với tư cách công dân cư sĩ có thể hoạt động trong nhiều lãnh vực mà tăng sĩ không dám trách nối. Vì thế vai trò của cư sĩ không còn bị lấn áp như trước. Trong công việc Xã hội cư sĩ thay thế tu sĩ để ủy lạo và thực hiện những công tác cứu trợ xã hội... mà trước kia những công tác này thường do các tu sĩ đảm nhiệm. Cuối năm 1969 Khối Ấn Quang đã triệu tập một đại hội cư sĩ toàn quốc qui tụ 600 đại biểu của 59 tỉnh và 9 Quận đô thành. Đó là đại hội đầu tiên của tập đoàn cư sĩ có mục đích hàng ngũ hóa tập đoàn này.

Trong tương lai cư sĩ phải còn giữ 1 vai trò quan trọng hơn nữa nhất là lãnh vực chính trị. Nếu Giáo Hội muốn hoạt động chính trị thì hợp lý nhất là giao trọng trách đó cho cư sĩ dưới đường hướng hoạch định của giáo hội.

B.- LỰC LƯỢNG THANH NIÊN PHẬT TỬ.-

Lực lượng Thanh niên Phật tử là một lực lượng quyết định của sức mạnh Giáo Hội Phật Giáo. Trong quá khứ Phật giáo dựa vào sự đông đảo và lòng hăng say của lực lượng này rất nhiều để hỗ trợ những hoạt động chính trị của mình. Do đó lực lượng đã đóng góp phần lớn cho sự thành công của giáo hội.

1.- Lòng trung thành đối với Giáo hội.-

Thanh niên Phật tử thường đồng hóa Phật giáo với Giáo hội. Họ coi Giáo Hội là đại diện cho Phật giáo và họ tuyệt đối

(1) Trần Văn Dương. Cuộc bầu cử Hội đồng Đô thành, Tỉnh, Thị xã. 30.5.1965 và thể thức đơn danh hợp tuyển trang 63
Luận văn Cao Học Hành Chánh.

trung thành với Giáo hội đôi khi đi đến chỗ mù quáng, cuồng-tín.

Trong khoảng 7 năm trở lại đây, Giáo Hội Phật - Giáo Việt Nam Thống Nhất đã chú trọng đến việc phát triển sâu rộng phong trào thanh niên Phật tử song hành với những bước tiến của Giáo hội. Gắn liền với sinh hoạt của Giáo hội, Thanh niên Phật tử cũng chịu chung sự thăng trầm của Giáo Hội.

a.- Nguyên nhân của lòng trung thành.-

Lòng trung thành của thanh niên Phật tử phát xuất từ nhiều nguồn gốc.

- Được nuôi dưỡng trong những tổ chức Phật giáo.-

Được đào luyện ngay từ nhỏ đến lớn trong các tổ chức Phật giáo, làm hoạt động của người thanh niên bị hoạt động Phật Giáo chi phối. Khi nào họ cũng nghĩ đến Phật giáo. Thêm vào đó, tinh thần "Trọng Phật Kính Tăng" đã ăn sâu trong trí óc nên họ sẵn sàng hy sinh cho hoạt động của Phật Giáo.

- Lòng yêu tổ quốc của tuổi trẻ :

Thanh niên Phật Tử coi Giáo Hội là Phật giáo mà, theo họ, Phật giáo luôn luôn đứng cùng một phe với Dân tộc. Lịch sử của Phật giáo đối với dân tộc quá trong sạch, chưa bao giờ phản bội Dân tộc. Họ ủng hộ Phật giáo là gián tiếp ủng hộ Dân tộc, ủng hộ Tổ quốc. Họ coi chiếu bài "Dân tộc và Đạo Pháp" như một hệ luận hợp lý và bất biến nên sẵn sàng phục vụ Giáo Hội.

b.- Đặc tính của lòng trung thành.-

Lòng trung thành của thanh niên Phật tử có những đặc điểm mà mọi lứa tuổi các lực lượng tín đồ Phật giáo khác không có. Đặc điểm này có thể là ưu điểm hay nhược điểm tùy thuộc cách xử dụng nó. Tự trung có 2 đặc điểm chính.

- Lòng hăng say : Nói đến thanh niên dù bất cứ ở đâu ta cũng nghĩ đến lớp người từ 18 đến 40 tuổi. Theo thống kê 40% dân số Miền Nam ở vào lứa tuổi đó. Nhưng thanh niên không chỉ hiểu theo niên kỷ mà bằng lòng hăng say nữa. Trong những cuộc tranh đấu của Phật giáo vừa qua, lòng hăng say này được biểu lộ trong những cuộc tham gia tích cực vào phong - trào

bất chấp tất cả mọi hiểm nguy khi va chạm với những lực lượng chính trị khác.

Lòng hăng say này đôi khi đưa họ đi quá xa, miễn sao hoạt động của họ đưa đến cứu cánh tranh đấu là đủ. Sự nhiệt thành quá tốn đã tạo cho họ những nhiệm vụ tiên phong trong mọi lãnh vực công tác của Giáo Hội.

- Tinh thần vô vị lợi : Chỉ biết hăng say phục vụ cho lý tưởng, thanh niên Phật tử ít bị lệ thuộc vào thế lực tiền tài luôn luôn tìm cách mua chuộc họ. Đây là một đặc điểm đáng quý của lòng trung thành đối với Giáo Hội. Họ chỉ nhìn vấn đề trên khía cạnh tốt mà không đặt vấn đề chia sẻ quyền lợi trong hoạt động của họ. Nhưng họ cũng sẽ rất thất vọng nếu họ biết sự vô vị lợi của họ đang được sử dụng vào những mục đích riêng tư. Và cũng vì sự bông bột của tuổi trẻ, họ cũng sẵn sàng ngưng hoạt động.

2.- Tổ chức Thanh niên Phật tử.-

Các tổ chức thanh niên Phật tử được giao phó cho Tổng Vụ Thanh niên Phật tử. Tổng Vụ này hệ thống hóa những tổ chức Thanh niên đã có từ trước. Bắt đầu từ năm 1920 trở đi song song với những phong trào Phục hưng Phật Giáo các cư sĩ có sáng kiến thành lập những đoàn thể thanh niên Phật tử.

Năm 1940, đánh dấu sự thành lập đoàn Thanh niên Phật Học Đức dục dưới sự hướng dẫn của cư sĩ Lê Đình Thám. Đó là tiền thân của phong trào Gia Đình Phật tử sau này. Giáo lý để giảng dạy thanh niên được trình bày bằng chữ quốc ngữ, rõ ràng dễ hiểu, theo một nhận thức mới Khoa học hơn, giản dị hơn nên tư tưởng Đạo Phật đã đi sâu vào giới thanh niên một cách mau chóng và rộng rãi. Nhờ đó Gia Đình Phật Tử phát triển rất nhanh trong toàn quốc và hiện nay đã trở thành một tổ chức giáo dục thanh niên qui mô lan tràn khắp nước không những trong những tổ chức tuần túy Phật tử mà còn được huy động để tổ chức ngay trong hàng ngũ sinh viên và học sinh. Trong hiện tại Phật giáo đã tổ chức được những đoàn sinh viên học sinh Phật tử trong hầu hết các Tỉnh trên toàn quốc. Chính sự phát triển Gia Đình Phật Tử này đưa đến sự thành lập những trường Trung học tư thục Bồ Đề. Theo tài liệu của Thích Nhất Hạnh viết trong cuốn "Hoa Sen Trong Biển lửa" thì năm 1962

tại Việt Nam có trên 1.000 đơn vị tổ chức thanh thiếu niên Gia Đình Phật tử gồm 70.000 đoàn viên và trên 3.000 đoàn trưởng điều khiển. Sau ngày 1.1.63 con số này gia tăng hơn trước.

Hiện nay trong Tổng Vụ Thanh Niên Phật tử của Giáo Hội có 6 Vụ trong coi vấn đề thanh niên nhưng quan trọng nhất là 3 Vụ : Gia Đình Phật Tử Vụ, Sinh Viên Phật Tử Vụ, Học Sinh - Phật Tử Vụ. 3 đoàn thể này là lực lượng nòng cốt có những tổ chức và qui chế chắc chắn.

a.- Gia Đình Phật tử : Đoàn thể này được thiết lập lâu đời nhất trong mọi đoàn thể nên đã có một nền tảng vững chắc về hai phương diện đoàn viên và hệ thống tổ chức. Lúc ban đầu đối tượng chính của sự thành lập tổ chức này là đào tạo thanh thiếu niên trong tinh thần Phật giáo : phổ biến tư tưởng Phật giáo vào những thế hệ trẻ tuổi nhưng dần dần với đà phát triển mạnh mẽ, phong trào Gia Đình Phật tử trưởng thành theo thời gian, trở nên một lực lượng quần chúng đáng kể của Phật Giáo.

- Đoàn viên : được phân chia theo hạng tuổi

- Oanh vũ : từ 7 đến 12 tuổi
- thiếu niên : từ 13 đến 17 tuổi
- thanh niên : trên 18 tuổi.

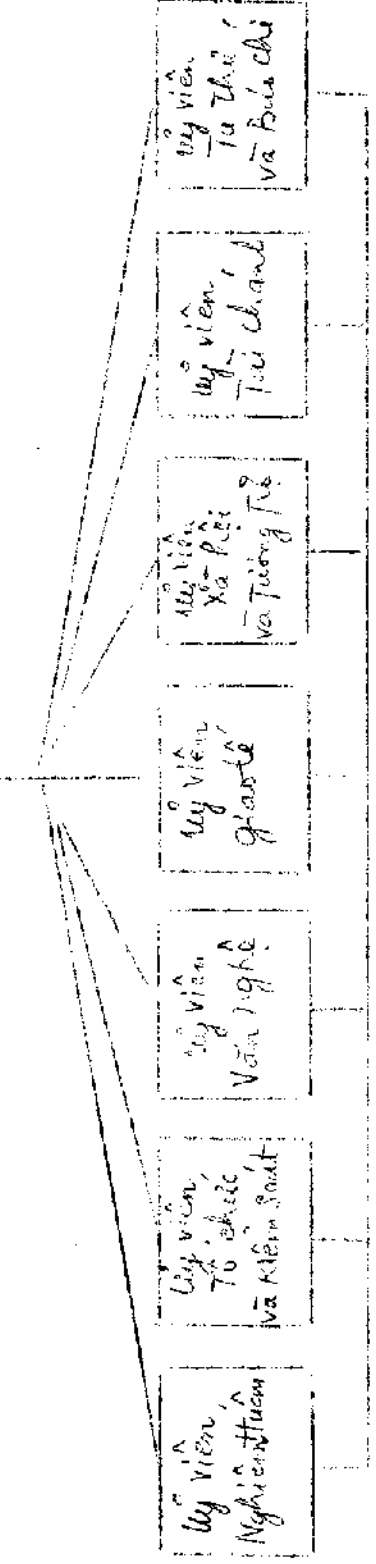
Nếu sinh hoạt của Đoàn viên được quy định tương tự như Phong trào Hướng Đạo Việt Nam nhưng thêm vào đó các đoàn viên được giảng dạy thêm về giáo lý để hướng mọi công việc làm của mình phù hợp với tinh thần Phật giáo. Trong đường hướng đó, Gia đình Phật Tử đã có 1 quy chế huấn luyện đoàn viên cũng như đã xúc tiến việc cấp thẻ huynh trưởng cho các cán bộ lãnh đạo và đã bắt đầu kiểm soát chặt chẽ đoàn viên theo đúng kỷ luật của đoàn.

- Tổ chức : Gia Đình Phật Tử có 1 tổ chức đi từ Trung Ương đến địa phương được trình bày qua đồ hình sau (hình 3).

b.- Tổ chức học sinh Phật tử.-

Mục đích của tổ chức này là đoàn kết tất cả Học Sinh Phật tử trên toàn quốc mà từ trước tới nay bị bỏ quên, bắt đầu từ những trường Phật giáo trong hệ thống Bồ Đề. Sau đó

BAN CHỈ ĐẠO HÀNH TRUNG ƯƠNG
Ban Thường Vụ (1)



Ghi chú -

- ① 1 vụ trưởng
2 Phó vụ trưởng (1 Nam, 1 Nữ)
1 Tổng thư ký
2 Phó Tổng thư ký
1 Thủ quỹ
- ② 1 Liên đoàn trưởng
2 Liên đoàn phó (1 Nam, 1 Nữ)
1 Chuyên thư, Ký
- ③ 1 Đơn trưởng
1 đơn phó
1 thư ký, 1 thủ quỹ
- ④ 1 Chi đoàn trưởng
1 chi đoàn phó
- ⑤ Hội trưởng
Hội phó

Liên Đoàn Trồng Trọt (giáo sư Phát Hết) ②
Cơ quan giáo dục

Ban Bảo Vệ

Các ủy viên thiết lập theo như sau:

ĐOÀN Trồng Trọt (1) (2) (3)
Trưởng đơn vị

CHI ĐOÀN (4)

ĐOÀN Trồng Trọt (5)

đào luyện học sinh thành những Phật tử chân chính để góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo.

Đoàn học sinh Phật tử được tổ chức theo hình sau (hình 4).

c.- Tổ chức Sinh Viên Phật Tử :

Phật giáo cố gắng đoàn kết tất cả sinh viên Phật giáo thành một lực lượng duy nhất. Sinh viên với kiến thức thết tục rộng rãi sẽ là những cán bộ hiển hiện cho Phật Giáo. Thành phần sinh viên trong khối tín đồ càng ngày càng quan trọng và sẽ liên hệ rất nhiều đến việc bành trướng Giáo Hội. Vì vậy càng ngày Phật giáo càng chú trọng đến lực lượng Sinh - viên nhiều hơn.

Sinh viên Phật tử được tổ chức theo từng Viện Đại học. Tất cả có 5 Đoàn của 5 viện đại học, mỗi phân khoa đại học có 1 Chi Đoàn. Tất cả 5 viện đều trực thuộc vào Ban Chấp hành Vụ ở Trung Ương.

3.- Ưu và khuyết điểm của tổ chức thanh niên Phật tử.-

Sau những tổ chức Phật giáo tại địa phương (Khuông - Hội) tổ chức thanh niên Phật tử là tổ chức thành công nhất của Phật giáo vì nó có nhiều ưu điểm. Tuy nhiên song song với những ưu điểm tổ chức này cũng có nhiều khuyết điểm.

a.- Ưu điểm :

- Ưu điểm thứ I : Kết hợp chắc chắn 1 thành phần đông đảo hoạt động tích cực cho Phật giáo : thanh niên chiếm daso trong mọi tầng lớp quần chúng. Lực lượng ấy nếu được phát huy đúng mức thì quả là một sức mạnh đáng tin tưởng. Về phương diện phẩm chất tuổi thanh niên là lứa tuổi có nhiều điều kiện sinh lý hoàn hảo. Do đó người ta thường tìm thấy nhiều điều kiện tâm lý thuận lợi cho công việc chung. Thanh niên c ò n được xem như là thành phần còn giữ nguyên vẹn bản ngã trong sạch, vô vị lợi, lại giàu lòng nghĩa hiệp. Vì thế kiếm điểm những thành tích trong thực tế qua các cuộc tranh đấu của Phật Giáo, thanh niên đã đóng góp rất nhiều vào những hoạt động đó. Thanh niên Phật tử là thành phần mở đầu cho các phong trào vận động và nhận lãnh nhiều nhiệm vụ quan trọng

đôi khi nguy hiểm. Tuy thành quả chung của phong trào bình hững khuyết điểm chủ quan và khách quan hạn chế, song có thể nói khẳng định rằng vai trò của người Thanh niên Phật Tử đối với Phật giáo là vai trò có tính cách quyết định không thể thiếu và khó có thể thay thế nổi.

- Ưu điểm II : Thanh Niên Phật tử giúp cho Giáo Hội kiện toàn cơ sở : Thanh niên Phật tử là một tổ chức có t âm hoạt động rộng rãi và có nhiều hình thức tập hợp thu hút. Với tính cách thường trực, những tổ chức này làm đà tiến cho Phong trào quần chúng khác của Phật giáo. Vì ưu thế về số lượng và phẩm chất, Thanh Niên Phật tử chính cũng là quân đội chủ lực sát cánh cùng các thành phần khác làm nền tảng quân chúng cho Phật giáo. Như vậy Thanh Niên Phật tử đã giúp vào việc củng cố hạ tầng cơ sở Phật giáo.

- Ưu điểm III : Thanh Niên Phật Tử là tổ chức đào tạo và nuôi dưỡng cán bộ. Xuyên qua các cuộc sinh hoạt của tổ chức Thanh Niên Phật Tử các trại hè, các khóa học cấp tốc v.v.... là những hình thức huấn luyện cán bộ sơ cấp cho Phật Giáo. Các khóa này được tổ chức thường xuyên từ cấp Quận đến Tỉnh và rộng hơn là Miền rồi đến Trung Ương. Nhờ đó Thanh Niên Phật tử có cơ hội học tập giáo lý và thông suốt những đường lối của Giáo Hội. Sự duy trì và phát triển cơ sở hạ tầng tương lai Phật giáo sẽ có đủ cán bộ cho mọi địa bàn hoạt động của mình.

b.- Khuyết điểm :

- Khuyết điểm về tổ chức : Thiếu sự thống nhất h óa chương trình học tập. Hiện tại Tổng Vụ Thanh Niên Phật Tử thiếu sự hoạch định một chương trình học tập chung về Phật pháp cũng như chuyên môn cho tất cả các đoàn thể. Sự kiện này sẽ đưa đến hậu quả là làm phát sinh nhiều hình thức sinh hoạt khác biệt giữa các đoàn thể do đó khó tìm l đường lối đoàn kết thích hợp về tinh thần và ý chí giữa các đoàn thể v ó i nhau. Nhất là cấp bậc cán bộ lãnh đạo phải được đào luyện từ một chương trình thống nhất để có một căn bản đồng đều.

- Khuyết điểm về nhân sự : Thiếu quy chế huấn luyện và đào tạo cán bộ. Tổ chức thanh niên Phật tử gặp phải những khó khăn về cán bộ nhất là cán bộ chỉ huy "đây là mối lo âu

nhất của Gia Đình Phật tử từ trước tới nay. Với 1 số đoàn sinh gần 170.000 tất cả, phải có ít nhất 5.000 Đoàn trưởng gọi là vú vếu, sống cầm chừng và hoạt động miễn cưỡng. Số Huynh trưởng hiện tại không quá 3.000 lên sao có thể phát huy các Chân Thiện Mỹ của phong trào được" (1)

Không phải 1 số lượng đông đảo và những tâm hồn hăng hái là có thể bảo đảm mọi thành công mà thành công chỉ bắt đầu đạt được khi những con người có tâm hồn đó phải được huấn luyện thành cán bộ hoạt động trong 1 tổ chức có cơ cấu vững vàng. Nếu không, một tập thể hỗn loạn chỉ là sức mạnh của 1 trận cuồng phong phá vỡ những chương ngại vật mà không xây dựng 1 cái gì tốt đẹp hơn cho quần chúng.

ĐOẠN III.- PHƯƠNG TIỆN VẬT CHẤT CỦA GIÁO HỘI.-

Bàn đến tài sản của Phật giáo tức là nhìn một khía cạnh yếu kém của Phật giáo vì tôn giáo này - tuy có quần chúng đông đảo - nhưng nghèo. Sự kiện này đã ảnh hưởng không thuận lợi đến những tổ chức của Phật giáo nhưng cũng dễ làm cho Phật giáo dễ hòa mình với nếp sống cộng đồng nghèo khổ của đại đa số quần chúng. Nếu so sánh tài nguyên với Giáo Hội Công giáo thì Phật giáo còn kém xa. Nguyên nhân sự sút kém này một phần do thực dân và những chế độ trước đây không muốn Phật giáo bành trướng nên không giúp đỡ những phương tiện vật chất và một phần vì Phật giáo chưa có 1 hệ thống kinh tài qui mô.

Tài sản của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gồm có 2 phần.

- Động sản và bất động sản hiến cúng.
- Động sản và bất động sản do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tự tạo.

Tuy phân chia 2 phần rõ ràng như vậy, tài sản của Giáo Hội phần nhiều dựa trên những tài sản đã có sẵn về trước này được sáp nhập vào tài sản của Giáo Hội. Đó là những chùa chiền, tự viện, những niệm Phật đường... đã thiết lập từ lâu

(1) Tâm Lạc : Thử tìm 1 lối đi cho Gia Đình Phật Tử - Tuần báo "Đức Tuệ" số 10 ngày 2.5.1964. trang 18.

rãi rác khắp các Tỉnh trên toàn quốc. Phật giáo còn sở hữu một diện tích là 507 mẫu nhưng hầu hết là đất đai ít màu mỡ (1)

Riêng về phần tài sản do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất tự tạo thì sau năm 1963 Giáo Hội mới bắt đầu mua sắm và xây cất nên chưa được dồi dào và chắc chắn chưa thỏa mãn những nhu cầu phát triển của Phật giáo.

Tìm hiểu tài sản Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất thật khó tìm một con số thống kê rõ ràng và chính xác đây đủ vì nó có tính cách mật, ngay trong hàng tăng phẩm - Ngoại trừ vào người trong hàng lãnh đạo - cũng chưa chắc đã biết đích xác. Tuy nhiên đối với tài sản chúng ta có thể hình một cách tổng quát qua những hình thức tổ chức cơ sở.

1.- Cơ sở hành đạo :

Những chùa chiền, tu viện thường được thiết lập trước khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất ra đời trước kia thuộc những Hội Phật giáo địa phương. Hầu hết những tu viện này được đặt trong hệ thống cơ sở của Giáo Hội ngoài trừ các tu viện ... của Hội Phật Học Nam Việt vì Hội này đã mặc nhiên rút lui khỏi giáo hội từ năm 1965. Mỗi tỉnh hội thường kiểm soát từ 3 đến 5 chùa tại Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt ... con số này lên cao hơn nữa.

Ngoài ra có 1 cơ sở mới được thành lập do sự đòi hỏi Giáo Hội đó là ngành Tuyên Ủy Phật Giáo. Ngành này đã thiết lập nhiều cơ sở mới trong các đơn vị quân đội từ cấp tiểu đoàn trở lên.

2.- Cơ sở Văn Hóa, Xã hội :

Trong những năm gần đây những cơ sở này được tổ chức và phát triển mạnh gồm những trung tâm giáo dục thiếu nhi, trường học, những cơ quan từ thiện Phật giáo. Cách thức tổ chức được mô phỏng theo những cơ quan từ thiện của Công giáo.

Hệ thống cơ sở Văn Hóa của Phật giáo phát triển mạnh nhất Hệ thống các trường Bồ Đề đặt được nền móng khắp các tỉnh. Trong năm 1969, các trường Trung và Tiểu học thuộc hệ

(1) SIR (Stanford research Institute) Landreform in VN. Vol I trang 92 - 1968.

thống Bồ Đề đạt được những thành tích sau :

- Trung học : 19 trường Trung Học Đệ II cấp
42 trường Trung Học Đệ I cấp
Gồm có 600 lớp
42.351 học sinh
852 giáo sư
- Tiểu học : 59 trường gồm có 421 lớp
26.684 học sinh
389 giáo viên.
- Mẫu giáo sơ cấp : 15 trường
56 lớp
3.400 học sinh
50 giáo viên (1)

Về Đại Học : Phật giáo có Viện Đại Học Vạn Hạnh được thành lập từ năm 1965. Tổng số Sinh viên trong năm 69-70 : 3210 Sinh viên với 169 giáo sư (2).

Tuy là cơ sở văn hóa nhưng những cơ sở này là một nguồn lợi tức thu được cho Giáo Hội dựa trên học phí của Sinh viên và học sinh. (Học phí của mỗi học sinh từ 300\$ đến 800\$ một tháng. Học phí của mỗi sinh viên 3.600\$ một năm và tiền tài trợ của Chính phủ cho Viện Đại Học Vạn Hạnh là 12 triệu/ một năm).

3.- Cơ sở kinh tài :

Gồm những xí nghiệp của Giáo Hội tổ chức để kiếm tiền lời như :

- Những hãng xi dầu
- Những hãng làm hương thắp
- Những hãng làm bột ăn chay, làm tương v.v...

Nhìn vào bản chất của những xí nghiệp, tầm tiêu thụ bị giới hạn trong giới tín đồ thuần thành của Phật giáo nên cũng cơ sở trên không thể phát triển mạnh. Phật giáo chưa có những xí nghiệp sản xuất đại quy mô, hơn nữa hình như sự quản trị quá yếu kém nên không sinh lợi được nhiều. Vì thế mà lợi tức thu được thường dựa vào sự đóng góp của tín đồ.

(1) và (2) Tài liệu của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Chương Ba

TÌNH TRẠNG PHÂN HOÁ CỦA QH PQ VNTN

/// Sau năm 1963, khi những tổ chức Phật giáo được kết hợp thành một Giáo Hội người ta nghĩ ngay đó là một tổ chức đoàn kết xây dựng trong một hệ thống cơ cấu chắc chắn. Tổ chức này sẽ thống nhất mọi ý chí của tín đồ và từ đó có thể phát triển Phật giáo trong quần chúng. Nhưng thực tế đã trái hẳn những điều mong ước trên. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ngày nay đang bị chia rẽ trầm trọng và bị xâu xé bởi nhiều nơi phân hóa. Những điểm phân hóa này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân làm tan vỡ những thành phần xưa kia thuộc một khối duy nhất hoặc vì cơ cấu tổ chức của Phật giáo đã không thích hợp với nhân sinh quan của tín đồ hoặc do sự phát sinh quan niệm lãnh đạo khác nhau của những cấp lãnh đạo.

Hậu quả đầu tiên của tình trạng phân hóa đó là sự phân chia thành 2 nhóm lãnh đạo của 2 Khối Phật Giáo : Khối Ấn - Quang và Khối Việt Nam Quốc Tự. Mỗi khối có 1 thành phần lãnh đạo khác nhau theo 2 Hiến chương khác nhau, 1 lập trường sinh hoạt chính trị khác nhau lôi kéo một số lượng tín đồ. Chính từ những quan điểm bị động này mà 2 khối luôn luôn có một sự xung đột tạo một tình trạng căng thẳng thường xuyên quanh nhiều hình thức khác nhau, khi thì ngầm ngầm ôn hòa bằng những bài diễn văn, tuyên cáo, bài báo chỉ trích nhau v.v... trước tín đồ khi thì bằng những cuộc bạo động vô lực. Khối Ấn Quang - hiện nay do Thượng Tọa Thích Trí Quang lãnh đạo và Khối Việt Nam Quốc tự do Thượng Tọa Thích Tâm Châu cầm đầu. Mỗi nhà lãnh đạo có 1 tầm ảnh hưởng đối với tín đồ để tạo một thế quần chúng riêng biệt.

Trong sự chia rẽ này các nhà lãnh đạo Phật Giáo lẫn Phật tử đều nhận thấy rằng Phật giáo sẽ bị rối loạn hàng ngũ

đưa đến sự suy yếu hoàn toàn về mọi phương diện nhưng không thể kiếm một giải pháp nào để hòa hợp và thống nhất. Và nếu không hòa hợp thống nhất được thì chắc chắn sự điều hành của cả 2 khối trong việc phát huy Phật giáo sẽ bị khập khiễng và ít có hậu quả. Mỗi khối tự nó sẽ đánh mất tín đồ của mình.

ĐOẠN I.- NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ PHÂN HÓA.-

Sự phân hóa phát xuất từ hai nguyên nhân chính.

1.- Nguyên nhân về tổ chức và tín đồ.-

Như đã trình bày trong Chương II, sức mạnh của Phật-Giáo không dựa vào tổ chức vì :

- Tâm lý tín đồ không muốn bị ràng buộc vào một tổ chức nhất định.

- Đức tin của Phật Giáo cũng không bị ràng buộc vào nội dung kinh điển và tín điều. Tự bản chất tư tưởng Phật Giáo là một triết lý sống phóng khoáng và tự do.

Vì thế sau năm 1963, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập chưa hẳn đã kiểm soát hoàn toàn tín đồ - Phật giáo mà chỉ kết hợp trên phương diện hình thức. Phật giáo một phần nào đã lấy khuôn mẫu của tổ chức Công giáo để áp dụng cho mình. Mặc dầu đó là một việc làm có ý nghĩa trong việc xây dựng một đường hướng chung, nhưng nếu một tổ chức chỉ dựa vào hình thức thì không thể đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng của tín đồ và do đó ít hấp dẫn và thu hút tín đồ. Thế nên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã gặp ngay những trở ngại về sự đoàn kết tín đồ.

Trước tiên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thực sự chưa kết hợp được tín đồ Miền Nam vì tổ chức của Phật Giáo Miền Nam rất lỏng lẻo và có nhiều điểm dị biệt với tín đồ Miền Bắc và Trung.

- Ở Bắc và Trung lãnh đạo Phật Giáo là tăng sĩ, trái lại ở Nam lãnh đạo Phật giáo là cư sĩ nên sự hội nhập giữa những khuynh hướng Tăng sĩ và cư sĩ rất khó khăn. Người Phật Giáo miền Nam rất ngỡ ngàng khi nhận thấy mình bị đặt vào một sự chỉ huy của Tăng sĩ mà trước đây họ rất ít tiếp xúc gần gũi.

Ảnh hưởng của cư sĩ (như cư sĩ Mai Thọ Truyền...) đối hơ mạnh hơn với những Tăng sĩ khác (như Thượng Tọa Thích Pháp Trí - chẳng hạn).

- Khối Phật Giáo Miền Nam không thuần nhất như ở Bắc và Trung mà bị phân tán dưới nhiều sắc thái (như Cổ Sơn Môn, Phật Giáo Trí Ân, Phật Giáo Hòa Hảo...).

- Bản tính người Miền Nam hiền hòa, không thích tham gia chính trị. Khi họ thấy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam dùng nhiều phương tiện vào mục tiêu chính trị, họ e ngại và nghi ngờ Giáo Hội.

Năm 1964, một sự kiện chính trị xảy đến cho Giáo Hội là việc đụng độ với Ông Trần Văn Hương, một chính khách Miền Nam đang làm Thủ Tướng mà không nài ra những lý do chính đáng khiến cho tín đồ Miền Nam khác chính kiến với Giáo Hội và thay đổi thái độ với Giáo Hội. Việc cư sĩ Mai Thọ Truyền rút lui khỏi Giáo Hội, trở về Chùa Xá Lợi là một bằng chứng để chứng minh điều này. Vì thế khối Phật giáo Miền Nam lần lần biệt lập với Giáo Hội, tách rời khỏi Giáo Hội. Đó là một lỗi lầm rất lớn của các nhà Sư lãnh đạo Giáo Hội, tự làm khiêm khuyết 1 thế đứng quần chúng rất lớn.

Cuối cùng những hoạt động của Giáo Hội chỉ còn chịu số tín đồ còn lại là những tín đồ Trung và Bắc. Sự điều động hai lực lượng này dựa vào những vị lãnh đạo đã có ảnh hưởng cũ của những Hội Phật Giáo Trung Và Bắc. Mềm mỏng phân h óa bắt đầu từ những nhà lãnh đạo đó.

2.- Nguyên nhân về lãnh đạo.

Hai nhà sư lãnh đạo hai khối là Thượng Tọa Trí Quang và Thượng Tọa Tâm Châu, mỗi người có một quan niệm lãnh đạo riêng biệt khó hòa đồng. Phóng chiếu 2 cá tính, 2 lập trường khác biệt nhau của 2 nhà lãnh đạo có thể nhận thấy hai đường lối lãnh đạo khác nhau.

Thượng tọa Thích Trí Quang là một nhà Quốc gia cụ c đoan. Đối với cuộc chiến hiện tại ông hy vọng một ngày nào đó Phật giáo sẽ thu hút được Cộng sản vào lập trường của mình nên ông chấp thuận một vài kỹ thuật chính trị của Cộng sản và đồng thời có một chính sách mềm dẻo với Cộng Sản. Ông cho

rằng chính quyền có một chính sách "Vọng ngoại" và sẵn sàng chống đối chính sách này. Ông nhìn chính quyền Miền Nam như một sự sắp đặt trước của người Mỹ. Trên phương diện cá tính mạnh nhiều tham vọng, quả quyết cứng rắn đôi khi thiếu sự mềm dẻo nếu không muốn nói là độc tài. Trong khi đó Thượng Tọa Thích Tâm Châu có lập trường chống Cộng rõ rệt nên ông dễ "thông cảm" với chính sách của chính quyền và ngược lại được chính quyền tin hơn. Ông chủ trương Phật giáo phải đi đối với chính quyền để bành trướng thế lực. Về phương diện cá tính, Thượng Tọa Tâm Châu mềm dẻo hơn, không ngoan hơn nhưng kém hấp dẫn hơn Thích Trí Quang.

Vì những lý do trên, nên chỉ cần có sự xung đột thật sự giữa 2 nhà lãnh đạo sẽ đưa Giáo hội đến chỗ tan vỡ. Sự kiện đó xảy đến năm 1966, khi hai nhà lãnh đạo tranh dành quyền lực lãnh đạo Giáo Hội.

Theo Hiến Chương 005/66, việc quyết định chính sách chung của Giáo Hội được thảo luận trong những cuộc Đại Hội 1 Phật giáo. Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Viện Trưởng Viện Hóa Đạo (lúc bấy giờ là Thượng Tọa Tâm Châu làm Viện trưởng) triệu tập. Thành phần tham dự gồm có :

- Các vị đại diện Miền.
- 5 Đại biểu mỗi tỉnh (kể cả Tăng sĩ lẫn cư sĩ do Đại hội Tỉnh bầu cử trong hoặc ngoài Ban Đại diện).
- 5 Đại biểu mỗi Quận của Saigon.
- 10 Đại biểu miền Vĩnh nghiêm.

Nếu xét thành phần tham dự thì Thượng Tọa Tâm Châu ít có quyền hạn trong việc biểu quyết vì ông chỉ kiểm soát 10 đại biểu Miền Vĩnh Nghiêm mà thôi, kỳ dư số còn lại đa số thuộc tầm ảnh hưởng của Thượng Tọa Thích Trí Quang. Thượng Tọa này kiểm soát được các đại diện Miền, Tỉnh Địa phương. Con số biểu quyết quá chênh lệch giữa hai nhà lãnh đạo.

Nhận thấy mình không có thực quyền nên đã cùng 5 Vị Sư khác dưới quyền chỉ huy của mình lập một bản Hiến Chương khác đưa Chính quyền chuẩn y để có sự hợp pháp tính, bảo vệ hiến chương 005/66. Thỏa hiệp ngầm ngầm giữ Thượng Tọa Tâm Châu và chính quyền diễn ra năm 1966. Trong năm này phong trào vận động Phật Giáo nổi dậy chống chính quyền với sự tham

gia của nhiều đoàn thể và các nhà sư lãnh đạo trong đó nổi bật hơn hết là Thượng Tọa Trí Quang. Trong thời gian này đến lúc quyết liệt Thượng Tọa Tâm Châu vắng mặt vì đi dự Hội nghị Phật Giáo thế giới tại Tích Lan. Thượng Tọa Tâm Châu đã vạch kế hoạch với chính quyền trong khi công du ngoại quốc nên khi trở về ông cố gắng đứng ngoài cuộc tranh đấu và từ đó tách dần ra khỏi ảnh hưởng của phe Thượng Tọa Trí Quang, tự lập một khối riêng có một Hiến chương mới ra đời. Ngày một Hiến chương mới ngày 14/3/1967. Theo Hiến chương này các Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có thành phần tham dự của Tổng Hội Đồng Giáo Hội với 5 đại biểu của mỗi Giáo phái và Hội Đoàn Phật Giáo giữ quyền biểu quyết, còn các đại biểu địa phương "chỉ được đóng góp sáng kiến xây dựng nhưng không có quyền biểu quyết" (điều 40 HC 67) Thượng Tọa Tâm Châu - trong những cuộc vận động trước, nhờ uy tín của ông đã ảnh hưởng đến các hội đoàn mà ông tin các đại biểu đó có thể ủng hộ ông để ông có thực quyền quyết định chính sách. Do đó ông cố gắng soạn theo Hiến chương này và tìm được sự ủng hộ của chính quyền trong việc chuẩn y và sự chuẩn y này đã được một Sắc lệnh hủy bỏ Hiến chương trước trong hệ thống văn kiện pháp lý tại Việt Nam.

Khối Ấn Quang do Thượng Tọa Trí Quang phản kháng lại một mặt trực tiếp tổ cáo "âm mưu" của Thượng Tọa Thích - Tâm Châu trước tín đồ, một mặt biểu tình tuyệt thực chống đối chính quyền, nhưng họ không thành công. Hiện nay tình trạng chia rẽ càng ngày càng trầm trọng, đang biến thành một cuộc tranh chấp thực sự.

ĐOẠN II. - NHẬN KẾT TỔNG QUÁT THỰC LỰC CỦA HAI GIÁO HỘI. -

Hai Khối Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự đều có một lực lượng riêng dựa vào sự hậu thuẫn của tín đồ. Tuy nhiên tình trạng tín đồ của Phật Giáo quá sức mơ hồ, nên khó phân biệt rõ ràng bên nào đã kiểm soát được bao nhiêu tín đồ. Nhìn vào hệ thống cơ cấu tổ chức, Khối Phật Giáo Ấn Quang vẫn còn giữ nguyên vẹn sự tổ chức của mình theo tinh thần của Hiến chương 66, trái lại khối Việt Nam Quốc Tự thì tổ chức theo Hiến chương mới 67. Nói chung thì hai tổ chức của hai Khối đều giống nhau trong cơ cấu hành chánh từ Trung Ương đến địa phương

chỉ khác nhau ở những điều khoản lập qui của hai Hiến chương trong sự điều hành và tầm mức quan trọng của những Hội Đoàn Phật Giáo và các Đại diện địa phương. Thế nên người ta có cảm tưởng cả hai đều có thể kiểm soát tất cả những tín đồ Phật giáo từ Trung Ương đến địa phương. Kỳ thật, mỗi Giáo Hội nhờ tiến trình hoạt động của những nhà lãnh đạo, nhờ yếu tố địa phương của tín đồ, nhờ những tổ chức chi phối tín đồ, nhờ sự chấp nhận quan niệm lãnh đạo của các tín đồ mà mỗi Giáo Hội có một tầm ảnh hưởng khác nhau.

I.- THỂ LỰC CỦA KHỐI ÁN QUANG.-

Thành phần tăng sĩ lãnh đạo Khối Án Quang hùng hậu nhất. Đó là những tăng sĩ trong quá khứ đã tham gia những cuộc vận động Phật giáo nên tín đồ Phật giáo biết tiếng và tin theo. Trong số này phải kể đến vị sư có uy tín là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đang giữ chức Tăng Thống cho Giáo hội. Ngoài ra những nhiệm vụ quan trọng trong Giáo Hội được giao phó cho hàng tăng phạm đã có nhiều ảnh hưởng trong quần chúng. Họ là những tăng sĩ đã điều khiển những tổ chức địa phương nhờ quá trình hoạt động đó mà họ đã nắm giữ được quần chúng địa phương đặc biệt ở Miền Trung. Đó là ưu thế trước tiên và cũng là động cơ làm cho Khối này tự mặc nhiên công nhận các tính cách "chính thống" của mình.

Nhìn vào lực lượng của Khối Án Quang, người ta nhận thấy Khối này kiểm soát được thành phần tín đồ và tổ chức sau:

1.- Về Tín đồ :

- Thành phần tín đồ địa phương : Ở các Miền Vạn Hạnh (Vùng I CT), Liễu Quán và một phần Miền Khuông Việt (Vùng II CT) Khối Án Quang có thể kiểm soát trọn vẹn tất cả những tín đồ Miền Trung và ngược lại tín đồ cũng rất trung thành với Khối Án Quang nhất là nhà sư lãnh đạo Trí Quang. Sau cuộc thất bại 1966, Thượng Toạ Trí Quang từ Huế vào Saigon, ở lại tại đây chưa trở về Huế, tuy nhiên ông ta vẫn điều khiển được Phật tử ở Miền Trung. Điều này chứng tỏ lòng trung thành của tín đồ miền Trung đối với Khối Án Quang vẫn còn. Khối Án Quang đang tìm cách kết thân lại với tín đồ Miền Nam nhờ các Tăng sĩ người Miền Nam. Như vậy tín đồ của Khối Án Quang là Khối đa số.

- Tín đồ thanh niên Phật tử. -

Phần lớn số thanh niên Phật tử là những thành phần tranh đấu dưới sự điều khiển của những vị sư trong khối Ấn Quang (nhất là Thượng Tọa Trí Quang và Thượng Tọa Thiện Minh) nên nay họ theo khối Ấn Quang.

- Các Hội Đoàn Phật Giáo Lao Động : Khối Ấn - Quang còn kiểm soát những đoàn thể lao động Phật tử và đoàn thể chuyên nghiệp Phật tử (Nghệp Đoàn Lao Động Phật tử, giáo chức Phật tử, Công chức Phật tử v.v...)

2.- Về tổ chức. -

- Hệ thống trường Bồ Đề toàn quốc và Viện Đại Học Vạn Hạnh. -

Thuộc Khối Ấn Quang. Khối này có quyền bổ nhiệm các Viện Trưởng, hiệu trưởng (Tăng sĩ) và nhân viên điều hành.

- Hệ thống cơ sở hành đạo tại địa phương. -

Các tu viện này trước kia thuộc quyền những nhà sư của Khối Ấn quan nay vẫn tiếp tục kiểm soát những tu viện đó.

II.- THỰC LỰC CỦA KHỐI VIỆT NAM QUỐC TỬ. -

Thực lực của Khối Việt Nam Quốc Tử có được đều nhờ sự vận động sâu rộng của các nhà lãnh đạo với chính quyền, Thượng Tọa Thích Tâm Châu đã được chính quyền tin cậy và ngược lại ông cũng đã hợp tác với chính quyền. Nhờ vậy ông được hưởng nhiều sự giúp đỡ của chính quyền về nhiều phương tiện vật chất để cải thiện điều kiện làm việc của Giáo Hội. Và Giáo Hội cũng được chính quyền bảo vệ. Thượng Tọa Tâm Châu là người biết cách ngoại giao khôn khéo nên Ông đã kết thân được với Giáo Hội Phật Giáo ngoại quốc và hiện là Phó Chủ tịch - Hội Nghị Phật giáo trên thế giới.

Ngoài sự yểm trợ của chính quyền khối Việt Nam Quốc Tử còn kiểm soát được thành phần tín đồ và cơ sở sau :

- Tín đồ Miền Vĩnh Nghiêm gốc người Bắc di cư. Số tín đồ này cũng là người đồng hương với những nhà sư lãnh đạo nên sẵn sàng chấp nhận lập trường lãnh đạo của họ.

- Nhà Tuyên Ủy Phật Giáo : đây là cơ sở hành đạo và truyền đạo trong quân đội do Thượng Tọa Thích Tâm Giác điều khiển. Thượng Tọa Tâm Giác là một cộng sự viên đặc lực của Thượng Tọa Tâm Châu.

Nhìn chung vào thực lực của 2 Khối, thì Khối Ấn Quang mạnh hơn vì dựa vào một số tín đồ đông đảo hơn. Nhưng cả hai khối cũng không kiểm soát được toàn thể tín đồ Phật giáo vì có một số tín đồ đứng hẳn ra ngoài tầm kiểm soát của hai khối không dính dáng đến sự tranh chấp đó. Khối tín đồ này cũng rất đông đảo.

ĐOẠN III. - KHÍA CẠNH PHÁP LÝ CỦA HAI GIÁO HỘI. -

Xét về khía cạnh pháp lý của hai Giáo Hội thì phải đứng trên hai phương diện nội dung và hình thức vì một bên dựa vào thực lực, một bên quy chế pháp lý.

Trên phương diện hình thức, Sắc lệnh 023/67 ngày 18/7/67 tức là Sắc luật liên quan đến Hiến chương 23 đang do - Khối Việt Nam Quốc Tự đã hủy bỏ Sắc luật 005/66 ngày 26/2/66 chuẩn y Hiến chương của Khối Ấn Quang áp dụng.

Như thế trong khung cảnh pháp lý quốc gia, hoạt động của Khối Việt Nam Quốc Tự được pháp luật công nhận, bao hàm ý nghĩa cho Giáo Hội này hoạt động công khai và hợp pháp trong sinh hoạt quốc gia.

Trái lại tổ chức và hoạt động của Khối Ấn Quang không có tính cách pháp lý vì không có văn kiện pháp lý nào của Quốc Gia công nhận cả, nên cũng mất tính cách pháp nhân. Và một tập thể không có pháp nhân tính thì không thể nhân danh tập thể đó để khai thác và quản trị tài sản được và không có quyền lập qui đối với những cá nhân trong tập thể. Và các cá nhân trong tập thể không thể đại diện cho toàn tập thể về những hoạt động của mình.

Nhưng đứng trên phương diện nội dung thì hoạt động của các nhà sư lãnh đạo được cá nhân là những tín đồ trong Khối đó công nhận mặc dầu tổ chức của họ vẫn còn áp dụng theo Hiến chương 005/66 đã bị hủy bỏ. Các cơ sở, tài sản của Phật giáo trên toàn quốc hầu hết vẫn thuộc quyền của khối này quản trị và các nhà sư vẫn đương nhiên đại diện Giáo Hội đứng ra khai

thác những nguồn tài nguyên đó. Tuy không có quyền lập ra nhưng Giáo Hội vẫn chi phối những hoạt động của tín đồ và chính tín đồ cũng chấp nhận quyền chi phối đó. Vì vậy bản chất hoạt động của Khối Ấn Quang vẫn có tính cách pháp lý về nội dung vì khối này dựa trên căn bản quyền chúng và sức mạnh quần chúng đã tạo cho Khối một căn bản pháp lý. Đó là quyền đương nhiên sẵn có (inherent power) (1) của một tập thể có sức mạnh nội tại, một thực lực chính trị trong sinh hoạt quốc gia. Khi một tập thể có một sinh hoạt quần chúng thực sự thì vì tính cách liên tục của hoạt động và tính cách sống động đó mà Chính quyền không có toàn quyền trong việc hủy bỏ tư cách pháp nhân của tập thể đó.

Tóm lại, sức mạnh pháp lý của một Giáo Hội không thể nằm trong những văn kiện pháp lý mà nó nằm ngay trong trong-sức mạnh của Khối tín đồ. Một số thẩm quyền thực tại "Không những là đối thủ của quyền lực luật định mà còn có khuynh hướng muốn thay thế quyền lực đó" (2)

ĐOẠN IV.- HẬU QUẢ CỦA TÌNH TRẠNG PHÂN HÓA.-

Sự tranh chấp của hai khối Phật giáo càng ngày càng trầm trọng. Hai bên luôn luôn nghi ngờ thiện chí của nhau, mỗi bên dựa vào một thế lực riêng của mình để chống đối nhau. Tuy đôi lần cả hai bên đã có những sáng kiến hòa giải nhưng lập trường của đôi bên vẫn còn tính cách cứng rắn bảo thủ, không cởi mở nên những cuộc hòa giải đều bất thành. Đó là một điều đáng tiếc cho tương lai của Phật Giáo Việt Nam. Cuộc bạo động đẫm máu xảy ra đêm 5/5/70 tại ngôi chùa Việt Nam - Quốc Tự đánh dấu cho cuộc tranh chấp này sang một ngã rẽ mới. Và chắc chắn trong giai đoạn mới này những đổ vỡ sẽ không thể nào hàn gắn được nữa, sự chia rẽ sẽ không có cơ hội để đoàn kết, sự thống nhất sẽ không thể thực hiện. Vấn đề sẽ giải quyết bằng sự tương quan giữa lực lượng đôi bên, bên nào mạnh

(1) Quan niệm này cũng giống như quy chế Pháp lý của những tập thể hành chính địa phương Hoa Kỳ theo quan điểm pháp lý của luật gia Thomas M. Cooley về các Municipal Corporation và Quasi-Municipal Corporation (Cương Tập Cao - Học Hành Chánh đối chiếu của Giáo Sư Nguyễn Khắc Nhân).

(2) Nguyễn Hữu Lãnh. Các Đoàn thể áp lực trong chế độ Dân chủ ngày nay - Nghiên cứu Hành Chánh- số I tháng I/1969.

bên đó sẽ "thăng" và nếu thế thì làm mất hết ý nghĩa của tinh thần Phật giáo. Tình trạng này sẽ đưa đến hậu quả sau :

1.- Làm mất uy tín của hàng tăng phẩm trong tín đồ và quần chúng.

Đó là hậu quả trước tiên sẽ xảy ra. Sự tranh chấp phải diễn ra dưới những phương thức hành động không tốt đẹp mà quần chúng và ngay tín đồ không chấp nhận được nên sẽ mất hết tin tưởng vào sứ mệnh cao quý của tu sĩ. Vì tu sĩ là đại diện của đối tượng thờ phụng (Đức Phật) của tín đồ, nên tín đồ không tin tưởng vào tu sĩ thì hậu quả sẽ nguy hại đến tương lai của Phật giáo.

2.- Đưa đến sự suy vi của tiềm lực Giáo Hội :

Sự phân ly làm cho Phật giáo khó kết hợp hữu hiệu tín đồ. Giáo Hội sẽ trị cô lập hóa tín đồ với quần chúng và tín đồ.

3.- Khó bành trướng và phát triển Phật giáo qua đường hướng của Giáo Hội.-

Tín đồ vẫn tiếp tục tin Phật, tin giáo lý Phật giáo họ tiếp tục trung thành với giáo lý đó nhưng họ sẽ không tin sự hướng dẫn của Giáo Hội đưa họ vào Phật giáo. Giáo Hội sẽ bị cô lập và bị vô hiệu hóa trước những nhận thức của tín đồ qua sự phân ly.

Không có một thời kỳ nào của lịch sử Phật giáo tại Việt Nam lại có nhiều sự xung đột nguy hiểm như bây giờ. Điểm đáng lưu ý nhất là sự xung đột không nằm trong căn bản của tranh chấp ý tưởng sự khác biệt ý thức hệ mà trái lại sự tranh chấp lại xảy ra, ngay trong một nguồn tư tưởng cùng những người cùng có chung một tín ngưỡng. Kết quả là nó gây ra một sự căng thẳng về tâm lý và một sự bất ổn của những Giáo Hội. Cuộc tranh chấp đó chỉ phát xuất từ những quan niệm lãnh đạo những đường hướng điều hành tổ chức trong một hiện tượng gia tốc của ý muốn bành trướng tư tưởng tôn giáo vào lãnh vực thế tục là hiện tượng mà chính nó bị kích thích bởi sự gia tốc của sự áp dụng tinh thần hiện đại hóa của các vị tu sĩ lãnh đạo. Các hình thái xâm nhập của Phật giáo vào cuộc thế tục của xã hội không được nuôi dưỡng bằng thời gian mà bằng những "bước tiến nhảy vọt", bằng sự tham vọng quá mức của hàng tăng phạm làm cho họ không đủ thời gian để chuẩn bị sự phản ứng của xã hội và chuẩn bị tư tưởng và kiến thức thế tục ngay cho chính họ. Lối làm là ở điểm đó, cho nên vấn đề đặt ra là tìm giải pháp nào hữu hiệu để có thể xóa bỏ những đố vỡ này mà xây dựng lại một Giáo Hội thích ứng với nhân sinh quan của tín đồ và tinh thần Phật giáo. Và tất cả bắt đầu từ hàng tăng phạm.

PHẬT-GIÁO TRONG SINH-HOẠT CHÍNH-TRỊ TẠI VIỆT-NAM

Nói đến sự tham gia chính trị của Phật Giáo người ta nghĩ ngay đến những cuộc vận động từ năm 1963 trở về sau vì chính sau thời gian này Phật Giáo mới dần th thân vào đời sống chính trị một cách rõ rệt, đã cố gắng ảnh hưởng đến hành động của chính quyền, hướng dẫn dư luận quần chúng bằng nhiều phương tiện trực tiếp hoặc gián tiếp. Khởi thủy những mục tiêu tranh đấu của Phật Giáo chỉ có tính cách thuần túy tôn giáo nhưng dần dà xâm nhập vào những lãnh vực chính trị vì bản chất của hoạt động không thể dừng chân trong phạm vi tôn giáo. Đó cũng là lý do gặp gỡ của nhiều phong trào, nhiều ý thức tuy độc lập hay đối lập với nhau, tuy khởi điểm hết sức xa lạ lại gặp gỡ nhau trên lãnh vực chính trị.

Thoạt tiên cuộc tranh đấu cho năm nguyện vọng nhân vu triệt hạ cờ Phật giáo chỉ là những nguyện vọng tôn giáo. Tính chất tín ngưỡng rất hiển nhiên của cuộc tranh đấu mà ai cũng nhận thấy. Tất nhiên kích thước chính của vấn đề không thể hạn hẹp trong lãnh vực tôn giáo, nó đặt ngay vấn đề cho cơ chế của chế độ, cho bản chất của chính sách. Vì thế sau ngày 1.1.63, Phật giáo đã trở thành một đối lực thường xuyên gây khó khăn và lúng túng cho chính quyền. Trạng thái này phản ánh sự suy nhược của nhà cầm quyền trong một khung cảnh chính trị rối loạn.

Sinh hoạt chính trị từ ngày Pháp thuộc tới nay vẫn ở trong tình trạng bế tắc. Mức độ bế tắc càng ngày càng trầm trọng vì kiến thức và quan niệm chính trị của dân chúng càng ngày càng trưởng thành lớn mạnh mà khung cảnh chính trị thì n

nhỏ hẹp không đủ để đón nhận mọi khuynh hướng đang phát triển. Hoàn cảnh chính trị lại càng khó khăn hơn khi cường độ của cuộc chiến càng ngày càng gia tăng làm chính quyền phải giới hạn thêm nhiều phạm vi hoạt động của dân chúng. Người dân Việt Nam cảm thấy bất lực đồng thời cũng nhận thấy Chính quyền chưa hẳn đã là nguồn gốc làm thỏa mãn những nguyện vọng của họ. Trước tình trạng đó, những lực lượng chính trị khác như chính đảng, đoàn thể không đủ sức hậu thuẫn của quần chúng để nói lên tiếng nói có giá trị hầu tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề.

Trong hoàn cảnh đen tối này Phật giáo muốn sử dụng k Khối tín đồ đông đảo để tìm một giải pháp cho tình trạng bế tắc của Việt Nam mà theo họ chiến tranh là động cơ chính yếu. Vì thế tìm cách chấm dứt chiến tranh bằng những phương tiện không đổ máu là cách thức tốt nhất để giải quyết vấn đề chính trị hiện tại. Nhưng Phật giáo lại nhìn chiến tranh dưới một khía cạnh khác với chính quyền. Chính quyền nhìn cuộc chiến qua một sự đấu tranh ý thức hệ, Phật giáo nhìn với khía cạnh 'hòa đồng Dân tộc' và Phật giáo tin tưởng ý thức hệ Phật giáo có thừa khả năng để thu hút ý thức hệ ngoại lai khác. Với hai quan điểm chính trị khác biệt dẫn đến hai đường lối đấu tranh khác biệt. Đó là lý do làm nảy sinh những sự tranh chấp gaygo và triển miên giữa chính quyền và Phật giáo.

Khác hẳn với mục tiêu của các chính đảng, Phật giáo - thật ra không có ý định cầm quyền mà chỉ vận động quần chúng gây ảnh hưởng đến những quyết định của chính quyền. Đó là một điểm đặc biệt của sự tham gia chính trị của Phật giáo. Cho nên dù mục tiêu hoạt động của Phật giáo có rộng bao nhiêu, tầm ảnh hưởng có mãnh liệt bao nhiêu thì vai trò của Phật giáo trong sinh hoạt chính trị tại Việt Nam chỉ là vai trò của một đoàn thể áp lực. Đôi trường hợp hoạt động Phật giáo đã làm cho mọi người ngạc nhiên vì Phật giáo đã chi phối hay kiểm chế sự vận chuyển của bộ máy của Chính quyền. Những sự kiện đó cũng không làm thay đổi vai trò của Phật giáo mà chỉ nói lên Phật giáo là một đoàn thể áp lực mạnh mẽ thôi.

CÁC GIAI ĐOẠN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Từ năm 1963 đến nay những cuộc vận động của Phật giáo diễn biến một cách mãnh liệt. Mãnh liệt ở ngay trong hình thức vì Phật giáo đã sử dụng những phương tiện nhân lực hùng hậu, những kỹ thuật hành động hữu hiệu mà không có một lực lượng xã hội nào có được. Mãnh liệt ở nội dung về những mục tiêu tranh đấu của Phật giáo quá táo bạo đối với sinh hoạt chính trị. Mãnh liệt ở hậu quả vì Phật giáo đã làm rung chuyển khung - cảnh chính trị, trật tự xã hội mà từ trước khung cảnh đó, trật tự đó vẫn nằm im lìm bất động trước những quyết định của chính quyền.

Vì tính cách mãnh liệt đó mà sự tham gia chính trị của Phật giáo mang nhiều sắc thái đặc biệt trong nhiều giai đoạn:

- giai đoạn bùng khởi
- giai đoạn áp đảo chính quyền
- giai đoạn thất bại trong việc đòi hỏi một chính phủ dân cử
- giai đoạn quay về với tổ chức nội bộ.

ĐOẠN I : GIAI ĐOẠN BÙNG KHỞI (từ 7.5.1963 đến 1.11.1963). -

Giai đoạn này bắt đầu từ một nguyên nhân thuần túy Tôn giáo là việc chính phủ cố ý định triệt hạ cờ Phật giáo nhân - ngày lễ Phật Đản tại Huế. Nhưng thật ra đây chỉ là một cái cớ để Phật giáo bùng dậy, một phản ứng tất nhiên phải có của tín đồ Phật giáo đối với bối cảnh chính trị lúc bấy giờ. Vì thế muốn tìm hiểu giai đoạn bùng khởi này trước hết phải tìm hiểu nguyên nhân sâu xa (cause indirecte) đưa đến cái cớ (cause directe) vùng dậy của Phật giáo và các sự diễn tiến của các sự kiện liên hệ sau đó.

I. - NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ BÙNG KHỞI. -

Sự bùng khởi của Phật giáo bắt nguồn từ những nguyên

nhân sâu xa, phức tạp và tế nhị, nó ràng buộc với nhiều yếu tố khác biệt. Nhưng gạt bỏ những yếu tố chủ quan thì nguyên nhân chính là chính sách kỳ thị tôn giáo trải qua nhiều thời kỳ.

Tại Việt Nam, chính quyền muốn nắm giữ dân chúng thường phải dựa vào những lực lượng tôn giáo.

Thực dân đã lợi dụng tôn giáo trong việc xâm lăng Suốt trong thời gian Pháp đánh chiếm Việt Nam chính sách thực dân đã gắn liền với sự bành trướng Thiên Chúa giáo và trong những hòa ước ký với Việt Nam, Pháp đã dành những điều khoản tiên quyết cho sự tự do đi lại của các giáo sĩ và sự truyền đạo. Thiên chúa giáo đã mang lại một sự hậu thuẫn quân chúng cho sự xâm lăng của người Pháp vào Việt Nam. Song song với sự giúp đỡ Thiên chúa giáo, người Pháp cố tình tiêu diệt những phong trào quốc gia kháng chiến và những lực lượng tôn giáo địa phương đặc biệt là Phật giáo, nhất là những biện pháp đàn áp càng ngày càng tinh vi và rộng rãi khi người Pháp nhận thấy rằng động lực thúc đẩy những phong trào cách mạng chống Pháp phần lớn dựa trên tín ngưỡng chính của quần chúng. Cho nên những qui chế ưu đãi Thiên chúa giáo hơn tôn giáo địa phương là hậu quả của tình trạng mất nước. Sự bất bình đẳng đó không những chỉ tìm thấy ở Thiên chúa giáo với những tôn giáo địa phương mà còn ở những tôn giáo ngoại quốc với nhau.

Những tổ chức của các tôn giáo địa phương theo qui chế những hiệp hội trong khi đó hội truyền giáo Thiên chúa giáo không chịu sự chi phối của qui chế hiệp hội. Sắc lệnh ngày 21.2.1933 và Dự số 10 ngày 6.8.1950 qui định qui chế hiệp hội. Hai sắc lệnh và dự trên đây để riêng qui chế và các hội truyền giáo ngoại quốc. Dự số 10 phần lớn y cứ vào Sắc lệnh ngày 21.2.1933 rất khắt khe với những hiệp hội. Điều 1 dự số 10 qui định rằng tất cả những tổ chức tôn giáo, trừ Thiên chúa Giáo do Sắc lệnh ngày 16.1.1939 định, đều bị xem như là những hiệp hội và chính phủ có quyền chấm dứt mọi sự hoạt động của Hiệp hội này vì lý do an ninh (điều 7). Điều 24 và 28 của Sắc lệnh này qui định những tôn giáo, trừ Thiên chúa giáo, chỉ được phép thu nhận những số tiền phụ nạp thường xuyên của tín đồ và tạo dựng những bất động sản thật cần thiết mà thôi.

Ngoài ra Bộ Nội Vụ có thể ra lệnh khai trừ một hay những nhân viên ban quản trị mà không cho biết lý do, Hội hoạt động ra ngoài mục đích có thể bị giải tán và hội viên có thể bị truy tố.

Sau khi thu hồi độc lập, chính sách ưu đãi Thiên Chúa giáo vẫn còn được tiếp tục áp dụng dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Dự số 10/50, một qui chế pháp lý bất công vẫn còn tồn tại và Phật giáo tại Việt Nam vẫn còn chịu những sự áp bức tuy không công khai và trắng trợn như thời Pháp thuộc nhưng cường độ áp bức vẫn không giảm dưới những hình thức tế nhị hơn. Theo nghị định số 116/TTP/TK/1 ngày 23/9/1960 của văn phòng Tổng Thống nhắc lại rằng những hiệp hội tạo mãi những bất đồng sản dù nhỏ bao nhiêu cũng phải được Tổng Thống cho phép. Ông Ngô Đình Diệm còn muốn thay thế những giá trị cổ truyền, bằng ý thức hệ Thiên Chúa Giáo. Đó cũng là làm tăng uy lực Thiên Chúa giáo và vai trò của những vị linh mục trở nên quan trọng - không những về phạm vi tín ngưỡng mà còn cả lãnh vực chính trị nữa.

Trên phương diện pháp lý, Phật giáo đã chịu những qui chế bất bình đẳng, trên phương diện thực tế, Phật giáo còn chịu những sự va chạm thực thời với chính quyền (đã trình bày ở trên). Tất cả những sự kiện đó tích lũy thành những uất hận bất mãn chỉ chờ cơ hội sẽ bùng nổ. Và cơ hội đó là ngày lễ Phật Đản năm 1963 tại Huế.

II.- DIỄN TIẾN CỦA BIẾN CỐ LỊCH SỬ.-

1.- Giai đoạn mở đầu :

Ngày Phật Đản 7.5.1963 được tin đồn Phật giáo tổ chức tại Huế nhưng bị nhà cầm quyền không cho phép treo cờ Phật giáo. Theo công điện số 9195 ngày 6.5.1963 của Phủ Tổng Thống đánh đi khắp toàn quốc bắt phải triệt hạ cờ Phật giáo.

Phản ứng của Phật giáo bắt đầu nổi dậy. Một phái đoàn Phật giáo gồm Hòa Thượng Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết cùng Thượng Tọa Thích Trí Quang và một số Thượng Tọa khác phát động chiến dịch chống lại quyết định này của chính phủ. Trong khi đó một cuộc tuần hành rước Phật thường lệ đã tự biến thành một cuộc biểu tình chính trị: nhiều

biểu ngữ chống chính phủ đòi hỏi thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo được trưng lên. Khi đám rước đến Chùa Từ Đàm, một ngôi chùa có kính và là cơ sở chính thức để hành lễ của Phật giáo ở Huế. Thượng Tọa Trí Quang là nhà sư lãnh tụ đầu tiên đứng ra nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo, tin đồ tranh đấu. Sự bất mãn lại càng gia tăng hơn khi 8 tin đồ Phật tử bị giết tại Đài Phát thanh Huế trong một cuộc xô xát với quân đội chính phủ. Sự tranh chấp giữa tin đồ và chính phủ do đó trở nên quyết liệt hơn.

Ngày 10.6.1963, trong một cuộc mít-ting tại Chùa Từ Đàm Phật giáo đã đưa ra một yêu sách gồm 5 nguyện vọng sau :

- Yêu cầu chính phủ thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo Việt Nam.

- Yêu cầu chính phủ phải để Phật giáo hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa Giáo đã ghi trong Dự số 10.

- Yêu cầu cho Tăng tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.

- Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải bị trừng trị xứng đáng.

Bản tuyên ngôn năm điểm này phản ánh những phản ứng của Phật giáo đối với một chính sách bất bình đẳng về tôn giáo của chính phủ. Làn sóng tranh đấu lần lần lan tràn sang các tỉnh, các địa phương khác. Trước tiên là Thủ Đô Saigon là trọng tâm của cuộc tranh đấu. Ngày 21.5.1963, tín đồ Phật tử khắp toàn quốc làm lễ cầu nguyện cho các Phật tử đã bị giết. "Tại Saigon Phật tử đã tổ chức lễ này tại chùa Ấn Quang có gần 1.000 tăng ni tham dự và rước linh từ chùa Ấn Quang tới Chùa Xá Lợi. Cuộc rước vô cùng trang nghiêm và trật tự" (1).

Sau đó, Phật giáo thành lập một tổ chức để tranh đấu lấy tên là Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra đời, với sự liên kết của tất cả những hội đoàn Phật giáo. Đó là mầm mống thống nhất của các khuynh hướng Phật giáo và là tiền thân của

(1) Quốc Oai - Phật giáo tranh đấu - trang 25 Tân Sanh xuất bản 1963.

giáo hội Phật giáo. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo ra đời ngày 25.5.1963 với bản tuyên ngôn có đại ý như sau :

- Ứng hộ toàn diện 5 nguyện vọng tối thiểu và thiêng liêng nhất của Phật giáo Việt Nam đã ghi trong bản tuyên ngôn ngày 10.5.1963.

- Thề nguyện đoàn kết đến cùng trong cuộc tranh thủ bất bạo động và hợp pháp để thực hiện những nguyện vọng ấy.

Ngày 26.5.1963, ba vị Thượng Tọa của Ủy Ban lên tiếp xúc thẳng với Tổng Thống Ngô đình Diệm để trình thỉnh nguyện thư đồng thời cũng cho chính quyền biết Phật giáo sẽ tranh đấu bằng biện pháp ôn hòa bất bạo động bắt đầu là một cuộc tuyệt thực của tăng sĩ 48 tiếng kể từ ngày 30.5.1963 Chính quyền cũng phản ứng lại bằng cách tìm những biện pháp đàn áp thích nghi để làm xẹp phong trào tranh đấu.

Nhưng cuộc tranh đấu là bùng cháy dữ dội đánh dấu bằng một cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Cuộc tự thiêu này có một tác dụng tâm lý lớn lao đối với tín đồ Phật giáo : nó kích thích lòng hy sinh của tín đồ vào sự tham gia phong trào vận động của Phật giáo và đưa đến một giai đoạn tranh đấu quyết liệt hơn giữa chính quyền và Phật giáo.

2.- Giai đoạn can thẳng quyết liệt.

Nhận thấy cần tìm giải pháp hòa hoãn, Tổng Thống Ngô đình Diệm gửi một thông điệp kêu gọi dân chúng Thủ đô bình tĩnh sau vụ Hòa thiêu "mọi sự khó khăn sẽ được giải quyết trên "căn bản lương tri và áp quốc, trong tình đoàn kết huynh đệ" ... Không nên tin có âm mưu trì hoãn giải quyết mọi vấn đề : "Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp nghĩa là có tôi". Chính phủ thành lập một Ủy Ban Liên Bộ để giao tiếp với Phật giáo gồm có Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lãnh đạo Ủy ban và hai Bộ Trưởng Bộ Phủ Tổng Thống và Bộ Nội Vụ để giải quyết 5 nguyện vọng Phật giáo. Sau ba ngày họp từ 14 đến 16/6/1963 tại Hội trường Diên Hồng, cuối cùng hai bên thoả thuận và đi đến một thông cáo chung. Bên Phật giáo, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo đề cử Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Tâm Châu, Thiện Hoa, Huyền Quang, Đức Nghiệp đứng tiếp xúc với phe chính phủ.

Sau khi bản thông cáo chung được công bố, tình thế-tướng chúng sẽ êm đẹp, nhưng chính quyền vẫn chưa chịu áp dụng và tìm cách phá rối hàng ngũ Phật giáo như dựng lên Hội Phật giáo Cổ Sơn Môn để làm đối lực chống lại Phật giáo, liên lạc với Hội Phật giáo thế giới để hạ uy tín Phật giáo. Phật giáo phản kháng lại, theo văn thư số 109 THPG/HC ngày 26.6.1963 - gửi lên Tổng thống Ngô Đình Diệm nêu những bằng chứng đàn áp Phật giáo còn tiếp diễn và vẫn chưa thi hành thông cáo chung. Trong khi đó Phật giáo còn được hưởng những yếu tố thuận lợi về mặt quốc tế là người ngoại quốc nhất là các quốc gia thu Phật giáo tại Đông Nam Á ủng hộ sự tranh đấu ngay các nước Tây phương đều cũng có phản ứng thuận lợi cho Phật giáo. Các quốc gia Cộng Sản nhất là Bắc Việt và Trung Cộng lại hô hào Phật giáo nên lật đổ chính phủ. Cao Miên nhân vụ Phật - giáo cũng tuyệt giao đóng cửa tòa Đại Sứ, các giáo sư ngoại quốc dạy ở Đại học Huế từ chức bỏ về nước...

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo tiếp tục kêu gọi Phật tử tiếp tục tranh đấu để thực hiện bằng được Bản Thông cáo chung. Ngày 16.7.1963 tăng ni biểu tình trước tư dinh của Ông Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Họ đòi Hoa Kỳ và các nước trong thế giới tự do phải thuyết phục chính quyền thực thi - đúng đắn Bản Thông cáo chung và họ biết người Hoa Kỳ có ảnh hưởng nhiều đối với chính quyền. Cuộc biểu tình này mở đầu cho cuộc tuyệt thực thứ hai của tất cả tăng ni lôi kéo thêm nhiều tín đồ biểu tình phản đối chính phủ. Chính phủ cũng gia tăng những biện pháp giải tán đặc biệt nhất là cảnh sát đã tóm bắt 400 tăng ni trong một cuộc biểu tình tại Chợ Bến Thành ngày 17.7.1963. Tình thế mỗi lúc một càng thẳng, những ý chí hòa giải của đôi bên mỗi lúc càng xa. Trong một bức thư gửi cho chính quyền của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo - ngày 19.7.1963 trình những sự kiện đàn áp của chính phủ như phong tỏa chùa chiền, bắt bớ tăng ni và đòi hỏi chính phủ phải bồi thường và không áp dụng những biện pháp kể trên. Đoạn cuối cùng bức thư có viết: "Toàn thể Tăng Ni chúng tôi trong Ủy Ban Liên Phái thà cam chết chứ không chịu để cho lòng tin - tưởng của chúng tôi nơi thành tín của chính phủ bị đánh đổ một lần nữa và "các vấn đề trên, một khi giải quyết xong, chúng tôi mới có thể hợp tác với Ủy Ban Liên Bộ mà nghiên cứu xem xét những vấn đề khác để cuộc hòa giải hoàn toàn tốt đẹp!"

Ngày 30.7.1963 Phật giáo cho phổ biến một bản Tuyên ngôn cho tín đồ đã viết : "Kiểm điểm lại cuộc vận động đến nay chỉ mới giải quyết trên giấy tờ (Thông cáo chung) và bằng lời nói (Hiệu triệu của Tổng Thống). Nhưng trên thực tế chưa có một sự thực thi cụ thể nào khả dĩ làm dịu nỗi đau khổ & triền miên của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Ngược lại, những thực tế đau lòng càng ngày càng dồn dập làm cho Phật giáo đồ mất hết tin tưởng.

Những sự kiện trên cho thấy sự hòa giải giữa đôi bên không thể thực hiện. Chính phủ bắt đầu dùng nhiều phương thức đàn áp mạnh mẽ hơn trong khi đó cuộc tranh đấu của Phật giáo mỗi ngày một rộng lớn. Phật giáo vẫn tiếp tục biểu tình, dù đối phản đối để đưa đến mục tiêu tranh đấu : các cuộc tự thiêu của hàng táng sĩ cũng tiếp diễn khắp các tỉnh và tỉnh - hình căn thẳng đến tột độ, không thể lắng dịu được. Lĩnh giới nghiêm ban hành ở một vài tỉnh.

3.- Giai đoạn cuối : cuộc đàn áp Phật giáo.

Ngày 18.8.1963 Ủy Ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo tổ chức lễ cầu siêu cho những Vị Tử vì Đạo tại Chùa Xá Lợi. Ngót trăm ngàn người tụ tập tại chùa (1) và trở thành một cuộc biểu tình vĩ đại và tuyệt thực đến ngày 19.8.1963. Qua ngày 20/8 1963 có biểu tình lớn ở Huế, Đà Nẵng, Saigon.

Chính phủ nhận thấy cần phải dùng bất cứ một biện pháp gì hữu hiệu để dập tắt phong trào mặc dầu bị dư luận phản đối. Biện pháp cuối cùng của chính phủ là đàn áp thẳng tay. Đêm 20.8.1963 rạng ngày 21.8.1963, "Cảnh Sát Chiến Đấu đến bao vây Chùa Xá Lợi và lục soát, có xô xát kịch liệt súng nhiều các tăng ni bị bắt, nhiều người bị thương. Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết bị xô ngã và bị thương gần mắt" (2). Các Chùa Ấn Quang và Kỳ Viên Tự cũng bị khám xét. Đồng thời các chùa dùng làm trụ sở tranh đấu khác như ở Huế, Đà Nẵng, Nha Trang cũng bị lục lượm võ trang tấn công đồng loạt trong đêm này. Chính phủ đã công khai chìm chết một phong trào vận động do một tôn giáo lớn cổ lịch sử lâu dài tại Việt Nam bằng những phương tiện vũ lực mà thật ra chính phủ không nên giải quyết như vậy

(1) Quốc Oai - Sách đã dẫn - trang 161.

(2) Đoàn Thâm - Hai mươi năm qua - trang 359 - Nam Chi Tùng thư xuất bản 1966.

để tránh những hậu quả tai hại cho sự tương quan giữa chính trị và tôn giáo.

Hội đồng chính phủ được triệu tập lúc gần sáng Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên bố phải hành động cương quyết và lãnh trách nhiệm trước lịch sử. Ông tuyên bố tình trạng khẩn cấp và ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn thể lãnh thổ, giao quân đội bảo vệ an ninh trật tự (SL 84/TFP).

Các làn sóng phản đối chính phủ cũng bắt đầu lan tràn mặc dầu không còn cơ quan đầu não là các Tăng ni hướng dẫn. Đó là hiện tượng quần chúng hóa các phong trào vận động Phật giáo.

Trước tiên những nhà trí thức phản đối trong đó có giáo sư kiêm Bộ Trưởng Vũ Văn Mẫu xuống tóc. Bộ giáo dục ra lệnh tạm đóng cửa các trường Trung và Đại học toàn quốc. Ngày 25.8.1963 Sinh viên học sinh biểu tình rất đông trước chợ Bến Thành ủng hộ Phật giáo. Chính phủ thẳng tay đàn áp, hai bên xô xát mãnh liệt. Một số người bị thương, một nữ sinh bị bị chết (Quách thị Trang), 1.380 người bị bắt tập trung tại trại huấn luyện Quân sự ở Quang Trung (1). Phong trào thanh niên học sinh bùng dậy đầu tiên và mở màn cho những mùa tranh đấu khốc của lớp người trẻ tuổi.

Những cuộc biểu tình và tự thiêu khác vẫn tiếp diễn nhưng không mạnh mẽ như trước vì một mặt chính phủ gia tăng sự đề phòng can thiệp, một mặt tín đồ Phật giáo không còn bạn hướng dẫn lãnh đạo để kết hợp nhiều người lại với nhau. Chính phủ mở những cuộc vận động mới giải thích dư luận quần chúng đối với quốc nội chính phủ lập một ủy Ban Phật giáo "được ủy nhiệm trông nom việc Phật sự", tổ chức biểu tình lớn ở Saigon do Thanh Niên Cộng hòa - một tổ chức thanh niên của chính phủ để ủng hộ chính phủ v.v... Đối với quốc ngoại, một phái đoàn do Bà Cố Vấn Ngô đình Nhu lãnh đạo xuất dương để "giải độc" mời phái đoàn Liên Hiệp Quốc sang điều tra nhưng tất cả các việc làm trên không mang lại một kết quả tốt đẹp nào vì hành động đàn áp của chính phủ làm phần lớn dân chúng Việt Nam cảm thấy một phần đời sống tinh thần bị xúc phạm.

Tuy nhiên chính phủ vẫn thắng thế trong sự điều hành trật tự xã hội và đang cố gắng ổn định lại khung cảnh trật tự

(1) Đoàn thêm - Sách đã dẫn - trang 360.

đó thì một biến cố mới xảy đến : đó là cuộc đảo chánh do phe quân nhân chủ trương do Trung Tướng Dương Văn Minh chỉ huy ngày 1.11.1963 đem lại sự thắng lợi cho Phật giáo.

Sau khi đảo chánh thành công, ngày 2.11.1963, các Tăng Ni, Phật tử bị bắt được phóng thích tất cả. Sự trở về của họ theo họ là một sự vinh quang.

Giai đoạn bùng khởi của Phật giáo là giai đoạn đánh dấu cho bước đường tham gia chánh trị của Phật giáo mà cũng là nguồn khởi của những phong trào nhân dân đối với nền móng chính trị miền Nam.

ĐOẠN II.- GIAI ĐOẠN PHẬT GIÁO ÁP ĐẢO CHÍNH QUYỀN (TỪ 12.1.1964 ĐẾN 11.6.1965).-

Điều chắc chắn cuộc đảo chính 1.1.1963 thành công là nhờ có sự can thiệp tích cực của người Mỹ, nhưng dưới mắt mọi người đều cho rằng chính sự tranh đấu Phật giáo đã có công - trong việc lật đổ này. Trạng thái tâm lý này bàn bạc trong đa số quân chúng ngay đến các nhà cầm quyền và đưa đến ý - nghĩ chung là Phật giáo là một lực lượng xã hội đáng kiên nể. Về phía Phật giáo, những nhà lãnh đạo sau khi được giải thoát - khỏi chế độ Ngô Đình Diệm họ nhận thấy Phật giáo có thể đi sâu vào đường chính trị, ảnh hưởng đến quyết định của chính quyền mà không có một chính phủ nào, một lực lượng nào dám ngăn cản Cuộc đảo chánh 1.11.1963 do đó trở thành một khúc quanh của lịch sử Phật giáo Việt Nam vì nó mở đường cho Sự tham gia - chính trị của Phật giáo ngày một sâu rộng và trở thành một đoàn thể áp lực mạnh mẽ chi phối được hành động của chính quyền.

Giai đoạn chi phối chính quyền có thể coi từ ngày Phật giáo tổ chức lại nội bộ đến ngày chính phủ Phan huy Quát một chính phủ có khuynh hướng thân Phật giáo từ chức.

I.- SỰ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC.-

Cuộc đảo chính 1.11.1963 tạo cho Phật giáo một thời cơ thuận nhất để kiến toàn tổ chức, đoàn ngũ hóa tín đồ vì sau ngày này với "Khí thế chiến thắng" tín đồ Phật giáo mong ước

có tổ chức chính thống kết hợp các phân tử, các tổ chức rời rạc có từ trước song song với việc tìm một thể đứng trong sinh hoạt quốc gia. Đó là lý do đưa đến sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất.

1.- Về phương diện pháp lý :

Việc làm trước tiên của Phật giáo là phải hủy bỏ Dự số 10 để tìm một căn bản Pháp lý cho Phật giáo. Sắc luật số 158 SL/CT ngày 14.5.1964 công nhận giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất cùng bản hiến chương được soạn thảo ngày 4.1.1964. Điều 5 của Sắc luật này hủy bỏ Dự số 10 và giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất có tư cách pháp nhân được quyền sở hữu, thủ đắc, tạo mãi hoặc chuyển nhượng những động sản cần thiết để đạt mục đích của giáo hội. Giáo hội cũng có quyền thu nhận và quản trị những tài sản sinh tặng hay di tặng bởi các thể nhân hay pháp nhân khác.

Đó là những bước chân pháp lý đầu tiên mà Phật giáo thu nhận được từ nhiều thế kỷ bị kềm hãm, đặt nền móng cho những hoạt động sau này của mình. Sắc luật này đã thực hiện được những hoài bão của các nhà lãnh đạo Phật giáo lantínđồ.

Ngày 12.1.1964, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất bầu Thượng Tọa Thích Tâm Châu làm Viện Trưởng Viện Hóa Đạo cũng là ngày bắt đầu những chính trị của Phật giáo.

2.- Về phương diện tổ chức :

Phật giáo Việt Nam chưa có một tổ chức bao quát cho cả toàn lãnh thổ. Những tổ chức Phật giáo trước đó chỉ là những tổ chức của từng địa phương, rời rạc, chưa có một đường lối hoạt động chung cho toàn thể tín đồ. Trải qua những kinh nghiệm tranh đấu các nhà sư lãnh đạo nhận thấy tổ chức cần thiết cho sức mạnh của Phật giáo và do đó thành lập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất là một nhu cầu. Sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất là do ý muốn của các nhà lãnh đạo chưa hẳn do ý muốn của tín đồ. Trên thực tế Phật giáo thành lập giáo hội đã giúp những lợi điểm sau cho hoạt động của Phật giáo.

- Gia tăng quyền hành của nhà lãnh đạo Phật giáo đối với tín đồ và uy lực đối với quần chúng.

- Kiểm soát chặt chẽ được tín đồ nên có thể thống nhất ý chí và hành động của tín đồ.

- Có một tổ chức để nối chuyện với các đoàn thể khác, các lực lượng khác.

- Giáo hội trở thành đối tượng đoàn kết của tất cả tín đồ.

- Dưới danh nghĩa một tập thể tín đồ Phật giáo toàn quốc, Phật giáo sẽ dễ hoạt động, tiếng nói của Phật giáo sẽ có tính cách chính thống hơn.

Nhưng Phật giáo không mạnh ở tổ chức như chương I của phần I đã phân tích. Những biến cố sẽ xảy đến để chứng minh điều này.

II.- NHỮNG SỰ CAN THIỆP CAO ĐỘ CỦA PHẬT GIÁO VÀO CHÍNH TRƯỞNG

Uy tín của các nhà sư lãnh đạo trong cuộc tranh đấu vừa qua mà nay đã trở thành những nhân vật có chức chương trong giáo hội cũng gia tăng nên đã lôi cuốn đa số dân chúng ủng hộ giáo hội. Thêm vào đó sự đoàn kết của tín đồ làm cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trở nên lớn mạnh. Với sự hiện diện của giáo hội tôn giáo lớn thì sự xâm nhập vào những hoạt động chính trị đương nhiên phải xảy ra nhất là khi những bối cảnh chính trị còn rối ren chưa ổn định và nhất là khi chính phủ cần dựa vào lực lượng tôn giáo để làm hậu thuẫn cho chính sách của mình.

1.- Bối cảnh chính trị.-

Phân tích cuộc đảo 1.1.1963 thì đó chỉ là một sự lật đổ một chính phủ chứ không phải là một sự thay đổi toàn diện khung cảnh chính trị Miền Nam như mọi người mơ ước. Nhưng đầu sao, chính phủ do Tướng Dương Văn Minh cầm đầu đảo chánh vẫn còn tính cách "chính nghĩa" đối với quần chúng. Ngày 30.1.64 một cuộc chỉnh lý các thành phần tham gia đảo chính được tổ chức tại Bộ Tổng Tham Mưu do Tướng Nguyễn Khánh cầm đầu. Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ra quyết định chấm dứt nhiệm vụ của Ban Chấp Hành Hội Đồng thành lập ngày 1.11.1963. Tướng Nguyễn Khánh ra tuyên cáo giải thích vụ biến cố như sau: "Từ ba tháng nay tình hình suy sụp về mọi mặt, chánh quyền tỏ ra bất

lực và phản cách mạng, một số người chạy theo thực dân và Công San, nên một lần nữa quân đội phải can thiệp". Nhiều tướng lãnh bị bắt giữ. Ngày 7.2.1964 Tướng Nguyễn Khánh nắm giữ quyền hành và thành lập chính phủ. Sự kiện này cho thấy sự hiện hữu của một chính phủ một mặt không dựa trên căn bản pháp lý có tính cách dân chủ là sự chuyển nhượng quyền hành bằng nguyên tắc đa số (bầu cử), một mặt không có tính cách chính đảng (légélimité) nghĩa là không đúng với nguyện vọng người dân. Người dân cảm thấy quyền lực chính trị là do một chumột sự sắp đặt trước hơn là căn cứ sự đóng góp của mọi công dân trong nước. Tình trạng này đưa đến hậu quả tạo một chính quyền suy yếu, bất lực trong việc phát triển chính trị.

Đối với công giáo, một lực lượng xã hội mạnh, cuộc đảo chánh được xưng tụng là Cách Mạng là một nguyên do làm sụp đổ những thế lực chính trị có từ hơn một thế kỷ nay và họ coi những chính phủ sau ngày này cũng là những động lực phân lại quyền lợi của họ. Các chính đảng sau một thời gian dài bị đàn áp đã bắt đầu phục sinh. Rất nhiều đảng ra đời nhưng không làm tròn vai trò của mình vì nhiều lý do : thiếu lãnh tụ, chủ thuyết đã lỗi thời, nội bộ bị phân hóa trầm trọng, không có hậu thuẫn của quần chúng.v.v... Trước tình trạng đó, với hệ thống một tổ chức giáo hội mới mẻ, với sự đoàn kết của tín đồ lúc ban đầu, với uy tín của hàng tăng phẩm sau ngày Cách Mạng, Phật giáo hiện nhiên trở thành một lực lượng quân chúng lớn đã ảnh hưởng đến guồng máy chính trị một cách rõ rệt.

2.- Phật giáo làm áp lực với nội các Nguyễn Khánh.-

Ngày 7.8.1964 tướng Nguyễn Khánh ban bố tình trạng khẩn trương trên toàn quốc (SL 215/SL/CT) và những biện pháp đặc biệt sẽ thi hành (SL 18/64), tái lập việc kiểm duyệt báo chí. Tham ý của Nguyễn Khánh là muốn có một chính quyền mạnh mẽ để điều hành bộ máy hành pháp một cách hữu hiệu. Ông đã họp Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ở Vũng Tàu ngày 16.8.64 ban hành một Hiến chương mới bầu Trung Tướng Nguyễn Khánh làm Chủ tịch Việt Nam Cộng Hòa. Theo Hiến chương này (Sau được gọi là Hiến chương Vũng Tàu), Chủ tịch lãnh quyền Quốc Trưởng với nhiều quyền đặc biệt, sẽ có một Quốc hội Lâm thời gồm 100 hội viên dân sự và 50 hội viên quân sự do Hội đồng Cách Mạng chỉ định, Hội đồng Cách Mạng vẫn là cơ quan tối cao (1). Tuy nhiên

nội dung của Hiến chương này chỉ là một qui chế pháp lý đưa đến độc tài và bị phản đối. Cuộc phản đối này nổi lên nhằm lúc Phật giáo toàn quốc tổ chức lễ kỷ niệm ngày Pháp nạn 20/8/1963 và Phật giáo đã thúc đẩy tín đồ làm áp lực với chính quyền.

Ngày 22.8.1964 Sinh viên Phật tử kéo khá đông tới Phủ Thủ Tướng đưa kiến nghị phản đối Hiến Chương 16.8.1964 và yêu cầu thành lập một chính phủ trong sạch, trẻ trung, các tướng lĩnh trở về vị trí quân sự cũ và tiêu diệt Đảng Cộng Sản, một đảng của chính phủ Ngô Đình Diệm. Sau đó Sinh Viên Học Sinh lại kéo tới Đài Phát Thanh Saigon đòi cải chính tin mà Đài đã loan đi, Sinh viên học sinh biểu tình đến Bộ Thông Tin - chất vấn Ông Tổng Trưởng, thứ trưởng đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí và loan tin chính xác.

Ngày 25.8.1964 Sinh viên học sinh và hàng ngàn thanh niên các giới cả ông già bà lão, biểu tình kỷ niệm Quách thị Trang trước chợ Bến Thành, rồi kéo tới Phủ Chủ Tịch đã đảo hiến chương Vũng Tàu, đã đảo độc tài. Số người tham dự mỗi lúc một đông và không chịu giải tán. Chủ Tịch Nguyễn Khánh phải phủ dụ và hứa hẹn xét lại vấn đề. Chính trong những cuộc biểu tình rầm rộ và vĩ đại này tại Saigon và các tỉnh miền Trung đã xảy ra những sự xung đột bạo động giữa công giáo và Phật giáo làm cho trật tự xã hội quá sức rối ren. Nhận thấy không đủ sức mạnh hậu thuẫn, tướng Nguyễn Khánh thu hồi Hiến Chương 16.8.1964 và ra tuyên cáo sẽ bầu vị Nguyên thủ Quốc gia và thực hiện cơ cấu dân chủ. Tình hình vẫn còn căng thẳng ngày 1.9.1964 các nhà lãnh đạo Phật giáo ra một tối hậu thư cho tướng Nguyễn Khánh, chánh quyền phải dứt khoát với nhóm người phá hoại thuộc chế độ cũ, nếu đến 27/10 mà nguyện vọng Phật giáo chưa đạt được, thì sẽ bãi thị, bãi khóa. Nhờ đó một hội đồng Quốc gia được thành lập với nhiệm vụ triệu tập Quốc dân đại hội thực hiện những cơ cấu quốc gia, làm cố vấn cho chính phủ cùng Ban Lãnh Đạo Lâm Thời. Hai Ông Tổng Trưởng của Phật giáo cũng từ chức để gia tăng sự khủng hoảng cho chính phủ.

Song song với Saigon, các địa phương nhất là ở Huế, Phật giáo thành lập một phong trào đấu tranh dưới hình thức nhân dân khởi nghĩa gọi là "Hội Đồng Nhân Dân cứu quốc" với

mục đích nới rộng tầm ảnh hưởng chính trị của mình trong quần chúng. Các bóng nhà sư trong Hội Đồng không còn nữa mà được thay thế bằng lớp thanh niên Phật tử. Phong trào phát độ ng chiến dịch Bài trừ đảng Cán Lao, trước tiên đòi Linh Mục Viện trưởng Đại học Huế từ chức để khỏi gây trở ngại cho sự tranh đấu. Hoạt động của họ càng ngày càng trở nên quá khích, từ ngày khoảng 18 đến 21/9/64, ở Huế, Qui Nhơn, Phan Thiết, Nha Trang... hàng ngàn thanh niên do Hội Đồng nhân dân cứu quốc kích động chiếm đài phát thanh, nhiều công sở, đồng thời lùng bắt đảng viên Cán Lao, nhiều cuộc xô xát đã xảy ra. Họ đã phát hành một loạt báo để tuyên truyền như tờ Lập Trường, Đứng Đầu Gió v.v... để kích thích sự hăng say của tuổi trẻ v ới phong trào. Nhưng sau gần một năm hoạt động, Phong trào lần lần bị xẹp xuống vì những hành động quá khích, tổ chức lỏng lẻo, mục đích tranh đấu quá hạn hẹp nên ít có sự hưởng ứng của quần chúng.

Tuy nhiên phong trào cũng đã gây khó khăn cho chính phủ là làm bất ổn cơ cấu hành chánh địa phương, làm xáo trộn sự điều hành giữa Trung Ương và Địa phương.

Giai đoạn này kéo dài khoảng gần 3 tháng với những cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng, chính quyền Trung Ương suy yếu vì uy lực của Chính phủ và bất lực của đoàn thể tôn giáo. Sự suy yếu này phát sinh từ nhiều lý do :

- Khủng hoảng lãnh đạo : nhà lãnh đạo không đủ tài đủ kiến thức để điều hành chính phủ và nhất là nhà lãnh đạo không có tính cách chính đáng để kết hợp toàn dân : Tướng Nguyễn Khánh không đại diện cho ai để lãnh đạo quốc gia như qua một cuộc bầu cử chẳng hạn.

- Khủng hoảng ở những định chế chính trị : các định chế chính trị không có nội dung để phát triển, không đủ khả năng để dung hợp các khuynh hướng cùng một lúc.

Tình trạng này kéo dài đến ngày 20.10.1964, Ban lãnh đạo LDQGQL chính thức trao quyền hành cho Tân Quốc Trưởng, Chánh phủ Nguyễn Khánh đề đơn từ chức, khung cảnh chính trị bước qua một giai đoạn mới và Phật giáo cũng can thiệp vào chính tình mới.

3.- Áp lực của Phật giáo đối với Nội Các Trần Văn Hương.

Ngày 24.10.1964 Thượng Hội Đồng Quốc Gia tuyển nhiệm Chủ tịch Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 30.10.1964 Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu với Ông Trần Văn Hương lập chính phủ. Và ngày 31.10.1964 Ông Trần Văn Hương được bổ nhiệm Thủ Tướng theo SL số 005/QT/SL. Ngày hôm sau Ông Trần Văn Hương phác họa chương trình sơ lược trước Thượng Hội Đồng Quốc Gia.

Đối với Nội Các Trần Văn Hương Phật Giáo nhận thấy Chính phủ này sẽ không thỏa mãn nguyện vọng của họ khi thành phần nội các không có một nhân vật nào của Phật giáo hay thân Phật giáo cả và khi Ông Trần Văn Hương có ý định không dựa vào hậu thuẫn Tôn giáo, khi chánh phủ chưa có những biện pháp thanh trừng các đảng viên là thành phần có thể đe dọa Phật giáo. Trong số các lý do trên còn lý do nữa mà có lẽ khó tìm thấy được trên thực tế là Ông Trần Văn Hương người miền Nam, còn nhà lãnh đạo Phật giáo cổ uy thế nhất đối với giáo hội là Thích Tâm Châu là người Miền Bắc, vốn có chính kiến khác hẳn nhau, người đầu tiên phản đối chính phủ và lôi kéo những nhà sư lãnh đạo khác của giáo hội cùng phản đối.

Ngày 4.11.1964 là ngày trình diện thành phần chính phủ Trần Văn Hương, Tổng Hội Sinh viên nhóm họp, tổ ý đề dặt về thành phần chính phủ nhưng mong chính phủ sẽ có chính sách cách mạng thật sự, vài ngày sau sinh viên lại nhóm họp, đã kích thành phần chính phủ, đòi xét lại toàn bộ vấn đề và chính đôn Thượng Hội Đồng vì lý do có nhiều phần tử chia rẽ. Sinh viên Saigon lại tiếp tục hội thảo sôi nổi, tuyên bố không thể chờ đợi, phải hành động mạnh, không chịu một chính phủ "già nua, chuyên viên lại bị nhóm tinh thần giạt dây". Sự phản đối càng ngày càng lan rộng, ngày 21.11.1964 biểu tình lớn ở nhiều nơi, ở Saigon với nhiều biểu ngữ đã kích Thủ Tướng Hương. Nhiều cuộc xô xát xảy ra giữa người biểu tình và cảnh sát. Nhiều trường Trung học của Phật giáo (Bồ Đề, Hồng Lạc...) bãi khóa, phản đối chính quyền bắt bớ những người biểu tình. Ngày 24.11.1964 Thượng Tọa Tâm Châu gửi thư lên Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và Thượng Hội Đồng yêu cầu có thái độ dứt khoát với chính phủ, chấm dứt bắt bớ, thả những người bị giam, ra lệnh không được đàn áp. Chính phủ Trần Văn Hương không chịu nhượng

bộ những yêu sách của Phật giáo đưa ra. Thủ Tướng Trần Văn Hương tuyên bố phải tái lập uy quyền quốc gia tách rời khỏi chính trị và Tôn giáo, đưa tôn giáo ra khỏi chính trị và không lùi bước trước một áp lực nào của Phật giáo.

Phật giáo vẫn tiếp tục làm áp lực bằng những hình thức sôi động hơn :

- Thanh niên Phật tử vẫn biểu tình, một mặt Thượng Tọa Tâm Châu kêu gọi Phật tử bình tĩnh, tránh xách động, một mặt nhà sư lãnh đạo Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, giáo chủ Phật Giáo Việt Nam, Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa Tâm Châu Thượng Tọa Hộ Giác và Thượng Tọa Thiên Hoa.

- Các cơ sở Phật giáo nhất là Viện Hóa Đạo được Phật tử canh phòng cẩn mật để đề phòng sự đột nhập phá hoại các trường học vẫn sôi động, nhiều đám thanh niên biểu tình đòi thả những sinh viên học sinh bị bắt.

- Ngày 29.11.1964 đám táng một học sinh Phật tử (Lê Văn Ngọc) bị chết trong vụ biểu tình ngày 25.11 rất đông thanh niên đi đưa, xô sát với Cảnh sát, nhân viên an ninh bắt giữ một số thanh niên và tuyên bố là có vũ khí chứa trong xe.

Viện Hóa Đạo ra thông cáo : tạm ngưng thuyết pháp tại Việt Nam Quốc Tự và bắt đầu các cuộc vận động tại các tỉnh. Thêm một số nhà sư lãnh đạo tuyệt thực, thêm 300 tăng ni tuyệt thực tại Nha Trang và tình trạng căng thẳng tại miền Trung, nhất là ở Huế, Đà Nẵng, Quảng Trị, một nữ Phật tử tự thiêu tại Nha Trang.

Tình hình chính trị không tiến triển được một chút nào. Tất cả những hình thức phản kháng trên đã gây những khó khăn cho chính phủ Trần Văn Hương trong việc giải quyết vấn đề nội bộ mặc dầu Ông Trần Văn Hương tuyên bố dẹp yên sự phản đối của Phật tử bằng nhiều biện pháp mạnh, hiệu triệu quốc dân, kêu gọi mọi người lãnh trách nhiệm đối với tình thế, tránh các vụ xách động, lên án "lũ lưu manh cạo đầu rồi mặc sắc phục tăng ni" và "những trò khỉ của chúng" (1) mặc dầu Ông Trần Văn Hương đã cải tổ chính phủ vào ngày 18.1.1964 để thêm bốn tướng lãnh tham gia nội các.

(1) Đoàn Thêm - Việc từng ngày 1965 - Trang 20 - Tủ sách Nam chí - 1968.

Sự kiện đó đưa đến sụp đổ Nội các Trần Văn Hương Ngày 27.1.1965 Hội Đồng Quân Lực tuyên cáo : Quân Đội trả quyền từ 27.10.1964 cho chính quyền dân sự nhưng tình thế mỗi ngày một rối ren. Nên sau ba ngày thảo luận, Hội Đồng quyết định Quân Lực VNCH lại phải đứng ra "nhận trách nhiệm trước lịch sử". Hội Đồng Quân Lực lại ủy nhiệm tướng Nguyễn Khánh giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị hiện tại, triệu tập ngay Hội đồng Quân dân gồm 20 đại diện các tôn giáo, nhân sĩ, quân lực chính quyền tương lai phát triệu tập Quốc dân Đại hội. Nội các Trần Văn Hương chấm dứt nhiệm vụ.

Sự gây áp lực của Phật giáo đối với chính quyền lần này có thể tạm mang lại thắng lợi, nhưng Phật giáo lại phải chịu hai hậu quả bất lợi :

- Vì chính kiến khác nhau, sự đụng độ với ông Trần Văn Hương đã gây chia rẽ với tín đồ Phật giáo miền Nam làm mất niềm tin vào Phật giáo sau này.

- Sau những cuộc biểu tình liên tiếp, những cuộc tuyệt thực liên tiếp, những cuộc bạo động liên tiếp, những xáo trộn liên tiếp đã làm chán nản tâm lý quần chúng. Những hình thức xáo trộn này ít hấp dẫn đối với họ nên họ ít hưởng ứng vào những phong trào vận động quần chúng.

- Quần chúng bắt đầu nghi ngờ khả năng lãnh đạo và ý định chính trị của các nhà sư.

4.- Phật giáo ủng hộ chính phủ Phan Huy Quát.

Theo tuyên cáo số 4 ngày 16.2.1965, Hội Đồng Quân lực lãnh trọng trách tuyển nhiệm Quốc trưởng và chỉ định Thủ tướng. Thủ ủy nhiệm Hội đồng Quân lực, Đại Tướng Nguyễn Khánh ký quyết định tuyển nhiệm ông Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng và bổ nhiệm Ông Phan Huy Quát làm thủ tướng và thành lập nội các (Quyết định số 5/HDQL).

Đối với chính phủ này, Phật giáo ủng hộ vì :

• Lý do thứ nhất :

- Đường lối của nội các cũng chủ trương theo đúng nguyện vọng của Phật giáo.

- Thành phần của Nội các có nhiều nhân vật tương đối ôn hòa và không có quá khứ dính dáng với chế độ cũ (Chính phủ Phan Huy Quát đã gián tiếp loại bỏ đảng viên Cần Lao trong chính phủ. Trong suốt thời kỳ tại chức, ông đã cho kiểm kê tài sản gia đình họ Ngô bán đấu giá và quyết định chia 160 triệu tích thu của họ Ngô cho đồng bào nghèo ngày 9.3.1965. (1) Một ủy ban Liên bộ xét phông thích tất cả những người đã bị bắt giữ vì đã biểu tình mà phần lớn là tín đồ Phật giáo. (ngày 24.2.1965).

• Lý do thứ hai : đó là một chiến thuật của Phật giáo. Trong thời gian đảng viên cần lao không hoạt động được nữa, sau nhiều lần gây xáo trộn Phật giáo muốn có một thời gian quay lại với tổ chức nội bộ. Trong thời gian này Phật giáo đã áp dụng nhiều hình thức ủng hộ chính phủ đi từ tiêu cực đến tích cực.

- Hình thức tiêu cực : Phật giáo không sử dụng những phương tiện nào của mình để phản đối chính phủ. Ngày 19.2.65 một biến cố xảy ra là Đại tá Phạm Ngọc Thảo đem quân đội về Saigon để đảo chính chống lại Hội Đồng Quân Lực lật đổ chính phủ nhưng việc bất thành. Các tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Lực tái chiếm lại Saigon, lực lượng Học sinh, sinh viên tranh đấu Huế lên án hành động nội loạn này, Thượng tọa Thích Tâm Châu cũng lên tiếng trên Đài Phát Thanh Nha Trang kêu gọi Phật tử ủng hộ Hội Đồng Quân Lực tức gián tiếp ủng hộ chính phủ. Chính phủ nhờ có sự hậu thuẫn của Phật giáo có thể ổn định được trật tự xã hội và phát triển lại hệ thống διοingọi đã bị xáo lằng từ ngày 1.11.1963, bày tỏ quan điểm rõ ràng trên quốc tế.

- Hình thức tích cực : Không những không phản đối sự điều hành của chính phủ, Phật giáo còn tham gia chính trị tr trong trường hợp điển hình là Phật giáo thúc đẩy cơ cấu tổ chức chính trị tại Miền Nam bằng cuộc bầu cử Hội Đồng Tỉnh, Thị Xã, Đô Thành ngày 30.5.1965. Giáo Hội Phật Giáo VNTR ra chỉ thị cho các tỉnh hội vận động tín đồ bỏ phiếu cho ứng cử (1) Đoàn Thêm - Sách đã dẫn - Trang 46

viên của họ và thành công rực rỡ tại miền Trung.

Nói tóm lại trong khi cầm quyền, chính phủ Phan Huy Quát không gặp nhiều trở lực do Phật giáo gây nên như với các chính phủ khác trước đây và ngược lại chính phủ Phan Huy Quát đã cố gắng điều hành guồng máy chính quyền theo đúng ý nguyện của Phật giáo. Trong thời gian này, Phật giáo đã đóng một vai trò của một đoàn thể áp lực theo đúng nghĩa của nó.

Cuối tháng 5/1965, một cuộc khủng hoảng chính trị xảy ra vì có sự bất đồng ý kiến giữa Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ tướng Phan Huy Quát về vấn đề bổ nhiệm hai chức vụ Bộ trưởng. Lực lượng công giáo nhân vụ này liền đứng dậy phản đối, khởi đầu là ngày 27.5.1965, một phái đoàn đại diện Lực lượng Công Giáo Đại Đoàn Kết do Linh mục Hoàng Quỳnh hướng dẫn yết kiến Quốc Trưởng cùng Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp, đưa kiến nghị bất tín nhiệm Thủ Tướng Phan Huy Quát và yêu cầu chỉ định Thủ Tướng khác. Các Lực lượng Công giáo lôi kéo thêm nhiều lực lượng khác nữa cùng đứng lên làm áp lực đối với chính phủ và buộc chính phủ này phải từ chức. Thủ Tướng Phan Huy Quát sau nhiều ngày thảo luận với Hội Đồng Tướng Lãnh và Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu nhưng không đem lại một kết quả nào cho cuộc khủng hoảng. Ngày 9.6.1965, TT Phan Huy Quát họp báo giải thích về cuộc khủng hoảng và yêu cầu các tướng lãnh đứng ra giữ một vai trò trung gian, giữ thế quân bình cho tới khi có một chính quyền dân cử. Ngày 11.6, Tướng Nguyễn Văn Thiệu trong Hội Đồng Quân Nhân đã tuyên bố : cuộc khủng hoảng không do lỗi của chính phủ nhưng do sự thiếu sót của Hiến Chương : 20.10.1964 Quốc Trưởng, Thủ Tướng và Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp tuyên bố rằng những cơ cấu và thể chế Quốc gia hiện tại không còn phù hợp với tình thế nên giao trả Quân đội trách nhiệm và quyền lãnh đạo Quốc gia mà Hội Đồng Quân Lực đã ủy thác trước đây. Quân lực VNCH chấp nhận sự từ chức của các ông Phan Khắc Sửu và Phan Huy Quát và cử hai người xử lý thường vụ.

Sau sự lật đổ nội các Phan Huy Quát, Phật giáo nhận thấy họ đã đứng trước uy thế chính trị khác mạnh mẽ về phương diện tổ chức và thế lực đó là Công giáo.

ĐOẠN III : SỰ THẤT BẠI CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC ĐÒI HỎI MỘT CHÍNH PHỦ DÂN CỬ (TỪ 19.6.1965 ĐẾN 11.9.1966).

Giai đoạn này bắt đầu từ sự thành lập 'Nội các Chiến tranh' 19.6.1965 đến ngày bầu cử Quốc Hội Lập Hiến 11.9.1966 Phật giáo đã đòi hỏi thành lập chính phủ với những cơ cấu dân chủ bằng cách xử dụng những hình thức phản kháng mới lạ và quyết liệt đối với chính phủ.

I. - NGUYÊN NHÂN SỰ PHẢN ĐỐI CHÍNH PHỦ. -

Ngày 19.6.1965 tại Hội Trường Diên Hồng, một lễ trình diện diễn ra của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia do Tướng Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch. Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương tức Nội các chiến tranh do tướng Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch. Tự nhận là Nội các chiến tranh, chính phủ Nguyễn Cao Kỳ muốn hành xử những biện pháp, những đặc quyền của thời chiến để đối phó trước tình trạng chiến tranh đang lan rộng tại Việt Nam. Bối cảnh chính trị do đó bước qua một giai đoạn mới, chính quyền cố gắng tìm kiếm cho mình một quyền hành pháp vững mạnh để thay đổi sự điều hành trong tình trạng mới.

Tình trạng mới này bắt nguồn từ sự leo thang chiến tranh Hoa Kỳ đã gia tăng mọi tiềm lực chiến tranh tại Việt Nam : đó bộ quân sang Việt Nam, xây cất những căn cứ quân sự không lồ, can thiệp trực tiếp bằng võ lực thay vì qua trung gian giới Cố vấn hơn xưa. Các quốc gia ở Á Châu và Phi Châu cũng gửi quân sang trợ giúp Miền Nam. Ngoài ra Hoa Kỳ còn mở rộng chiến tranh ra Bắc Việt : Dội bom tấn công Bắc Việt bằng phi cơ. Và như thế cuộc chiến tại Việt Nam càng leo thang thì sự can thiệp của người Hoa Kỳ vào Việt Nam tất nhiên càng mạnh mẽ. Sự chuyển quân ở ạt đến Việt Nam của Hoa Kỳ đã làm thay đổi trật tự xã hội, văn hóa và kinh tế của người dân Việt Nam. Sự can thiệp càng mạnh mẽ thì chủ quyền quốc gia càng mất dần. Chính phủ muốn còn đứng vững phải dựa vào thế lực của người Hoa Kỳ hơn là quần chúng. Tâm trạng của quần chúng khi đó cũng hoang mang, đang băn rộn đến ảnh hưởng của sự đời thay vào đời sống hàng ngày nên cũng phó mặc quyền hành chính trị cho Chính phủ. Trong khi đó viễn ảnh của cuộc chiến càng như không có ngày chấm dứt, chính phủ muốn lôi kéo quần chúng

vào cuộc chiến theo quan điểm của mình. Nền kinh tế bị suy sụp trầm trọng, nạn lạm phát đang đè nặng cơ cấu xã hội.

Trước tình trạng đó Phật giáo cũng chịu những thiệt-thòi Phật giáo mất gần hết những quyền lực chỉ phối chính trị. Phe thân Phật giáo không đủ mạnh để can thiệp chính phủ, các tướng lãnh được Phật giáo ủng hộ cũng lần lượt bị hạ bệ. (Trường hợp tướng Dương Văn Minh chẳng hạn).

Sự ràng buộc vào những thế lực ngoại quốc càng nhận thấy rõ rệt hơn khi hai tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ đi dự hội nghị Honolulu trở về. Hai quan điểm của Phật giáo và Chính phủ rất khác biệt nhau: một đảng muốn chấm dứt bằng giải pháp thương thuyết, một đảng muốn chấm dứt bằng giải pháp quân sự. Do đó Phật giáo muốn lật đổ chính phủ để thay thế một chính phủ khác theo quan điểm của mình.

II.- DIỄN TIẾN CUỘC TRANH ĐẤU.-

Ngày 13.2.1966 Hội đồng tướng lãnh gồm cả các Tướng chỉ huy địa phương nhóm họp tại Bộ Tổng Tham Mưu biểu quyết cho tướng Nguyễn Chánh Thi nghỉ việc. Tướng Nguyễn Chánh Thi đang là Tư lệnh VI CT kiêm Đại biểu Chính phủ, được Phật giáo ủng hộ nên có thế lực ở vùng này. Thâm ý của các Tướng lãnh là muốn truất phế Tướng Thi để diệt trừ nạn 'sứ quân' và chặt bớt vây cánh của Phật giáo. Phật giáo phản kháng chính phủ lại tức khắc. Viện Hóa Đạo họp báo xác định lập trường trước tình thế: 'Các tướng nào có công với cách mạng dù ở trong nước hay ở ngoài nước phải được trở lại quân đội. Các Tướng lãnh nên trở về cương vị quân sự. Phật giáo đòi hỏi lập một chính phủ đoàn kết (có nghĩa là thân Phật giáo) phải là một chính phủ dân sự với một Quốc Hội dân cử.

Một tuần sau khi tuyên bố, Phật giáo phát động phong trào chống chính phủ, mở đầu ở Thủ đô Saigon và các tỉnh miền Trung. Nhận thấy Hoa Kỳ có ảnh hưởng mạnh với chính phủ và cho rằng Hoa Kỳ là nguyên nhân mọi sự thay đổi xã hội nên P. Giáo xem Hoa Kỳ như là mục tiêu chính để đá kích song song với chính phủ.

Lần này, miền Trung đã trở thành trọng tâm của cuộc tranh đấu có tầm quan trọng như ở Saigon vì ở đây thành phần tín đồ rất trung thành với Giáo hội Phật giáo và cũng là nơi người Mỹ tập trung nhiều tiềm lực quân sự (như Đà Nẵng chẳng hạn).

1.- Tại Saigon.

Mở đầu là các trường Trung học Phật giáo (Bồ Đề, Hồng Lạc) bãi khóa, căng biểu ngữ chống chính phủ. Ngày 26.3.1966 Thượng tọa Tâm Châu kêu gọi Phật tử bình tĩnh chờ đợi chính quyền giữ lời hứa thỏa mãn bốn nguyện vọng, tuy nhiên 200 Phật tử biểu tình từ viện Hóa Đạo tới công trường Diên Hồng trưng biểu ngữ chống chính phủ. Những cuộc biểu tình khác của Phật tử cũng được chuẩn bị để phản kháng chính phủ và có cơ lan rộng đến mọi thành phần khác của tín đồ như quân nhân và công chức. Để đề phòng sự lớn mạnh của phong trào, ngày 30.3.1966 UBLĐQG họp phiên bất thường quyết định triệu tập Ủy Ban Thảo Hiến và cấm quân nhân công chức không được tham dự cuộc biểu tình gây rối. Tướng Kỳ cũng tuyên bố với phóng viên ngoại quốc sẽ phải dùng biện pháp cứng rắn nếu cuộc lộn xộn cứ lan tràn. Tầm sĩ quan tham dự cuộc biểu tình đã bị thuyên chuyển.

Tuy nhiên những cuộc biểu tình vẫn cứ tiếp diễn. Ngày 31.3.1966 là ngày Lễ Hùng Vương, vài ngàn Phật tử biểu tình trước chợ Bến Thành, họ trưng nhiều biểu ngữ chống chính phủ và Hoa Kỳ với nhiều biểu ngữ bằng tiếng Việt và Anh (như Down with US obstruction, Thực hiện gấp rút Quốc Hội Lập Hiến...) Hình nộm các tướng Thiệu, Kỳ, Cơ bị treo lên pháp trường cất trước chợ. Tại Viện Hóa Đạo, các nhà sư lãnh đạo tổ chức liên miên những buổi thuyết pháp để nói chuyện với Phật tử, sau những buổi thuyết pháp, thường có những nhóm Phật tử xuống đường biểu tình. Đêm 1.4.1966, sau buổi thuyết pháp của Đại Đức Hộ Giáo vài trăm người kéo tới biểu tình trước phủ Chủ tịch UBHPTƯ và đã phát thanh nhưng bị ngăn chặn và giải tán bằng lưu đạn cay. Ngày 3.4.1966, Đại hội quân lực nhóm họp tại Bộ Tổng Tham Mưu quyết nghị triệu tập một Đại hội Quốc dân để soạn thảo Hiến Pháp và giao Hành pháp ổn định tình thế. Sau đó UBLĐQG và UBHPTƯ họp báo. Tướng Kỳ duyệt lại tình hình xác trồn trong tuần qua và nói là sẽ cương quyết chấm-

dứt các vụ xáo động. Tướng Kỳ còn giải thích sự có mặt của Hoa Kỳ và bên vực sự có mặt của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Như thế hai quan điểm trên còn có sự khác biệt, hai bên chính phủ và Phật giáo vẫn giằng co nhau trong một tình thế rất căng thẳng.

Cuộc tranh đấu của Phật giáo dần dần bước sang giai đoạn vì tinh thần quá khích của Phật tử và sự gay go của tình thế. Phật tử kéo đến đập phá và đốt cháy những tòa báo thân chính quyền (tờ báo Sống), họ vẫn tiếp tục biểu tình nhiều lần đốt xe hơi của người Hoa Kỳ, xông vào phá nhà của Mỹ Kiều ở gần Viện Hóa Đạo, xung đột với các lực lượng an ninh của chính phủ v.v... Thượng tọa Tâm Châu phải lên tiếng kêu gọi Phật tử nên tranh đấu ôn hòa nhưng vẫn không ngăn chặn được Phật tử bạo động. Ngày 8.4.1966 Phật giáo thành lập Ủy Ban Tranh đấu chống chính phủ. Thượng Tọa Thiện Minh tuyên bố : Các tướng lãnh nhất là tướng Nguyễn văn Thiệu, không giữ lời cam kết nên Phật giáo phải chống đến cùng dù phải đổ máu. Ngày 13.4.1966 Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ gửi thư cho Thượng Tọa Tâm Châu xác nhận thể theo nguyện vọng Phật giáo : không giam giữ những người tham gia đấu tranh và rút các tiểu đoàn gửi ra Đà Nẵng. Ngày 14.4.1966 tướng Thiệu và Kỳ tuyên đọc Sắc lệnh 14/1966 quyết định bầu cử Quốc Hội Lập Hiến trong thời hạn từ 5 đến 3 tháng theo lối phổ thông đầu phiếu, với nhiệm vụ soạn thảo và biểu quyết Hiến Pháp VNCH. Ngay chiều hôm đó, Phật tử biểu tình rất đông, nhưng có trật tự, yên lặng và không có những khẩu hiệu đã kích nữa vì họ cho rằng các nguyện vọng đã được thỏa mãn.

Trong thời gian này, lực lượng công giáo tại Việt Nam không tán thành quan điểm của Phật giáo, họ tổ chức nhiều cuộc biểu tình để gián tiếp phản đối các vụ xáo động do Phật tử gây ra và đồng thời cảm ơn Quân đội Đồng minh tại Việt Nam trách chính phủ nhu nhược không dám ổn định tình hình.

Tình thế tạm lắng dịu một thời gian vì các nhà lãnh đạo Phật giáo kêu gọi Phật tử bình tĩnh để chờ đợi chính phủ giữ lời hứa. Nhưng đến ngày 7.5.1966, Tướng Kỳ tuyên bố với nhà báo tại Bình Thủy nhân dịp khánh thành sân bay : Chính phủ có thể dùng lại một năm nữa dù có Quốc hội Lập hiến vì

phải một năm nữa mới bầu xong Quốc hội Lập Pháp. Sau khi T. Tướng Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố ở lại một năm, Phật tử lại hội thảo để định thái độ, nhiều biểu ngữ chống chính phủ và Hoa-Kỳ lại xuất hiện. GHPG lại ra thông cáo trách chính phủ bội ước, đồng thời xác nhận không tin tưởng ở các tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ, ủng hộ cuộc tranh đấu Miền Trung và kêu gọi Tăng ni Phật tử sẵn sàng tranh đấu. Các cuộc phản kháng lại bùng nổ dữ dội với nhiều hình thức bạo động hơn trước, nhiều cuộc biểu tình luân phiên của Phật tử và nhiều cuộc xung đột dữ dội với cảnh sát chính phủ. Nhiều cuộc tụ tập và tuyệt thực của Tăng ni Phật tử tổ chức trên khắp nhiều tỉnh. Trong nội bộ Phật giáo, nhiều cuộc tranh chấp đã xảy ra giữa những nhà lãnh đạo, phần lớn Phật tử Tăng ni chống lại Thích Tâm Châu vì ông này cố ý ngăn cản những phong trào chống chính phủ. Các cuộc biểu tình mỗi ngày một gia tăng nhưng bị chính phủ đàn áp và tìm biện pháp làm tiêu hao lực lượng Phật giáo và làm xẹp lặn.

Ngày 1.6.66, Thượng tọa Thiện Minh - lúc này đã trở thành lãnh đạo thành phần Thanh niên Phật tử tranh đấu - bị ám sát hụt và bị thương nặng. Biến cố này cũng làm cho Phật tử thêm phấn uất và biểu tình dữ dội nhưng đồng thời cũng làm cho phong trào Phật giáo bớt mạnh và bắt đầu suy yếu.

2.- Tại các tỉnh miền Trung. -

Trong cuộc vận động này Phật tử miền Trung hoạt động tích cực nhất và rất đông đảo, vì 2 lý do : miền Trung thành phần tín đồ Phật giáo thuần nhất và rất trung thành với giáo Hội, đặc biệt với nhà sư lãnh đạo Thích Trí Quang. Vị này đã có uy tín và một tầm ảnh hưởng rất sâu rộng đối với tín đồ. Lần này không đứng vào bóng tối như những lần trước, chính đích thân ông đã tham gia công khai và kêu gọi Phật tử tham gia, nên hầu hết Phật tử tin theo và đáp ứng lời kêu gọi của ông. Thêm vào đó mục tiêu tranh đấu phù hợp bản tính người dân miền Trung đã có sẵn 'một truyền thống tranh đấu' với những đặc tính bảo thủ bài ngoại.

Ngày 23.3.1966 tại Huế, Đà Nẵng và nhiều tỉnh miền Trung đã xảy ra liên tiếp nhiều vụ đình công, bãi thị và bãi

Mỹ. Nhiều tru sở ở Huế đã đóng cửa để tránh vụ phá phách Hàng Vạn thanh niên và sinh viên biểu tình ở Huế.

Đặc biệt trong kỳ này, Phật tử miền Trung chỉ chịu tin theo lời của Thượng Tọa Trí Quang nên mặc dầu có lời kêu gọi sự bình tĩnh của Thượng tọa Tâm Châu ngày 27.3.1966 có t trên 20.000 Phật tử biểu tình tuần hành ở Huế. Ở Đà Nẵng Phật tử cũng đã trương nhiều biểu ngữ chống Hoa Kỳ. Nhưng cuộc biểu tình tuần hành tại hai tỉnh này xảy ra liên miên trong hai tuần lễ đầu với nhiều khẩu hiệu 'Nước Việt Nam của người Việt Nam', 'Người Mỹ gây rối cho nhân dân Việt Nam'... Phật tử đã phát động chiến dịch tuyên truyền một cách rầm rộ, một hệ thống tổ chức khá hữu hiệu. Họ đã lôi kéo được các cấp quân nhân, công chức biểu tình mà theo luật pháp những hạng người này cấm không được biểu tình và đình công. Phong trào lại lan rộng ra các tỉnh ở Cao nguyên và miền Trung phần (Nha Trang, Ban mê Thuột, Dalat, Tam Kỳ, Qui Nhơn, Tuy Hòa) nhưng mạnh nhất vẫn ở Đà Nẵng và Huế.

Ngày 4.4.1966 chính phủ gửi nhiều đơn vị nhảy dù đến Đà Nẵng và đổ bộ xuống phi trường Đà Nẵng, Hoa Kỳ đi tản nh nhưng cơ quan dân tộc nằm trong thị xã. Thị trưởng Đà Nẵng cũng theo phe Phật giáo và bị chính phủ cách chức. Cả hai thành phố Huế và Đà Nẵng báo động và Phật tử tổ chức những lực lượng mệnh danh là lực lượng tranh thủ Cách Mạng'. Nhiều sinh viên Huế được Sư Đoàn I Bộ Binh huấn luyện tập bắn để phòng thủ Huế chống quân đội chính phủ.

Ngày 9.4.1966 Trung Tướng Tôn Thất Đính, một tướng lãnh được Phật giáo ủng hộ được cử ra làm Tư lệnh vùng I và Đại biểu chính phủ tại Huế.

Cuộc tranh đấu của Phật tử càng ngày càng trở nên quá khích hơn, sau ngày Tướng Thiệu đọc Sắc luật tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, nhóm 'lực lượng tranh thủ cách mạng' tại Huế vẫn biểu tình đòi UBLĐQG cùng chính phủ Nguyễn Cao Kỳ rút hư để lập ngay một chính quyền dân sự.

Một sự kiện xảy ra thêm cho Phật tử miền Trung là ngày 17.4.1966 Thượng tọa Trí Quang bay ra Huế kêu gọi đình

chỉ cuộc tranh đấu ở Huế và Đà Nẵng đòi chính quyền giữ lời hứa. Tình hình Huế, Đà Nẵng, Dalat diu bớt, chợ và nhiều trường học mở cửa lại. Trung Tướng Tôn Thất Đính cũng tuyên bố trong cuộc họp báo tại Đà Nẵng là tình hình Huế và Đà Nẵng đã trở lại bình thường nhưng trong khi đó ở Dalat vẫn xảy ra những cuộc biểu tình và tuyệt thực.

Sau lời tuyên bố của Tướng Kỳ là sẽ ở lại một năm, tình hình ở miền Trung nhất là Huế và Đà Nẵng lại sôi sục trở lại. Tuy nhiên, chính phủ đã dùng những biện pháp mạnh, Trung tướng Thiệu tuyên bố cử quân tái lập an ninh tại Đà Nẵng. Tướng Kỳ cho rằng thành phố Đà Nẵng coi như bị địch quân chiếm và quân đội sẽ giải phóng. Ngày 15.5.1966, năm Tiểu-Đoàn Thủy Quân Lục Chiến được tải bằng phi cơ ra Đà Nẵng chiếm lại Đài Phát Thanh làm chủ tỉnh thế sau những cuộc nổ súng giữa Quân Đội và Lực lượng tranh thủ Cách Mạng. (Thiếu tướng Huỳnh văn Cao được cử thay Tướng Đính). Ngày 16.5.1966 Thủy Quân Lục Chiến vây chùa Phổ Đà, một cơ sở chỉ huy của Phật Tử tại Đà Nẵng. Ngày 22.5 hai bên nổ súng. Khoảng 1000 binh sĩ bỏ phe ly khai về với chính phủ. Ngày 23.5, nhóm Phật tử nổi dậy ở chùa Tỉnh hội bùng nổ súng. Chính phủ tái chiếm thành phố Đà Nẵng. Thị Trưởng Đà Nẵng bị bắt đưa về Saigon.

Quân đội của chính phủ lại tiến ra Huế. Thượng Tọa Trí Quang phản đối chính phủ. Phật tử Huế lại vây tòa Lãnh sự Mỹ ở Huế, đốt phòng Thông tin Hoa Kỳ và đe dọa đập phá những cơ sở Mỹ vì cho rằng Mỹ đã giúp chính phủ đem quân ra Trung. Ngày 25.6.66, Tướng Hoàng Xuân Lãm sau khi đã thay thế Tướng Huỳnh văn Cao họp báo cho biết đã tái lập an ninh tại Huế.

Ngày 6.6. Thượng Tọa Trí Quang vẫn phát động phong trào chống chánh phủ và kêu gọi Phật tử đem bàn thờ Phật bày ra đường để chán lối đi ở Huế. Đây là một hình thức tranh đấu mới và tác bạo của Phật giáo nó có tác dụng tâm lý vừa có lợi vừa có hại cho Phật giáo. Có lợi vì đã kích thích tâm lý quần chúng, có hại vì đã làm mất hết tính cách tôn nghiêm của Phật giáo. Hình thức này vẫn còn được Phật tử tổ chức nhiều tại Saigon, Đà Nẵng, Dalat v.v... Quân đội chính phủ không chịu mang bàn thờ đặt lên lề đường. Chính phủ phải đưa Cảnh Sát

Dã Chiến ở Saigon ra dẹp do Đại Tá Nguyễn Ngọc Loan đích thân chỉ huy. Quân đội của chính phủ dần dần chiếm lại thành phố, 4 Tiểu đoàn nhảy dù và TQLC kiểm soát Huế và dẹp biểu tình. Thượng Tọa Trí Quang phản đối bằng cách tuyệt thực. Ngày 21. 6.1966 Thượng Tọa Trí Quang được Quân đội bắt đưa vào Saigon

Nói tóm lại, cuộc nổi dậy của Phật tử tại miền Trung chống chính phủ năm 1966 gây rất nhiều xáo trộn cho sinh hoạt Quốc gia. Chính phủ dẹp yên một cách khó khăn và đã thiệt hại rất nhiều nếu so sánh với một phong trào vận động thường.

Riêng đối với Phật giáo, cuộc vận động lần này có thể xem như một thất bại, thất bại vì cuộc vận động của Phật giáo đã không đạt theo ý nguyện của mình. Những yêu sách, đòi hỏi của Phật giáo về việc thiết lập Quốc hội và chính phủ dân cử đã được thực hiện nhưng Phật giáo không lật đổ được chính phủ Nguyễn Cao Kỳ UBHPTU, những cơ chế chính trị không cải cách theo quan niệm của Phật giáo. Ngược lại, điểm tai hại nhất - cho Phật giáo là vì cuộc tranh đấu của tín đồ Phật giáo gần như tan rã, chính phủ đã làm suy yếu sức mạnh độc tôn của Phật giáo vì thế Phật giáo đã mất vị trí ưu thế chính trị của mình. Một hậu quả nguy hiểm cho tương lai Phật giáo là chính phủ đã tìm cách phân hóa Phật giáo, lôi kéo nhà sư lãnh đạo Phật giáo mấy năm qua về phía chính phủ để làm một đối lực chi phối Phật giáo Việt Nam.

III. - NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ THẤT BẠI. -

Sự thất bại của Phật giáo bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan :

1. - Lý do chủ quan : Phân tích trên phương diện cơ chế của tổ chức, Phật giáo đã gặp những khuyết điểm lớn ngay trong nội bộ của tổ chức mình. Khó đứng vững trước sự tấn công của một lực lượng khác mạnh hơn. Những khuyết điểm này là do tiến trình thành hình, vấn đề nhân sự, cơ chế lỏng lẻo của tổ chức :

* Tính cách giai đoạn : Một tổ chức muốn lớn mạnh thường cần có thời gian để phát triển. Thời gian rất quan -

trọng vì nó giúp cho quần chúng tin tưởng ở chính sách, đường lối của tổ chức, và ngược lại, thời gian cũng làm cho tổ chức có thể thu hút. Thuyết phục quần chúng. Phật giáo đã thiếu yếu tố quan trọng này. Sau 1963, Phật giáo không có đủ thì giờ đi sâu vào quần chúng, giải thích và thuyết phục quần chúng trong đường hướng của mình. Mọi hoạt động của Phật giáo đều có tính cách đột giai đoạn, vượt qua những cảm nghĩ của quần chúng. Thật ra, Phật giáo sau ngày 1.11.1963 nên phát triển mạnh về hai lãnh vực văn hóa và xã hội rồi sau đó mới bước sang lãnh vực chính trị với sự can thiệp có tính cách khuyến cáo hơn là tham gia trực tiếp. Người ta luôn luôn nhìn đạo Phật qua khía cạnh 'xuất thế', mấy ai ngờ Đạo Phật lại có thể 'nhập thế' sâu rộng. Vì thế, mặc dầu mục tiêu tranh đấu của Phật giáo đòi bầu cử Quốc Hội và chính phủ dân cử là một mục tiêu chính đáng và cần thiết cho việc xây dựng dân-chủ, sự tham gia chính trị lần này của Phật giáo làm cho người ta kinh ngạc và đâm ra nghi ngờ tham vọng chính trị của các nhà sư lãnh đạo.

* Thiếu cán bộ, thiếu phương tiện : đó là hậu quả tất yếu của sự đột giai đoạn đồng thời cũng là một khuyết điểm - rất lớn. GHPG là một tổ chức quá mới nên không có sự huấn-luyện cán bộ để thi hành đường lối của mình. Phật giáo thường dựa vào lực lượng thanh niên Phật tử mà thành phần này tham gia phong trào với tinh thần hăng say hơn là với một tổ chức chặt chẽ, hành động theo một kế hoạch nhất định.

Đối với phong trào vận động Phật giáo thiếu cán bộ trong việc tuyên truyền, vận động dư luận quần chúng rồi thuyết phục quần chúng. Ngoài ra Phật giáo cũng không đủ cán bộ tổ chức chặt chẽ những nhóm người tranh đấu theo một kỷ-luật nhất định, phối hợp các hoạt động theo một mục tiêu chung. Trong phong trào vừa qua người ta nhận thấy thành phần Phật tử tham gia tuy đông đảo nhưng ô hợp và rời rạc, bị thúc đẩy bởi sự kích thích tâm lý (tự ái dân tộc đối với người ngoại quốc) nên tín đồ không kiểm soát chặt chẽ được những hành động đó - Hàng ngũ dễ bị phân tán do đó những kẻ đã lợi dụng phong trào làm sai lệch mục tiêu tranh đấu, khiến tín đồ trở nên nghi ngờ lẫn nhau.

* Tổ chức lỏng lẻo : Đó cũng là hậu quả thứ hai của sự đứt giai đoạn. Nói chung những cơ cấu tổ chức của Phật giáo từ Trung Ương đến địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ, nên chưa điều khiển hữu hiệu tín đồ. Tổ chức của Phật giáo theo hệ thống Giáo hội thường có tính cách hình thức trên những văn kiện hành chánh. Trên thực tế, Phật giáo chỉ trông cậy vào những tổ chức có sẵn theo tập tục như Không Hội mới có đủ khả năng chi phối tín đồ. Hậu quả của sự kiện này là mồm mống suy yếu, cán bộ của các lực lượng khác len lỏi vào tổ chức để phá rối hàng ngũ Phật giáo.

2.- Lý do khách quan. -

Sở dĩ phong trào Phật giáo không thành công là vì những yếu tố ngoại lai ảnh hưởng trên hoạt động phong trào Phật giáo. Những yếu tố ngoại lai này là những sự phản ứng của các lực lượng xã hội khác đối với Phật giáo.

a)- Phản ứng của chính quyền :

Chính quyền là lực lượng trước tiên chống lại Phật giáo vì chính quyền là đối tượng của Phật giáo tranh đấu. Sau năm 1963, những chính phủ liên tiếp đã bị Phật giáo chi phối mạnh mẽ và bị Phật giáo lật đổ làm chính quyền nhận thấy rằng đứng trước hoạt động của Phật giáo phải chặn đứng với những biện pháp mạnh, nếu không chính quyền cũng bị lật đổ như những chính phủ khác. Vì thế phản ứng của chính phủ trở nên mạnh mẽ bởi những lý do sau :

- * Hoạt động của Phật giáo cũng có lợi cho đối phương và chính phủ tin rằng có cán bộ của đối phương xâm nhập vào hàng ngũ của Phật giáo.
- * Tổ chức của Phật giáo quá mới mẻ mà chính quyền không nhận thấy được thiện chí của Phật giáo trong việc xây dựng dân chủ Miền Nam qua hoạt động của Phong trào.
- * Tổ chức của Phật giáo thu hút được đa số quần chúng (trong đó có cả quân nhân, cảnh sát, công chức) có thể làm vô hiệu hóa những quyết định của chính quyền.

b) - Sự nghi ngờ của người Hoa Kỳ. -

Từ năm 1965 trở đi Hoa Kỳ đã có một ảnh hưởng mạnh - đối với xã hội Việt Nam nói chung và chính quyền nói riêng và đã trở thành một đối tượng tranh đấu của Phật giáo như chính quyền. Người Hoa Kỳ không muốn phong trào Phật giáo lớn mạnh vì có hại cho sự hiện diện của họ tại Việt Nam nên sẵn sàng giúp đỡ chính phủ làm xẹp phong trào.

Trường hợp cho thấy người Hoa Kỳ chống lại phong trào Phật giáo đã thỏa thuận cho chính phủ chớ quan ra Đà Nẵng bằng những loại phi cơ của Hoa Kỳ. Ngày 3.6.1966 phát ngôn viên tòa Đại sứ Mỹ cho biết : 'Những vụ bạo động và tự thiêu chỉ nhằm gây áp lực cho Mỹ can thiệp vào việc tranh chấp nội bộ của Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn giữ nguyên thái độ cũ' (1). Chính giới tỏ ý rất quan ngại về tình hình xáo trộn tại Việt-Nam, ông MAC NAMARA, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ cho rằng Phật giáo đã làm trì hoãn những cuộc tiếp vận vũ khí cho quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa. Và ngày 11.5.1966 trước Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Nghị Viện, Mac Namara đã nói : sức chiến đấu của quân đội Việt Nam giảm sút ở vùng I và vùng II chiến thuật do sự xáo động của các tuyên úy Phật giáo v.v... (2)

Thứ trưởng ngoại giao Mỹ W. Bundy tuyên bố : 'Phật giáo muốn thao túng chính trường Việt Nam, song mục đích không rõ rệt.' (3)

Cuối cùng trong bản chất tranh đấu của Phật giáo là một phong trào Quốc Gia, người Hoa Kỳ không muốn thấy tại V. Nam một phong trào Quốc gia nào mạnh vì nó có thể gây áp lực cho chính sách của Hoa Kỳ sau này. Những lý do trên đây cho thấy người Hoa Kỳ phải tìm cách làm suy giảm phong trào Phật giáo để tránh những sự chống đối có thể mạnh hơn trong tương lai.

c) - Nghi ngờ của người Công giáo :

Người Công giáo có một lập trường tích cực chống Cộng

(1) Đoàn Thêm - Sách đã dẫn - Trang 105

sản. Họ nhận thấy cuộc đấu tranh bạo động của Phật giáo có thể có lợi cho Cộng Sản hay ít ra cũng bị Cộng sản lợi dụng nên họ phản đối. Những cuộc biểu tình của khối Công giáo dân và Lực lượng Đại Đoàn Kết ở Saigon và Đà Nẵng đã chứng minh điều này.

d) - Sự bất hợp tác của các chính đảng. -

Các chính đảng chưa phải là một lực lượng mạnh nhưng vẫn là những lực lượng gây khó khăn nhiều cho hoạt động của Phật giáo. Trước tiên các chính đảng không chịu hợp tác với các 'Lực lượng tranh thủ Cách mạng' ở Đà Nẵng, Qui Nhơn vì ở miền Trung là nơi phát xuất nhiều chính đảng lớn (Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt v.v...) và tìm cách phá rối các nhóm này. Trong Đại Hội chính trị toàn quốc, các chính Đảng tạo những chính kiến bất thuận lợi cho việc đấu tranh của Phật giáo. Ngoài ra các chính đảng lo sợ phong trào sẽ thu hút căn bộ của mình và làm suy yếu lực lượng và thế đứng chính trị của mình trong sinh hoạt quốc gia cũng bị mờ nhạt theo.

Cuối cùng, khi Phật giáo phát động phong trào đấu tranh bằng những cuộc xách động quần chúng thì tâm lý chung của quần chúng là chán nản một mối vì những biến động chính trị liên tiếp xảy ra sau năm 1963. Mọi người muốn có khung cảnh chính trị yên tĩnh để sống một cuộc sống yên thân mà thôi.

ĐOẠN III : GIAI ĐOẠN QUAY VỀ VỚI TỔ CHỨC NỘI BỘ. -
(Từ 19.9.1966 đến 5.5.1970)

Sau cuộc tranh đấu Phật giáo thất bại, nội bị biphân hóa làm hai khối : Khối VNQT và khối Ấn Quang, mỗi khối có một lập trường riêng, áp dụng một Hiến chương riêng, có một đoàn thể lãnh đạo riêng kiểm soát những lực lượng tín đồ khác nhau cũng những hoạt động khác nhau, nhưng mức độ tham gia chính trị hết sức ít ỏi, Phật giáo đã tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến 11.9.1966, cuộc bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thượng và Hạ Nghị Viện hay sự tham gia chính trị chỉ nhằm mục tiêu cục bộ như khối Ấn Quang đòi hỏi chính phủ hủy bỏ SL 23/67 chuẩn y Hiến chương 66 mà thôi. Tất cả những hoạt động của Phật giáo đều hướng về sự kiện toàn tổ chức Nội bộ.

1. - Hoạt động của khối Việt Nam Quốc Tự : Hoạt động của khối này không mấy quan trọng vì tín đồ ít và thuần nhất hơn (phần lớn là Phật tử gốc người Bắc di cư), hơn nữa các nhà sư lãnh đạo đều là những nhân vật thân chính quyền nên dễ được chính quyền tài trợ nhiều phương tiện và sức mạnh do đó dựa vào chính quyền nên sự tổ chức nội bộ của họ dễ dàng ít phức tạp. Nhìn chung, khối VNQT không đặt những vấn đề trọng đại cho tín đồ mà chỉ củng cố thêm những gì đã có được như :

- Huấn luyện hàng tăng sĩ cán bộ cung cấp cho Nha Tuyên Ủy Phật giáo để kiểm soát chặt chẽ hàng ngũ tín đồ ở quân đội theo mình.

- Liên lạc chặt chẽ với tổ chức Phật Giáo quốc ngoài để gia tăng sự hậu thuẫn về ngoại giao.

2. - Hoạt động của Khối Ấn Quang : Các nhà sư lãnh đạo của Khối Ấn Quang vẫn tự đặt nặng sứ mệnh của mình là tiếp nối những công trình chính trị kể từ năm 1963. Sau sự thất bại - nần này, họ quay về với tổ chức nội bộ để hàn gắn những đ o vỡ của tổ chức, từ hệ thống giáo hội Trung Ương đến Tỉnh Hội địa phương. Công việc quan trọng nhất để sửa chữa khuyết - điểm là thanh lọc hàng ngũ tín đồ, huấn luyện cán bộ, để oh chuẩn bị cho giai đoạn tranh đấu mới. Những công tác này được thực hiện bằng các cuộc Đại hội. Đó cũng được coi là những cuộc vận động ngầm ngầm của khối Ấn Quang chuyển sang hình thái tranh thủ nhẹ nhàng và trường kỳ, đặc biệt là những đại hội sau :

- Đại Hội Hoàng Pháp (Khai diễn từ 4/5 đến 9/5) với sự tham dự của các Tăng Ni gồm 59 đơn vị Tỉnh với mục đích g giáo dục lại cán bộ Hoàng Pháp về kiến thức Phật học để truyền bá Phật giáo trong quần chúng.

- Đại hội Giáo dục : Cũng có tầm quan trọng không kém qui tụ các tăng sĩ có nhiệm vụ điều hành và hướng dẫn 20 Phật học viện, Viện Đại Học Vạn Hạnh, 150 trường BỒ ĐỀ v.v.. Đại hội đã hoạch định một chương trình cốt hướng dẫn và nắm vững tinh thần sinh viên học sinh Phật tử.

- Đại Hội Thanh niên Phật tử : (từ 5/7 đến 7/7/69): qui tụ những tổ chức của Tổng vụ Thanh niên : Gia đình Phật tử vụ, sinh viên Phật tử vụ, học sinh Phật tử vụ, Phật tử thiện chí vụ, Hướng đạo Phật tử Việt Nam gồm 55 đơn vị tỉnh. Trong hiện tại họ vẫn còn là lực lượng hùng hậu. Đại hội tổ chức với mục đích kiểm soát lại hàng ngũ Thanh niên Phật tử cùng cải thiện tổ chức và đào tạo cán bộ cho giới này.

- Đại hội Cư sĩ : (tháng 11/69) tập trung 600 đại biểu của 59 đơn vị tỉnh và 9 quận Đô thành. Đó là Đại hội đầu tiên của tập đoàn cư sĩ. Đại hội đã hàng ngũ hóa tập đoàn Cư sĩ, tập đoàn có đông đảo tín đồ nhất, đã vạch một đường hướng cho cư sĩ hoạt động, thống nhất tư tưởng, cải cách đời sống vật chất và nâng cao đời sống tinh thần của cư sĩ.

Trong các Đại hội này tuy là phần giáo lý Phật giáo vẫn là phần thuyết giảng trọng yếu nhưng lập trường chính trị của giáo hội cũng phổ biến cho các hội thảo viên thông suốt rồi thi hành chủ trương lập trường đó.

Ngoài ra còn những đại hội khác cũng được tổ chức như Đại hội xã hội từ 2.5 đến 9.5.1969 của Tổng vụ Xã hội phối hợp với hai giáo phái, Cao Đài và Hòa Hảo để tìm cách cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc, những cuộc vận động P. tử ở Hải ngoại cho lập trường của giáo hội đã tổ chức được một Đại Hội gồm đại diện Phật tử Việt Nam của 12 nước tại Fontainebleau trong những ngày 9, 10, 11 tháng 6 năm 1969.

Thật ra thời gian yên lặng của Phật giáo, Khối Ấn-Quang vẫn chú tâm đến tình hình chính trị tại Việt Nam, thỉnh thoảng các nhà sư lãnh đạo vẫn lên tiếng khuyến cáo một vài trường hợp như tuyên cáo về vụ thảm sát tại Sơn Mỹ ngày 25.1.1970, Đức Tăng Thống kêu gọi phe tham chiến để thực hiện Hòa bình trong thông điệp lễ Phật Đản 1970, phản đối thái độ của chính phủ về việc thảm sát Việt Kiều ở Cao Mên v.v...

ĐOẠN IV : HẬU QUẢ CỦA SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ.-

Sự tham gia chính trị đã làm phát sinh ra những hậu quả cho chính Phật giáo và cho sinh hoạt chính trị Miền Nam.

I.- HẬU QUẢ ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO.-

Khi một tôn giáo chuyển mình sang lãnh vực chính trị thường có những hậu quả bất lợi cho mình, nhất là Phật giáo lại là một tôn giáo có một chủ thuyết, một thái độ phi chính trị cho nên Phật giáo phải gánh chịu những hậu quả bất lợi về phương diện tổ chức tín đồ và hoạt động.

1.- Hậu quả về tình trạng tổ chức và tín đồ.-

Sau năm 1963, Phật giáo đã đoàn ngũ hóa được tín đồ thành một tổ chức Giáo hội Phật giáo Thống Nhất nhờ sự hăng say của họ trong việc phục hưng và xây dựng lại Đạo Phật. Nhưng dần dần, Phật giáo đã dùng lực lượng này như một tích sản để tranh đấu nên có sự bất đồng chính kiến, sự nghi ngờ uy danh chính trị đưa đến những xích mích giữa tín đồ và hàng Tăng sĩ đã bắt đầu đổ vỡ. Tín đồ muốn xa lánh giáo hội (trường hợp của các tín đồ miền Nam đang quay về với Hội Phật Học Nam Việt hay là tổ chức GHPG Việt Nam của ông Mai Thọ Truyền là một bằng chứng) rồi từ đó dẫn đến sự phân hóa của tổ chức Phật giáo thành hai khối như đã trình bày ở phần trước.

2.- Hậu quả về hoạt động của Phật giáo.-

Sự bận tâm của những hoạt động chính trị làm những hoạt động khác của Phật giáo bị giới hạn. Sự truyền đạo và hành Đạo là những hoạt động chính yếu cũng bị giới hạn mà đáng lẽ ra phải được phát triển mạnh hơn từ nội dung đến hình thức xuyên qua hai lãnh vực văn hóa và xã hội. Sự kiện này làm chậm bước tiến của sự phát triển Phật giáo (Thời gian sau này Phật giáo đã chột nghỉ đến điểm này và đã thực hiện những công tác xã hội, xây Trung tâm Văn hóa Liễu quán ở Huế, 1969)

II.- HẬU QUẢ ĐỐI VỚI SINH HOẠT CHÍNH TRỊ MIỀN NAM.-

Dẫu không đồng ý đến phong trào tham gia chính trị của Phật giáo đến đâu, mọi người cũng phải công nhận là Phật giáo đã có công trong việc xây dựng dân chủ và tạo một sinh khí cho khung cảnh chính trị miền Nam.

1.- Công cuộc xây dựng dân chủ.-

Gạt bỏ phần lý thuyết về dân chủ mà chỉ nhận xét sự

xây dựng dân chủ của hoạt động chính trị Phật giáo trên thực tế chính trị miền Nam vì nhờ sự tranh đấu của Phật giáo mà nền dân chủ Việt Nam đã thu đạt được nhiều bước tiến bộ.

Trước tiên, Phật giáo là nguyên nhân gián tiếp cho sự lật đổ chế độ độc tài Ngô đình Diệm, chế độ này được xây dựng trong hình thức dân chủ nhưng thực chất của chế độ chỉ phản ánh những biện pháp độc tài của nhà lãnh tụ. Tiếp đến Phật giáo cũng đã phản đối trước nhất và kịch liệt Hiến Chương V. Tàu trong âm mưu thiết lập một chế độ độc tài quân phiệt. Trong khi giới quân nhân cầm quyền đã sử dụng nhiều đặc quyền chính trị, Phật giáo một lần nữa cũng đứng lên đòi hỏi một chính quyền dân cử và một Quốc hội Lập Hiến. Hiện nay nền Đệ nhị Cộng Hòa được khai sinh chỉ là hậu quả của cuộc vận động quần chúng của Phật giáo năm 1966.

Tóm lại, trong suốt thời gian tranh đấu, Phật giáo không ngừng đòi hỏi sự cải thiện chính sách của chính phủ nhờ đó nền dân chủ cũng được cải thiện.

2.- Phật giáo đã giải phóng cho các chính đảng miền Nam.

Với chính sách thanh toán đối lập, chính phủ Ngô Đình Diệm đã đàn áp các chính đảng. Nhờ sự tranh đấu của Phật giáo lật đổ chế độ này mà các chính đảng mới được phục sinh.

3.- Phật giáo đã linh động hóa khung cảnh chính trị.

Nền chính trị của Việt Nam có tính chất bất động, do đây người ta chỉ trông cậy vào một lực lượng mạnh để giữ thế quân bình chính trị. Do đó dễ đưa đến sự độc tài của khối có uy lực đó. Mỗi khi Phật giáo tham gia chính trị là mỗi lần làm cho sinh hoạt chính trị biến mất tính chất trên.

Sự tham gia chính trị của Phật giáo có giá trị như 1 chất xúc tác linh động hóa chính trường và thực tiễn được quần chúng nhận rõ quyền lợi của mình trong quyền lực chính trị.

Chương Hai
**KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG
 CỦA PHẬT GIÁO**

Phật giáo là một đoàn thể áp lực, nhưng Phật giáo không phải là một đoàn thể tìm cách để chính quyền-ban hành các quyền lợi cho mình mà Phật giáo thuộc loại đoàn thể áp lực "không thỉnh nguyện mà sai khiến, không khai thác quyền hành mà sử dụng quyền hành." Vì thế Phật giáo đã can thiệp mạnh mẽ vào mọi hoạt động của chính quyền. Trong thời gian tham gia chính trị của Phật giáo, không một giai đoạn nào của diễn tiến công vụ thoát khỏi sự can thiệp đó. Hiệu quả của sự can thiệp tùy thuộc vào kỹ thuật và những phương tiện đã sử dụng.

Thông thường những đoàn thể làm áp lực vào hoạt động của chính quyền bằng những phương tiện thuyết phục, đe dọa, phá hoại những sự điều hành guồng máy công quyền hay sử dụng những phương tiện tài chánh để lung lạc các viên chức v.v.... Tất cả những phương tiện nói trên đều phát sinh từ thế lực của đoàn thể. Thế lực của Phật giáo Việt Nam là tín đồ nên đánh giá sự những phương tiện không giống bất cứ một đoàn thể áp lực nào khác. Hiệu quả của sự hành sử này nằm trong trọng tâm của vấn đề vận động tín đồ, nói khác đi, tùy thuộc mức độ tham gia của tín đồ vào những hoạt động chính trị của Phật giáo. Tín đồ tham gia càng đông, hiệu quả càng lớn, áp lực đối với chính quyền càng mãnh liệt. Nhận thấy như vậy, giới tăng sĩ luôn luôn tìm những kỹ thuật hành động để lôi cuốn tín đồ để biểu dương sức mạnh và ý chí của Đoàn thể trước chính quyền. Các kỹ thuật biến đổi theo hoàn cảnh và thời gian hoạt động. Mỗi kỹ thuật có một phạm vi ảnh hưởng đối với tâm lý quần chúng trong một đường hướng tổng quát của một chủ thuyết hoạt động.

Như thế kỹ thuật hành động của Phật giáo bao gồm chủ thuyết hoạt động và những hình thức áp dụng.

ĐOẠN I : SỰ THẤT BẠI CỦA CHỦ TRƯỞNG BẤT BẠO ĐỘNG.

Phật giáo sẽ áp dụng chủ thuyết bất bạo động như một phương thức tranh đấu vì những lý do sau :

- Chủ thuyết bất bạo động phù hợp với tinh thần Từ bi của Phật giáo.
- Sự tranh đấu bất bạo động không gây ra những phản ứng của tín đồ khi họ nghĩ rằng đó là một sự dấn thân nhẹ nhàng và chính đáng của tín đồ Phật tử vào đời sống chính trị nhất là những tín đồ với tư cách của tu sĩ.
- Chính quyền sẽ gặp khó khăn khi phải dùng những phương tiện bạo động để dẹp yên những cuộc tranh đấu và sẽ giải quyết bằng những phương tiện bất bạo động vì họ phải tôn trọng sự thiêng liêng của tôn giáo khi va chạm với những vị lãnh tụ tinh thần.
- Cuối cùng sự tranh đấu bất bạo động ít làm xáo trộn xã hội.

Chủ thuyết bất bạo động được phát động ngay trong giai đoạn đầu của cuộc tranh đấu và vẫn được các nhà sư luôn luôn nhắc nhở đến trong các cuộc vận động kế tiếp. Trong bản tuyên ngôn gửi Phật tử ngày 30.7.1963 của Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã đề cập đến vấn đề này "... Phật giáo Việt Nam có thủ đức cùng tính chất bất bạo động thuần túy ấy, vì đó là bản chất của Phật giáo Việt Nam".

Kiểm điểm lại cuộc vận động nói trên đến nay chỉ mới giải quyết trên giấy tờ và lời nói nhưng trên thực tế chưa có một sự thực thi cụ thể nào khả dĩ làm dịu nỗi đau khổ triền miên của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Ngược lại những thực tế đau lòng càng ngày càng dồn dập làm cho Phật giáo đồ mất hết tin tưởng.

Dù vậy, Phật giáo Việt Nam nhất định không lìa bỏ tinh thần thuần túy tông giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp 'bất bạo động' để đưa phong trào đến mức thành công'.

Như thế chủ thuyết bất bạo động được xem như bản chất của cuộc tranh đấu gắn liền với mọi hoạt động của Phật giáo. Trong các giai đoạn tranh đấu Phật tử luôn luôn được nhắc nhở trung thành với chủ thuyết này. Trong các cuộc vận động gaygo nhất của những năm 64, 66 chủ thuyết này cũng được nêu ra nhiều lần. Ngày 3.11.1964 Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết kêu gọi Phật tử bình tĩnh 'giữ sức Quảng Đức' luôn luôn giữ tinh thần tranh đấu bất bạo động mặc dầu Phật giáo đang bị sức mạnh đe dọa. Ngày 5.4.1966 Viện Hóa Đạo xác nhận lập trường tranh đấu ôn hòa, bất bạo động của Phật giáo.

Tóm lại, chủ trương bất bạo động được coi như là một đường lối tranh đấu của Phật giáo.

Đường lối này trên thực tế không mang lại những kết quả mong muốn. Trong những bước đầu của các cuộc tranh đấu P. Giáo đều áp dụng những đường lối tranh đấu bất bạo động nhưng lần lần với áp lực của những cuộc đàn áp bằng võ lực làm cho chủ trương này đôi khi không áp dụng được. Do đó Phật giáo phải bước sang lãnh vực bạo động hơn.

Vì sao giải pháp bất bạo động của Phật giáo ít thành công. Sự thành công ở đây không quan niệm trên những hậu quả tinh thần vì sự bất bạo động phản ảnh một tinh thần hy sinh rất cao mà chỉ quan niệm trên phương diện chiến thuật mà thôi. Sự không thành công bắt nguồn từ 3 lý do chính yếu :

1.- Khi áp dụng chủ trương bất bạo động trong những cuộc tranh đấu phải có những biện pháp hỗ trợ thì tác dụng của nó mới hữu hiệu. Nhìn lại trường hợp của Thánh - Gandhi với cuộc tranh đấu bất bạo động trong việc đánh đổ chế độ cho Ấn Độ, cuộc tranh đấu đó đã đem lại những kết quả đáng kinh ngạc. Mỗi lần khi ông tuyệt thực để phản đối một vấn đề gì chống lại người Anh, lập tức những phong trào hậu thuẫn của ông đã ủng hộ triệt để. Các công nhân trong xí nghiệp Anh công nhân trong các xưởng dệt ở Bombay, Calcutta số người làm việc cho các công sở người Anh v.v... liền đình công bãi thị để ủng hộ ông. Hậu quả những cuộc đình công này làm cho công việc khai thác của người Anh bị đình trệ và hiển nhiên họ lo

sợ những cuộc đình công như vậy mà nhượng bộ. Tại Việt Nam, không được như thế, những cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo chưa được phát triển toàn diện, những biện pháp hỗ trợ chưa tích cực để tạo ra một sự đe dọa thường trực đè nặng trên những hoạt động của chính quyền. Khi các nhà sư áp dụng phương thức bất bạo động như tuyệt thực chẳng hạn các phong trào hỗ trợ không đủ mạnh để làm tê liệt những hoạt động của chính quyền. Tuy các phong trào ủng hộ Phật giáo cũng tiếp tay với cuộc tranh đấu bằng cách thực hiện sự bất hợp tác, đình công, bãi thị (tiểu thương của một số chợ không đi bán) (sự từ chức của 40 giáo sư đại học Huế năm 1966...) nhưng vẫn không ảnh hưởng rộng lớn đến sự điều hành guồng máy chính quyền và ít gây được sự xúc động trong quần chúng. Do đó không tạo được áp lực với chính quyền.

2.- Những mục tiêu tranh đấu thực sự ít tác động trên tâm lý quần chúng : Những mục tiêu được Phật giáo đề ra để tranh đấu là những mục tiêu có lợi cho dân tộc nhưng chưa hẳn, là mục tiêu chung của dân tộc vì đầu sao nó cũng bị giới hạn bởi những hoạt động tôn giáo. Do đó không lôi cuốn những thành phần đứng ngoài Phật giáo. Hơn nữa những lực lượng chính trị khác nhất là công giáo thường có thành kiến với hoạt động của Phật giáo nên họ nghi ngờ và không những không tham gia mà còn phản ứng lại. Cuối cùng ngay trong hàng ngũ của Phật giáo, họ chưa thông suốt những mục tiêu của Phật giáo tranh đấu họ vẫn còn thờ ơ với các cuộc tranh đấu. Trong khi đó Phật giáo thiếu cán bộ để giải thích và thuyết phục quần chúng trước sự lung lạc của sự phản tuyên truyền của chính quyền và những lực lượng khác.

Hy vọng trong tương lai, với chiến dịch Hòa bình do khối Ấn Quang phát động sẽ thu hút được nhiều quần chúng hơn vì Hòa bình là giấc mơ của người Việt.

3.- Uy tín của những vị lãnh đạo Phật giáo chưa bao trùm toàn thể tín đồ và khắp tất cả quần chúng trong nước.
Phật giáo là một tôn giáo lâu đời tại Việt Nam nhưng tổ chức Giáo hội thì quá sức mới mẻ. Các nhà sư lãnh đạo mới được dân chúng quen tên biết mặt từ ngày tranh đấu năm 1963

trở đi. Bị đàn áp hơn một thế kỷ và mới phục hưng lại trên thực tế chưa đầy mấy năm thì làm sao Phật giáo có đủ thời gian để các nhà sư lãnh đạo có thể làm nổi bậc vai trò của mình được. Hướng hồ triết lý tu chứng của Đạo Phật bắt đầu từ sự tìm hiểu của cá nhân riêng rẽ : Mỗi vị tu sĩ thường chỉ ảnh hưởng vào một vùng địa phương hay một số tín đồ có hạn định ví dụ Thượng tọa Thích Trí Quang chỉ có ảnh hưởng mạnh trên tín đồ miền Trung, Thượng Tọa Tâm Châu với tín đồ miền Bắc, cư sĩ Mai Thọ Truyền với tín đồ miền Nam v.v... Còn Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết chỉ có một giá trị hư vị, thêm vào đó sự phân hóa nội bộ thành thứ chưa có một vị lãnh tụ Phật giáo nào nắm được toàn diện quần chúng, chưa có một vị lãnh tụ nào có đủ khả năng kêu gọi tất cả tín đồ cùng đứng lên tranh đấu với Phật giáo như trường hợp Thánh Gandhi ở Ấn Độ cả.

4. - Những biện pháp đàn áp của chính quyền vượt quá những dự đoán của các nhà lãnh tụ Phật giáo. Chính quyền đã sử dụng những phương tiện đàn áp bạo động, đe dọa tín đồ làm cho tín đồ khó tích cực tham gia phong trào tranh đấu.

Những lý do trên đây cho thấy Phật giáo đã không thành công nhiều trong việc áp dụng chủ thuyết bất bạo động. Khi sử dụng lực lượng tranh thủ với một lực lượng khác bạo giơ cũng có tính chất bạo động. Điều này đương nhiên phải xảy đến với Phật giáo (vụ bạo động ở miền Trung năm 1966 chẳng hạn) khi mà những phương thức bất bạo động trở thành vô hiệu. Sự khác biệt không phải ở chỗ bạo động hay bất bạo động mà chỉ ở mức độ bạo động và nhất là ở tính chất của sự bạo động mà thôi.

ĐOẠN II : NHỮNG HÌNH THỨC TRANH ĐẤU. -

Trong những giai đoạn tham gia chính trị Phật Giáo đã có những hình thức tranh đấu có tính cách đặc thù. Qua những hình thức đó, Phật giáo tìm cách thay đổi tùy hoàn cảnh để thích ứng với tâm lý quần chúng và phản ứng hữu hiệu với những áp lực của chính quyền.

Một phương châm hành động cũng được Phật giáo đưa ra để hướng dẫn tinh thần tín đồ. Đó là chiêu bài "Dân tộc và Đạo

pháp', chiêu bài 'Dân tộc và Đạo Pháp' đã nói lên các mặt cảm tự tôn về lịch sử Phật giáo tại Việt Nam và đồng thời cho thấy đường hướng của Phật giáo luôn luôn gắn liền với Dân tộc Việt Nam. Dân tộc và Đạo pháp là 2 yếu tố hỗ tương cho nhau, cái gì lợi cho Dân tộc sẽ lợi cho Đạo pháp và ngược lại nhau, cái gì lợi cho Đạo pháp sẽ lợi cho Dân tộc. Hệ luận này nhằm đặt vị trí tranh đấu của Phật giáo nằm trong cuộc tranh đấu chung của Dân tộc, nó chỉ là một bộ phận của cuộc tranh đấu lớn hơn đang vươn lên để đưa Dân tộc đến tiến bộ. Nếu nhìn với lý luận này thì hệ luận 'Dân tộc và Đạo pháp' đã kích thích được tâm lý của tín đồ. Chiêu bài này gần như được nhắc nhở thường trực cho tín đồ và trở thành một phương châm tranh đấu. Trích một đoạn sau đây trong bài thuyết trình của Đại Hội Thanh Niên Phật Tử năm 1969 làm một ví dụ điển hình cho châm ngôn đó. 'Sứ mạng của Phật giáo Việt Nam bao gồm trong mấy chữ. "Dân tộc và Đạo Pháp. Sứ mạng này thoát thai từ hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của Phật giáo Việt Nam. Ngay từ thuở Đinh, Lê, Lý, Trần... Phật giáo Việt Nam đã cống hiến rất nhiều cho Văn hóa của Dân tộc. Đến nay hơn 18 thế kỷ giáo lý nhà Phật chan hòa trong dân chúng. Gốc rễ ấy sâu xa liền chặt đến nỗi tính ra, có đến bảy mươi, tám mươi phần trăm dân chúng, kể cả thành phần không am tường Phật giáo cho lắm nhưng vốn có cảm tình với tôn giáo này cũng tự nguyện xem mình là Phật tử...

... Quyền lợi của Phật giáo với quyền lợi của Dân tộc chỉ là một. Biền cố nào đe dọa Dân tộc cũng đe dọa luôn cả Đạo pháp. Vậy, một Phật tử Việt Nam chỉ nghĩ đến Đạo Pháp mà quên nghĩ đến Dân tộc thì quả ấy chưa thể gọi là viên mãn.

... Ngày nay, Phật tử Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của GHPGVN đang dốc lòng phát huy truyền thống Việt Nam. Con đường mà GH dẫn dắt tín đồ trong những năm gần đây chính là con đường phục vụ Dân tộc và Đạo pháp."

Như thế chiêu bài 'Dân tộc và Đạo pháp' là cách thức để cho Phật giáo nói lên được cái chính thống của họ trong các cuộc đấu tranh. Chiêu bài này là một nội dung tuyên truyền đấu tranh rất có hiệu lực, một mặt nó đánh trúng tâm lý Phật tử Việt Nam, đánh trúng tinh thần dân tộc của người Việt, mặt

khác nó có thể ngăn trở phần nào sự phá hoại bằng sự tuyên truyền xuyên tạc của những lực lượng đối nghịch. Nó có thể giữ được lòng tin tưởng của Phật tử vào những mục tiêu tranh đấu.

Với chiều bài đó những hình thức tranh đấu đã biến chuyển từ những hình thức bất bạo động sang bạo động.

I. - NHỮNG HÌNH THỨC TRANH ĐẤU BẤT BẠO ĐỘNG. -

Những hình thức này thường được áp dụng trong những giai đoạn khởi đầu của các cuộc tranh đấu. Nó có tính cách của một cuộc vận động tâm lý quần chúng và tín đồ biểu hiện dưới nhiều đường lối khác nhau.

1. - Hình thức thuyết pháp. -

Theo định nghĩa thông thường của Phật giáo, thuyết pháp là giảng dạy giáo lý của Đạo Phật cho tín đồ. Như vậy, hành động này là một hành động thuần túy tín ngưỡng. Nhưng trên thực tế qua những phong trào vận động của Phật giáo, những bài thuyết pháp mất dần tính cách phổ biến giáo lý. Các bài này thường do các nhà sư tổ chức phong trào lồng một nội dung chính trị vào những luận cứ giáo lý. Hay đúng hơn giáo lý của Phật giáo trong bài thuyết pháp chỉ là một tiêu chuẩn để trình bày quan điểm chính trị của các nhà sư lãnh đạo phong trào. Các buổi thuyết pháp được tổ chức tại các cơ sở hành đạo (Chùa, Tu viện...) hay ngay tại Viên Hóa Đạo của Giáo Hội, sau khi đã thông báo chương trình thuyết pháp trước cho tín đồ được biết. Tuy đó là những buổi nói chuyện chính trị với tín đồ theo đúng nghĩa của nó nhưng những hình thức tổ chức lại mang các đặc tính của sự giảng dạy giáo lý. Khi mở đầu một buổi thuyết pháp, những nghi thức tụng niệm, những phần lễ Phật được diễn ra trước, sau đó mới đến phần diễn thuyết của các vị sư phụ trách.

Thuyết pháp là một phương thức xáo động tâm lý tín đồ rất có hiệu lực. Nó đi sâu vào tâm lý tín đồ một cách 'tê cảm giác'. Người nghe có cảm tưởng là chân lý của Đức Phật được thực tế hóa bằng quan điểm chính trị và rất phù hợp với quan điểm đó nên họ sẵn sàng tin theo lời thuyết giảng. Trong

nhiều trường hợp tỏ thái độ với chính quyền, chỉ trích chính sách, vạch một đường hướng tranh đấu v.v... thường được tổ chức bằng hình thức thuyết pháp. Với tính cách bao quát của vấn đề chính trị, thuyết pháp một đôi khi còn dành cho cư sĩ nói chuyện.

Kết quả thu lượm của một bài thuyết pháp còn tùy thuộc nhiều vào cách hành văn, lối ăn nói hấp dẫn của thuyết trình viên trước cử tọa. Phần lớn các nhà sư lãnh đạo đều có biệt tài về vấn đề này. Các vị tu sĩ như Đại đức Thích Hộ Giác, người phụ trách về cư sĩ của khối Ấn Quang, thượng tọa Thiện Minh, người phụ trách về Thanh niên Phật tử của khối Ấn Quang v.v... đã chứng tỏ được biệt tài này trong việc thu hút quần chúng qua những bài thuyết pháp.

2.- Hình thức vận động quần chúng ngấm ngấm qua các tổ chức, đoàn thể.

Có lẽ phương thức này hay gặp khó khăn vì tổ chức của Phật giáo quá rời rạc, nhất là Phật giáo thiếu cán bộ. Hình thức tuyên truyền ngấm ngấm này được thực hiện bằng những sự tuyên truyền rải tai phân phát truyền đơn, chỉ thị cho tín đồ. .. Cuộc tranh đấu đầu tiên năm 1963, Phật giáo đã sử dụng những hình thức này nhiều nhất vì lúc đó chính quyền kiểm soát gắt gao các hoạt động của Phật giáo.

Những cuộc vận động ngoại giao cũng được thực hiện do lực lượng Việt Kiều Phật tử phụ trách để gây một tiếng vang quốc tế cho sự tranh đấu của Phật giáo.

Hiện tại, Phật giáo đã ý thức được tầm quan trọng của vấn đề tuyên truyền rải tai nên đã bắt đầu huấn luyện cán bộ giải thích và thuyết phục quần chúng. Các cán bộ này được mệnh danh là 'Như lai sứ giả'.

3.- Biểu tình ôn hòa.

Đây là một hình thức thường thấy nhất của Phật giáo, các cuộc biểu tình còn được gọi là những cuộc 'Xuống đường', đi tuần hành với rất nhiều biểu ngữ. Nội dung của các biểu ngữ

ấy không dùng những lời lẽ phản đối quá khích. Những cuộc biểu tình này chỉ để tỏ thái độ trong sự phát khởi của các giai đoạn tranh đấu chưa quyết liệt, vừa để biểu dương lực lượng, vừa chứng tỏ một sự phản kháng ôn hòa không kèm theo một sự phá rối trật tự xã hội nào cả.

4. - Hình thức tuyệt thực. -

Lúc khởi đầu một giai đoạn tranh đấu, hình thức tuyệt thực được thực hiện cho cấp tăng sĩ để gây cảm xúc cho tín đồ sau đó thực hiện ngay cho tín đồ.

Tuyệt thực là phương pháp mà Thánh Gandhi thường dùng được các nhà sư Việt Nam áp dụng lại. Trong quá trình tranh đấu bất bạo động có nhiều cuộc tuyệt thực cá nhân hay tập thể, nhưng phần nhiều là cuộc tuyệt thực tập thể. Tác dụng tâm lý của các cuộc tuyệt thực lên rất cao, nó kích thích được sự xót xa trong lòng Phật tử và tạo được tinh thần đoàn kết tín đồ. Khi một nhà sư tuyệt thực, các tín đồ lo lắng cho đời sống của ông nên không ngại hành động thuận tiện cho Phật giáo.

Tuy nhiên, những cuộc tuyệt thực dần dần đã mất nhiều tác dụng tâm lý vì Phật giáo đã sử dụng quá nhiều, vì thế nó làm mất đi những sự xúc động của tín đồ. Thượng tọa Thích Trí Quang đã chiếm kỷ lục tuyệt thực của PGVN trong một cuộc tuyệt thực dài gần 100 ngày để phản đối chính phủ sau ngày vận động thất bại ở miền Trung.

5. - Hình thức tự thiêu. -

Hình thức tự thiêu là một hình thức phản kháng độc đáo và bi hùng nhất của Phật giáo. Người Tây phương cho sự tự thiêu là một hình thức bạo động nhưng kỳ thực đó là một hành động bất bạo động vì người tự thiêu hứng chịu những đau khổ riêng cho mình mà không làm thiệt hại đến kẻ khác. Đó là một hành động hy sinh đòi hỏi một ý chí rất cương quyết và một tinh thần chịu đựng những đau đớn vô biên trên thân xác để chấm dứt cuộc sống. Trong tất cả những hình thức bất bạo động sự tự thiêu gây được sự kích thích tâm lý quần chúng vĩ đại nhất, một niềm cảm thương sâu xa trong tâm niệm tín đồ: Tín

đều sẽ nhận thấy sự đóng góp của mình vào phong trào tranh đấu quá ít ỏi so với người tự thiêu, người đã đốt cháy thân thể để phản đối và cố gắng sẽ đóng góp nhiều hơn nữa. Những cuộc tự thiêu xảy ra trong lúc bất ngờ của cuộc tranh đấu vì không nằm trong kế hoạch của phong trào vì không ai có đủ can đảm để thi hành kế hoạch xúi giục người khác thi hành cả. Sự tự thiêu thường chỉ sắp đặt do ý nguyện cá nhân của người tự thiêu khi đương sự nhận thấy sự hy sinh của mình sẽ có lợi cho phong trào. Người tự thiêu nghĩ rằng hành động của mình là hợp với tinh thần Phật giáo (cúng dường tam bảo) đồng thời có thể cảnh tỉnh kẻ thù đối diện với mình.

Cuộc tự thiêu đầu tiên do Hòa Thượng Thích Quảng Đức thực hiện ngày 11.6.1963 tại Saigon đã gây kinh ngạc và bàng hoàng không những trong hàng ngũ tín đồ mà trong quần chúng và chính quyền nữa. Những cuộc tự thiêu tiếp theo của 6 vị tu sĩ nữa cũng đáng kể là :

- Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu ngày 4.8.63 tại Bình Thuận
- Đại đức Thích Thanh Tuệ ' ' 13.8.63 tại Huế
- Ni cô Diệu Quang ' ' 15.8.63 Nha Trang
- TT Thích Tiêu Diêu ' ' 16.8.63 tại Huế
- Đại đức Thích Quảng Hương ' ' 5.10.63 Saigon
- Đại đức Thích Thiện Mỹ ' ' 27.10.63 Saigon

Tính từ năm 1963 sau vụ tự thiêu của HT THÍCH QUẢNG ĐỨC đến nay đã có gần 20 vụ tự thiêu để phản đối chính quyền.

Qua sức xóc cảm về những cuộc tự thiêu, ngày 4.6.70, Giáo hội Ấn Quang chính thức khuyến cáo tín đồ chấm dứt sự tự thiêu để dành thân thể và ý chí để đóng góp vào những cuộc tranh đấu có hiệu lực hơn.

II. - NHỮNG HÌNH THỨC BẠO ĐỘNG. -

Các hình thức bất bạo động, như các phần trên đã dẫn, thường không mang lại kết quả khả quan, các cuộc tranh đấu PG bắt buộc phải bước sang những giai đoạn bạo động. Hình thức bạo động phát xuất từ 2 nguyên do :

- Các phần tử tín đồ cực đoan (nhất là giới tín đồ trẻ tuổi) muốn hành động trực tiếp và tích cực hơn hầu tiến đến mục tiêu tranh đấu nhanh chóng hơn khi các hình thức tranh đấu bất bạo động trở thành vô hiệu.
- Chính quyền đã sử dụng những biện pháp đàn áp càng ngày càng mạnh khiến đòn lực lượng tranh đấu Phật - giáo vào thế chống trả mạnh mẽ hơn.

Những phương pháp hành động có tính cách bạo động hiệu quả qua nhiều hình thức khác nhau với những hiệu quả khác nhau tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh.

1.- Hình thức biểu tình bạo động.-

Những hình thức biểu tình bạo động được biểu lộ bằng sự hăng say quá mức của tín đồ. Vì thế những cuộc biểu tình hòa nếu ban tổ chức không kiểm soát chắc sẽ biến thành các cuộc biểu tình bạo động. Có thể đoán người biểu tình xung đột với lực lượng an ninh bằng võ lực, có thể đoán người biểu tình đập phá trụ sở của phe đối lập (đốt báo quán), của chính phủ (dài phát thanh, trụ sở thông tin...) của người ngoại quốc (phòng thông tin Mỹ ở Huế...) hay xung đột với những lực lượng biểu tình khác (trường hợp xung đột giữa 2 nhóm biểu tình của công giáo và Phật giáo năm 1964...) Thường thường những vụ biểu tình bạo động gây xáo trộn cho một vùng, một khu phố mà đoàn biểu tình đi qua.

2.- Thành lập những 'lực lượng vũ trang'.-

Trong những giai đoạn tranh chấp quyết liệt với Chính quyền Phật giáo thành lập những 'lực lượng vũ trang' cốt tạo cho phong trào một sức mạnh cần thiết. Thật ra, những lực lượng này không do những nhà lãnh đạo chủ trương mà do sự hăng say tột đỉnh của giới tín đồ trẻ tuổi lập ra theo nhu cầu tranh đấu. Vì thế những 'lực lượng vũ trang' này chỉ có tính cách nhất thời mà không có một sách lược trường kỳ. Mỗi khi phong trào ngưng hoạt động, lực lượng cũng chấm dứt theo. Gọi là 'vũ trang' nhưng kỳ thực không được trang bị vũ khí (súng ống) (chỉ trừ trường hợp biến động miền Trung vì có các quân nhân theo phong trào) mà chỉ kết hợp những ý chí cương quyết của tín đồ trẻ tuổi.

Hậu quả hành động do lực lượng này gây nên có thể đem lại nhiều ưu điểm là gây tin tưởng cho tín đồ vào sức mạnh cho phong trào nhưng có thể mang lại khuyết điểm là làm mất nhiều cảm tình của quần chúng vì ta thấy nó đi ngược lại tinh thần ôn hòa hiếu tính của Đạo Phật. Vấn đề đặt ra là lực lượng làm sao để có một sự đoàn kết chắc chắn, các đoàn viên chịu đựng một kỷ luật để tiến đến những hành động 'tự vệ' hơn là 'tấn công'.

Những lực lượng vũ trang đã thành lập có thể kể như sau :

- Lực lượng Thanh niên, Sinh viên học sinh tranh đấu (1964) thành lập tại Huế mục đích đoàn kết sinh viên học sinh Phật tử tranh đấu.

- Hội đồng nhân dân cứu quốc (1964) thành lập tại HUẾ tổ chức một mặt trận tranh đấu chính trị cho Phật giáo, sau lan rộng ra những tỉnh miền Trung khác.

- Ủy ban Tranh đấu chống Chính phủ (1965) tại Saigon.

- Lực lượng Phật tử bảo vệ Phật giáo (1966)

- Lực lượng Tranh thủ Cách mạng được thiết lập tại Huế và Đà Nẵng có sự tham gia của quân đội và cảnh sát. Đây là lực lượng mạnh nhất có trang bị vũ khí, cũng được tổ chức ở nhiều tỉnh miền Bắc Trung Nguyên Trung Phần và Saigon.

- Lực lượng Tranh thủ Dân chủ thành lập ở Dalat (1966)

3.- Đặt bàn thờ Phật giữa đường để chống chiến xa.

Ngày 6.6.1966 khi quân đội Chính phủ tiến ra Huế để tấn công những lực lượng vũ trang Phật giáo, nhận thấy khó có thể ngăn cản quân đội, thượng tọa Thích Trí Quang hay sinh ra ý kiến kêu gọi Phật tử đem bàn thờ Phật bày ra đường để chặn lối đi trong thành phố Huế, từ đó phong trào đặt bàn thờ giữa đường được phát động tại Đà Nẵng, Saigon, Dalat, Nha Trang, Ban Mê Thuột v.v...

Trên phương diện hình thức, việc đặt bàn thờ giữa đường là một phương thức bất bạo động nhưng trong bản chất sự kiện này có tính cách bạo động vì nó đã gây nhiều xáo trộn cho sinh hoạt của xã hội.

Việc đem bàn thờ Phật ra giữa đường có lợi cho P. Giáo là nó trừ hoãn công việc đàn áp của chính phủ nhưng cũng có hại là nó làm mất tính cách tôn-nghiêm của một tôn giáo nhất là khi Chính phủ cố tâm không tôn trọng sự thiêng liêng đó nữa.

* * *

Chương Ba

SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ KHÁC TẠI VIỆT NAM

Trong sinh hoạt chính trị quốc gia, Phật giáo giữ một địa vị đặc biệt. Đặc biệt vì tuy đóng một vai trò của một đoàn thể áp lực nhưng tầm hoạt động của Phật giáo vượt quá xa giới hạn của một đoàn thể áp lực. Về tính cách đặc biệt đó mà sự tương quan của Phật giáo với các lực lượng khác cũng mang nhiều sắc thái đặc biệt.

ĐOẠN I : TƯƠNG QUAN GIỮA PHẬT GIÁO VÀ CHÍNH QUYỀN.

Từ năm 1963 trở về sau, giữa Phật giáo và chính quyền luôn luôn xảy ra những sự tranh chấp phản ánh 2 quan điểm chính trị khác biệt. Cuộc tranh chấp diễn ra bằng những cuộc xung đột dưới nhiều hình thức. Phật giáo muốn lật đổ Chính phủ để thay thế một chính phủ khác hoạt động theo đường hướng của Phật giáo, trái lại Chính phủ luôn luôn tìm cách triệt hạ những uy lực chính trị của Phật giáo. Vì thế mỗi lần Phật giáo tham gia chính trị là mỗi lần chính phủ gặp phải những khó khăn trong việc điều hành guồng máy hành chính.

Gạt bỏ khía cạnh tuyên truyền và đấu không đồng ý với những phương thức tranh đấu, nhìn qua các phong trào vận động, người ta nhận thấy mục tiêu tranh đấu của Phật giáo đi quá phạm vi tín ngưỡng đó đến lãnh vực chính trị. Đối với chính quyền Phật giáo đòi hỏi :

- Xây dựng sự vinh quang của Dân tộc trong đó xác định vị trí ưu thế của GHPGVNTN.
- Quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam
- Đòi hỏi một giải pháp Hòa bình cho chiến tranh Việt Nam.

Ba mục tiêu trên là chính đáng đối với hoàn cảnh chính trị Việt Nam hiện tại nhưng chính quyền không đủ khả năng để thực hiện. Do đó không tránh những tranh chấp xảy ra vì một đảng muốn chính quyền phải đi đến mục tiêu và một đảng muốn đẩy lui áp lực đòi hỏi của Phật giáo.

Trong việc làm áp lực với chính quyền, Phật giáo có tham vọng thay đổi hoàn toàn chính sách của chính phủ. Thái độ chính trị của các nhà sư lãnh đạo Phật giáo có thể xét dẫn lời nói sau đây của Thượng tọa Thích Trí Quang :

'Thái độ của Phật giáo đối với Chính phủ cực kỳ đơn giản : 1- Không tán thành hay chống đối chính phủ mà chỉ tán thành hay chống đối chính sách. Chính sách tốt thì tán thành chính sách xấu thì chống đối.
2- Tốt với xấu ở đây dựa theo tiêu chuẩn nào ? Là phù hợp hay không phù hợp với 'sự sinh tồn của Phật giáo và Dân tộc' (1)

Đó là điểm căn bản mà sự mâu thuẫn giữa Phật giáo và chính quyền không bao giờ có thể giải quyết được. Chính sách là đường lối của chính phủ mà sự hoạch định có thể đôi khi chính phủ không có toàn quyền quyết định nó còn tùy thuộc ảnh hưởng của các quốc gia có thể lực tại Việt Nam.

Nếu đứng trước một tình trạng tranh chấp không thể giải quyết được thì biện pháp tốt nhất của 2 bên là phải tìm cách hợp tác với tinh thần và thiện chí xây dựng.

1. - Về phía chính quyền. -

Từ trước đến nay chính quyền chưa có một cách thức hòa giải nào tốt đẹp mà chính quyền chỉ nghi ngờ hoạt động của Phật giáo. Chính quyền nghi ngờ vì tổ chức của Phật giáo quá nhỏ me so với các lực lượng chính trị khác, vì hoạt động của Phật giáo thường có lợi cho Cộng sản. Vì thế chính quyền tìm cách triệt hạ thế lực của Phật giáo chừng nào tốt chừng này .

(1) TRÍ QUANG : 'Tâm anh lục' trang 76 tập 4 Thành định xuất bản - 1964.

Trong chiều hướng đó, những biện pháp thi hành của chính quyền mất đi hết tính cách tổ nhị. Đối với một lực lượng tinh thần, sự thiếu tổ nhị chỉ đưa hai những hiệu lực nhất thời. Tổ chức Phật giáo có thể bị đổ vỡ vì những biện pháp đó nhưng sự phản kháng vẫn tiếp tục diễn ra bằng một hình thức khác. Chính quyền đã tìm cách làm suy yếu Phật giáo và đã thành công trong việc lôi kéo khối VNQT về mình để xử dụng như một đối lực (Con trepoids) kèm hãm phe bên kia. Nếu sự kiện này đem lại cho chính quyền một kết quả mau chóng là làm giảm tiềm năng hoạt động của Phật giáo thì cũng mang lại những kết quả ngược lại là Phật giáo sẽ lui về tổ chức nội bộ tìm cách chống trả ngấm ngấm và mãnh liệt hơn. Chính quyền làm sao dùng để tin đồ Phật giáo nhìn mình như một kẻ thù đáng sợ. Vì làm như thế chính quyền vô tình đánh mất sự ủng hộ một số lượng công dân đông đảo. Vì thế phương thức hay nhất là tìm cách hợp tác với Phật giáo :

- Về mặt pháp lý, chính quyền phải có một qui chế chung cho vấn đề tôn giáo tại Việt Nam để quy định quyền lợi và nhiệm vụ của tôn giáo trong cộng đồng của quốc gia. Hiện tại qui chế tôn giáo hết sức hỗn độn, mỗi tôn giáo có một qui chế riêng. Tình trạng này không tạo một môi trường thuận tiện cho việc hợp tác giữa các tôn giáo và chính phủ và giữa các tôn giáo với nhau. Chính quyền phải hợp tác với Tôn giáo để xây dựng một ý thức hệ chính trị mà ý thức hệ Phật giáo là yếu tố quan trọng.

- Về mặt thực tế, chính phủ phải giúp đỡ Phật giáo trong những công việc phát triển Văn hóa và Xã hội. Chính phủ không nên tìm cách chia rẽ nội bộ Phật giáo.

2.- Về phía Phật giáo.-

Phật giáo phải có thái độ dè dặt trong việc tham gia chính trị. Đường hướng hay nhất của Phật giáo là gia tăng những hoạt động Văn hóa và Xã hội.

ĐOẠN II : TƯƠNG QUAN GIỮA PHẬT GIÁO VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM. -

Giữa Phật giáo và MTGPMN cũng có những mối tương quan nhưng những mối tương quan này đều có tính cách gián tiếp Phật

giáo và MTGPMN không có một sự giao dịch, liên lạc trực tiếp nào cả nhưng sự tham gia chính trị của Phật giáo thường đem nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động của MTGPMN:

- Sự bận tâm của chính phủ trong việc giải quyết vấn đề Phật giáo có thể làm ngưng trệ những hoạt động - chống lại Mặt trận.
- Mặt trận có thể lôi cuốn một số tín đồ theo họ khi phong trào tranh đấu bị thất bại hay những biện pháp giải quyết/làm cho tín đồ bất mãn.

Có lợi thế, Mặt trận ^{mà chủ yếu} thường tìm cách thúc đẩy phong-trào hay cố gắng chứng minh cho tín đồ Phật giáo biết mục tiêu tranh đấu của Phật giáo cũng gần giống như những mục tiêu của Mặt trận.

Sở dĩ người ta nghi ngờ Phật giáo thân Cộng vì thật ra trong các cuộc tranh đấu Phật giáo không đặt vấn đề với Cộng-sản nên ít đã kích Cộng Sản. Phật giáo còn có tham vọng lôi cuốn cộng sản vào ý thức hệ của mình nên muốn giữ vị trí trung lập giữa sự tranh chấp của 2 khối Cộng sản và Quốc gia. Do đó, đối với lực lượng Cộng sản, Phật giáo không có một thái độ chống đối kịch liệt. Thái độ của Phật tử đối với người Cộng sản không phải là một thái độ thù nghịch mà là một thái độ cân trọng. Người Phật tử thấy có thái độ bài xích tôn giáo của Cộng sản chủ nghĩa cũng như tính cách nhiệt tình giáo điều của chủ thuyết này. Nhưng họ cũng thấy được sự nhiệt tình của chủ trương Cộng sản trong phong trào tranh đấu cho độc lập và tiến bộ xã hội. Và vì vậy họ đã mở rộng cánh cửa đối thoại (1).

Nhận định trên đây của một vị tu sĩ Phật giáo cho thấy Phật giáo tuy không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Cộng-sản nhưng vẫn tin rằng, với sức mạnh 'hóa giải' Phật giáo có thể dùng hợp ý thức hệ cộng sản vào sinh hoạt quốc gia (Như thế không đúng với chủ trương của Mặt trận vì chủ trương của họ là tìm cách kiểm soát chính trị Miền Nam) Tuy nhiên trong quá khứ Phật giáo vẫn tìm cách chối bỏ những mối tương quan

(1) Nhất Hạnh - Cuộc tranh đấu bất bạo động, tạp chí Đối diện số 2 - 1969.

trực tiếp của mình với Mặt Trận. Quá trình này có thể chia làm 2 giai đoạn :

- Giai đoạn trước năm 1968 tức là trước biến cố Tết Mậu Thân : Trong các cuộc tranh đấu Phật giáo vẫn thường bị tố cáo là Cộng sản vì thế mà những nhà lãnh đạo thỉnh thoảng phải minh xác tính cách độc lập của mình. Thượng Tọa Thích Trí Quang là người lãnh tụ tinh thần các phong trào đã nhiều lần tuyên bố rằng giữa Phật giáo và Cộng sản không thể sống chung với nhau được. Vài vị tu sĩ khác cũng lên tiếng chỉ trích tương tự. Nhưng những lời chỉ trích đó chỉ là những ý kiến cá nhân mà không phải là một sự phát ngôn chính thức của Giáo Hội.

- Giai đoạn sau biến cố Tết Mậu Thân : Sau giai đoạn này mối tương quan mới bước sang một khúc quanh mới. Trong cuộc tổng công kích, Việt Cộng đã khôn khéo "bắt cóc" Thượng Tọa Thích Đôn Hậu - một nhân vật được tôn sùng ở Huế - và đặt vị Thượng Tọa này vào hàng ngũ Lực Lượng Liên Minh Dân Tộc, Dân Chủ và Hòa bình. Việt Cộng tin rằng Thượng Tọa Thích Đôn Hậu đã bị "bắt cóc" nhưng dù sao lời nói và chữ ký của Thượng Tọa vào truyền đơn cũng gây được ảnh hưởng với tín đồ Miền Trung. Nhận thấy cần minh xác vụ này để khỏi bị ngộ nhận là Cộng Sản, Giáo Hội Ấn Quang đã tỏ thái độ với Cộng sản trong bản tuyên ngôn của Đại Hội Cư Sĩ (1969) ở điểm thứ 10. " Sau hết Giáo Hội yêu cầu chính quyền Hà Nội trả tự do cho Thượng Tọa Đôn Hậu, dân chúng, tăng Ni và Phật tử, cũng như chịu trách nhiệm các vụ tham sát nhân dân vô tội trong biến cố Tết Mậu Thân, nhất là tại Cố Đô Huế". Thái độ này cho thấy Phật giáo không muốn ai cho mình có một sự liên hệ mật thiết với Cộng Sản.

ĐOẠN II.- PHẬT GIÁO VỚI CÁC TÔN GIÁO KHÁC TẠI VIỆT NAM.-

I.- PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO.-

Mối tương quan giữa Công Giáo và Phật Giáo là một cuộc xích mích giữa 2 tôn giáo. Sự xích mích này càng gia tăng sau ngày 1.1.1963 vì người công giáo cho rằng Phật giáo muốn làm suy sụp thế lực công giáo Việt Nam, Nguyên nhân sự xung đột bắt nguồn từ một lịch sử truyền giáo và sự bành trướng ảnh hưởng của công giáo tại Việt Nam. Sự xung đột là

một điều đáng buồn cho tình trạng tôn giáo tại Việt Nam. Vì thế hai tôn giáo lớn này cần có sự hợp tác trong tinh thần khoan dung của tôn giáo.

1.- Về phía Công giáo :

Công giáo đã được ưu ái hơn một thế kỷ nên Giáo Hội Công Giáo đã đứng ở phía của kẻ thống trị làm xa cách giáo dân và quần chúng ở ngoài Công giáo. Vì thế công giáo phải tìm cách trở về với dân tộc. Công cuộc Việt hóa này đòi hỏi nhiều cố gắng, phá vỡ nhiều thành kiến vì lý do Công giáo tại Việt Nam, suốt từ khi du nhập, đã mô phỏng quá nặng nề quan điểm và hình thái Giáo Hội Cơ Đốc Tây Phương và vì cũng cố âm mưu lợi dụng Giáo Hội của những lực lượng ngoại quốc thống trị. Gần đây nhiều nhà lãnh đạo Công giáo đang tích cực vận động cho phong trào dân tộc hóa nền sinh hoạt Cơ Đốc tại Việt Nam. Phong trào này rất được khuyến khích và ủng hộ.

2.- Về phía Phật giáo.-

Phật giáo nên từ bỏ mặc cảm tự tôn về lịch sử và số lượng tín đồ. Tín đồ Phật giáo cũng không có quyền nhìn người Công giáo như những người ngoại quốc tại Việt Nam.

Trong những năm gần đây, người ta nhận thấy có dấu hiệu hợp tác giữa những nhà lãnh đạo của hai Tôn giáo như được những bản thông cáo chung... Nhưng đó chỉ là sự hợp tác về hình thức. Hy vọng từ hình thức sẽ đưa đến sự hợp tác nội dung.

II.- PHẬT GIÁO VÀ 2 GIÁO PHÁI CAO ĐÀI VÀ HÒA HẠC.-

Phật giáo và hai Giáo Phái này, sự xung đột không xảy ra vì :

- Sự phát sinh ra hai Giáo phái không do một sự truyền giáo ngoại quốc đưa đến mà do nhu cầu chống thực dân.

- Sự phát triển của hai giáo phái có tính cách địa phương mà không bành trướng mạnh khắp toàn quốc.

- Phật giáo là nguồn hứng khởi cho sự khôi phục uy thế của hai Giáo phái sau năm 1963.

ĐOẠN IV.- PHẬT GIÁO VÀ CÁC CHÍNH ĐẢNG.-

Trong quá khứ các Chính Đảng cũng như các phong trào Quốc gia khác đã liên kết chặt chẽ với Phật giáo trong công cuộc chống Thực dân, sau đó các chính đảng bị Chính quyền đàn áp và không đủ sức mạnh để vùng dậy. Cuộc vận động Phật giáo năm 1963 giúp cho một số chính đảng có quá khứ hoạt động lâu dài trong lịch sử được phục sinh đồng thời một số Chính đảng khác được thành lập. Do đó các chính đảng coi Phật giáo như là nguyên nhân giải phóng cho họ. Lúc đầu các chính đảng có cảm tình với Phật giáo. Nhưng khi phong trào Phật giáo can thiệp mạnh vào hoạt động của Chính quyền, các chính đảng - đứng ở thế chống đối. Sở dĩ tình trạng này xảy ra là vì :

- Mục tiêu của phong trào tranh đấu Phật giáo đã thu hút nhiều cán bộ của họ. Nếu đã thu hút mạnh thì sẽ làm lượng chính đảng bị suy yếu.
- Hoạt động chính trị càng mạnh thì vai trò của chính đảng trong sinh hoạt chính trị càng lu mờ.
- Quan điểm chính trị của họ khác với quan điểm chính trị của Phật giáo. Họ chống Cộng tích cực còn Phật giáo thì không có thái độ như họ mà đòi đối thoại với Cộng Sản.

ĐOẠN V.- PHẬT GIÁO VÀ NGƯỜI MỸ.-

Người Hoa Kỳ đang có một thế lực chính trị rất lớn tại Việt Nam. Thật khó để phân tích sự liên lạc giữa Phật giáo và Hoa Kỳ một cách chính xác và rõ ràng vì người Mỹ không can thiệp trực tiếp vào hoạt động Phật giáo mà qua trung gian của Chính quyền Đoàn Thể... Trong cuốn "Ông Đại Sứ", tác giả Morris West đã diễn tả sự can thiệp của Hoa Kỳ vào chính tình Miền Nam một cách gián tiếp. Tuy viết dưới hình thức của một cuốn tiểu thuyết "nhưng sự thực của tiểu thuyết có thể nói nhiều hơn sự thực của thực tế chính trị" Chúng ta có thể thấy sự thực đó qua những sự kiện đã xảy ra.

Khi cuộc vận động Phật giáo mới phát khởi, người Hoa Kỳ có ý bênh vực Phật giáo, mượn vụ nổi dậy này để lấy cơ đạo chính. Ngày 20.8.1963 Chánh phủ tấn công chùa chiền Hoa Kỳ lại giúp Thượng Tọa Trí Quang lánh nạn trong tòa Đại Sứ.

Sau khi cuộc đảo chính thành công, người Phật giáo làm bùrởng Hoa Kỳ thành thật giúp đỡ Việt Nam để cải thiện sinh hoạt chính trị. Nhưng dần dần họ nhận thấy người Mỹ không có ý định đó mà tr' lại người Mỹ là nguyên nhân làm xáo trộn tình trạng sinh hoạt tại Việt Nam. Hơn nữa, song song với sự gia tăng lực lượng quân sự không lồ, người Mỹ còn can thiệp trực tiếp vào bộ máy chính trị, chủ quyền quốc gia bị chi phối và lọt hẳn vào tay người Mỹ. Phật giáo chống lại điều này. Trong cuộc tranh đ' chính trị của Phật Giáo năm 1966, đối tượng tranh đấu là người Mỹ. Phật giáo đòi hỏi người Mỹ tôn trọng chủ quyền của Việt Nam. Các nhà lãnh tụ Phật Giáo Khối Ấn Quang có khuynh hướng bài ngoại, đặc biệt là Thượng Tọa Thích Trí Quang, vị tu sĩ này không chấp nhận bóng dáng người ngoại quốc nào làm chủ tại Việt Nam. Với đà leo thang chiến tranh, Phật Giáo lại phát động phong trào đòi hòa bình bắt đầu từ thông điệp của Đức Tăng Thống Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết nhân dịp lễ Phật Đản 1969 tức cũng gián tiếp chống lại sự hiện diện quân đội Mỹ tại Việt Nam.

Về phía người Mỹ họ cũng ý thức rằng bản chất của phong trào Phật giáo là phong trào quốc gia mà sự phát triển sẽ làm phương hại đến hoạt động của họ. Thứ đến những hoạt động của Phật giáo có thể ngăn chặn những nỗ lực chiến tranh của họ. Vì vậy mà Hoa Kỳ tìm cách phá rối và làm suy yếu lực lượng Phật giáo.

PHẢN KẾT-LUẬN

Sự tham gia chính trị của Phật giáo trở thành một hiện tượng mới mẻ làm thay đổi sinh hoạt chính trị quốc gia. Hiện tượng này bắt nguồn ở cội rễ sâu xa từ chiều sâu của lịch sử và chiều rộng của tín đồ. Do đó sự dấn thân vào đời sống chính trị là một sự kiện hiển nhiên không thể tránh được của Phật giáo.

Cho nên vấn đề đặt ra cho Phật giáo không phải là vấn đề có nên tham gia chính trị hay không như một số người đang loay hoay bàn luận mà vấn đề tìm kiếm một giải pháp cho sự tham gia đó. Sở dĩ phải tìm kiếm một giải pháp vì Phật giáo là một tôn giáo mà cùng đích của tôn giáo, phương tiện của tôn giáo và cùng đích chính trị và phương tiện chính trị không thể là một. Chính trị và tôn giáo là hai lãnh vực khác biệt nhau, chúng có thể bổ túc cho nhau nhưng không thể lẫn lộn với nhau được, " chúng không thể đồng nhất vì không đồng chất ". Nói khác đi, không ai cấm tôn giáo được quyền làm chính trị nhưng Phật giáo không tham công trong việc làm chính trị khi còn đặt mình trong cương vị tôn giáo. Ở cương vị đó, " Phật giáo không làm chính trị dù vì không thể làm như thế".

Bởi thế, cuộc tham gia chính trị của Phật giáo, sau những giờ phút vinh quang đã đi lần đến thời kỳ đen tối và từ ngày phát động ra phong trào tranh đấu đến bây giờ, tất cả những gì còn lại đều là chứng tích của sự thất bại; Về Tổ chức, phong trào bị tan rã, các thành phần tranh đấu bị phân tán, Giáo Hội bị chia làm hai khó có thể hàn gắn lại được, giới lãnh đạo bị nghi ngờ và phân hóa. Các mục tiêu tranh đấu cũng không đạt được, chế độ bị Phật giáo chống đối vẫn tồn tại, chiến tranh vẫn lan rộng, hòa bình thì lùi xa...

Không phải chỉ có những nhà sư lãnh đạo hay Phật tử thất vọng vì những biến cố làm suy yếu Phật giáo mà ngay tất cả những người có cảm tình với phong trào cũng cảm thấy buồn tiếc. Nhưng đôi khi thất bại còn có giá trị hơn sự thành công, nên chính trong sự thất bại này Phật giáo có thể rút ra được những kinh nghiệm để hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong tương lai.

- Kinh nghiệm thứ I : Giáo Hội Phật giáo không phải là một lực lượng chính trị mà là một lực lượng tôn giáo. Giáo Hội Phật Giáo, tư bản chất, không thể đặt mình trong địa vị chính trị mà phải đứng trên và đứng ngoài phạm vi chính trị. Vai trò của tôn giáo khác vai trò chính trị chng không thể hòa đồng với nhau được. Nếu Phật giáo tự để mình hòa đồng với vai trò chính trị thì vô tình Phật giáo để cho những hoạt động chính trị làm biến mất những giá trị tinh thần của một tôn giáo mà hậu quả là tín đồ sẽ tìm cách phân ly với lực lượng Phật giáo. Chính trị có những kỹ thuật những phương tiện hoạt động hoàn toàn khác với tôn giáo, tôn giáo không thể sử dụng những kỹ thuật, những phương tiện của mình để đạt những cứu cánh chính trị. Tôn giáo cần thiết cho đời sống con người, vì nó giúp cho con người chịu đựng những đau khổ của thực tại, trong tương lai nó hứa hẹn cứu rỗi con người cho một thế giới về sau, trong hiện tại nó xây dựng những tiêu chuẩn đạo đức để cải thiện đời sống xã hội. Còn mục tiêu của chính trị là nắm giữ quyền hành để điều khiển trật tự xã hội. Vì sự khác biệt đó mà nếu một sự xâm nhập của một lãnh vực này vào một lãnh vực khác thì tự nó sẽ bị suy yếu. Khi một vị tu sĩ Phật giáo, Thượng Tọa Sangharaks-hita, người Tích Lan đã nói " Sự Giác Ngộ và các cuộc bầu cử không thể thu đạt cùng một lúc " (Enlightenment and Elections cannot be won together) thiết tưởng ông đã phát biểu rất đúng vị trí của tôn giáo và chính trị, đúng với tình trạng tham gia chính trị tại Việt Nam.

- Kinh nghiệm thứ II. -

Sử dụng lực lượng tín đồ như một tích sản nhân sự để tranh đấu chính trị là một sự lầm lẫn.

Các nhà lãnh đạo Phật Giáo coi Phật Giáo như một lực lượng chính trị nên cũng coi tín đồ như những cán bộ chính

trị. Điều này đã gây khó khăn nhiều cho Phật giáo vì tín đồ không phải là cán bộ chính trị. Do đó mà Phật giáo không điều khiển hữu hiệu và toàn diện lực lượng tín đồ trong những đường lối đã vạch ra để đi đến mục tiêu.

Do hai lãnh vực khác biệt nhau của Tôn giáo và chính trị nên đào tạo cán bộ cũng khác biệt nhau. Trong khi cán bộ chính trị có nhiệm vụ thuyết phục quần chúng, điều khiển quần chúng và sử dụng quyền hành. Không thể sử dụng loại này sang loại khác vì loại này không đủ khả năng làm trọn nhiệm vụ của loại khác : tín đồ không thể làm chính trị một cách hoàn hảo hay ngược lại.

Sự lầm lẫn khi dùng lực lượng tín đồ vào những mục tiêu chính trị sẽ đưa đến hậu quả là làm tiêu hao lực lượng tín đồ, do đó phong trào dễ bị tan rã.

- Kinh nghiệm thứ III. -

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã đồng hóa thế quyền và Giáo quyền khi tham gia chính trị.

Nếu giáo quyền luôn luôn là một thực thể tuyệt đối trong hàng ngũ tín đồ thì thế quyền đối với tín đồ không nằm trong sự chi phối của giáo hội. Vì thế hàng lãnh đạo Phật Giáo khó tìm một sự chỉ huy đồng nhất và hữu hiệu lực lượng tín đồ khi họ đồng hóa thế quyền và giáo quyền. Giáo quyền thuộc quyền của giới tu sĩ, còn thế quyền thuộc Khối Phật tử, mà sự tham gia chính trị thuộc lãnh vực của thế quyền. Đồng hóa hai quyền này vào một vai trò lãnh đạo thì không thể nào được cả vì mỗi một vị trí sẽ có một cái nhìn khác nhau về hoạt động của tín đồ.

GIẢI PHÁP.

Sau khi nêu lên ba kinh nghiệm rút ra từ sự thất bại của Phật giáo trong việc tham gia chính trị trên đây - không có nghĩa là muốn Phật giáo từ bỏ chức phận chính trị của mình trong sinh hoạt quốc gia. Trái lại, Phật giáo có thể tham gia chính trị nhưng không tham gia trực tiếp mà tham gia một cách gián tiếp tham gia gián tiếp là cốt giữ cái vị trí " xuất thế " của Đạo Phật đồng thời cũng thể hiện những hoạt động " nhập thế " của mình.

Sức mạnh của tín đồ nếu ứng dụng vào sinh hoạt chính trị thì phải do thể quyền điều khiển nghĩa là phải có một tổ chức chính trị ở ngoài đời do một lực lượng thế tục tức là Phật tử điều khiển. Lực lượng Phật tử thế tục này sẽ hoạt động chính trị trong đường hướng của Giáo Hội. Giáo Hội khi đó đứng ngoài và đứng trên những hoạt động chính trị. Tuy nhiên các vị tu sĩ lãnh đạo có thể khuyến cáo chính quyền nếu chính quyền đi ra ngoài nguyện vọng chân chính của quần chúng. Lời khuyến cáo chỉ là một sự phản kháng nhẹ nhàng chứ không bắt buộc cưỡng ép. Thái độ này vừa xứng với vị trí xuất thế của một vị tu sĩ vừa hợp với nhân sinh quan đại chúng.

Nhờ lực lượng thế tục đứng ngoài hoạt động song song với hoạt động của Giáo Hội, Phật giáo có thể thay đổi vai trò chính trị của mình. Trong cơ chế chính trị tại Miền Nam muốn có một hệ thống giải pháp hợp lý đặt ra cho vấn đề chính trị, lực lượng thế tục của Phật giáo có thể tổ chức thành một chính đảng. Sự thành lập một chính đảng đứng ngoài những hoạt động tín ngưỡng của Giáo Hội sẽ làm cho hoạt động chính trị của Phật giáo được hoàn hảo hơn.

Song hành với sự thành lập này, Phật giáo cố khắc phục những khuyết điểm về nội bộ (tổ chức và nhân sự), lực lượng Phật giáo phải là một lực lượng trội yếu nhất Miền Nam

Trong tương lai, nếu được như thế, ảnh hưởng của Phật giáo sẽ lớn mạnh trong sinh hoạt chính trị. Đó là một tình trạng rất đáng mừng vì hoạt động của Phật giáo luôn luôn đi trong chiều hướng Dân tộc.

THƯ TỊCH

I. - TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ SÁCH

1. - Ngoại ngữ :

- Jean Meynaud : 'LES GROUPES DE PRESSION EN FRANCE'
Paris - 1958
- Paul Mus : 'VIET NAM, SOCIOLOGIE D'UNE GUERRE'
Edition du Seuil - 1951
- Frank E. Armbruster
Raymond P. Gastil
Herman Kalm
William Pfaff
Edmund Stillman
'CAN WE WIN IN VIET NAM'
Frederick A. Praeger, Publishers -
New-York - 1968
- Bernard Fall : 'VIET NAM WITNESS' Frederick A. Praeger,
Publishers - 1966
- Marguerite Higgins 'OUR VIET NAM NIGHT MARE'
Harper-Row, Publishers - 1965
- Robert Shaplen 'THE LOST REVOLUTION' Harper-Colophon-
Books - New-York - 1966
- Douglas Pike : 'VIET CONG' the M.I.T - Press - 1967
- Malcolm W. Browne 'THE NEW FACE OF WAR' - The Bobbs -
Merrill Company-Inc. New York - 1965
- Joseph Buttunger 'VIET NAM : A DRAGON EMBATTLED'
Pall Mall Press - London - 1967
- Robert Thompson 'NO EXIST FROM VIET NAM' Chatto and
Winders - London - 1969
- Bernard Newman 'BACKGROUND TO VIET NAM' Robert Hale -
London - 1966
- Marvin E. Gettleman 'VIET NAM' American book publishers
New York - 1968
- Frank N. Trager 'WHY VIET NAM' Frederick A. Praeger -
Publishers - New York - 1967

2.- Việt Ngữ :

- Nhật Hạnh

- * 'ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI' Lá Bối - 1964
- * 'ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA' Lá Bối - 1964
- * 'ĐẠO PHẬT NGÀY NAY' Lá Bối - 1965
- * 'HOA SEN TRONG BIỂN LỬA - Hội Phật Tử Việt Kiều hải ngoại xuất bản - 1965

- Thích Mật Thể 'VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC'

Hội Tăng Ni Bắc Việt xuất bản - 1943

- Trí Quang 'TÂM ANH LỰC' Tập 4 - Thần Đình - 1964

- Tuệ Quang Nguyễn Đăng Long 'PHẬT GIÁO' - Trường Sơn
Tủ sách Phật học - 1963

- Quốc Đại 'PHẬT GIÁO TRANH ĐẤU' Tân Sanh xuất bản
1963

- Tuệ Giác 'VIỆT NAM PHẬT GIÁO TRANH ĐẤU SỬ'

Hoa Nghiêm xuất bản - 1964

- Quốc Tuệ 'CÔNG CUỘC TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO VIỆT
NAM' - 1964

- THÍCH MÂN GIÁC 'PHẬT GIÁO VÀ NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM'

Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản - 1967

- Morris L. West 'ÔNG ĐẠI SỬ' bản dịch của Chu Việt -
Trình Bày - 1968

- Đoàn Thêm :

- * 'HAI MƯƠI NĂM QUA' Nam chí Tùng thư - 1966
- * '1965 - VIỆC TÙNG NGÀY'
- * '1966 - VIỆC TÙNG NGÀY'
- * '1967 - VIỆC TÙNG NGÀY'
- * '1968 - VIỆC TÙNG NGÀY'

Tủ sách Tiên Bộ - 1969

- Nguyễn văn Trung 'NHẬN ĐỊNH' Tập I

Nam Sơn xuất bản 1963

'CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM'

(Huyền Thoại và Thực Chất)

Nam Sơn xuất bản 1963

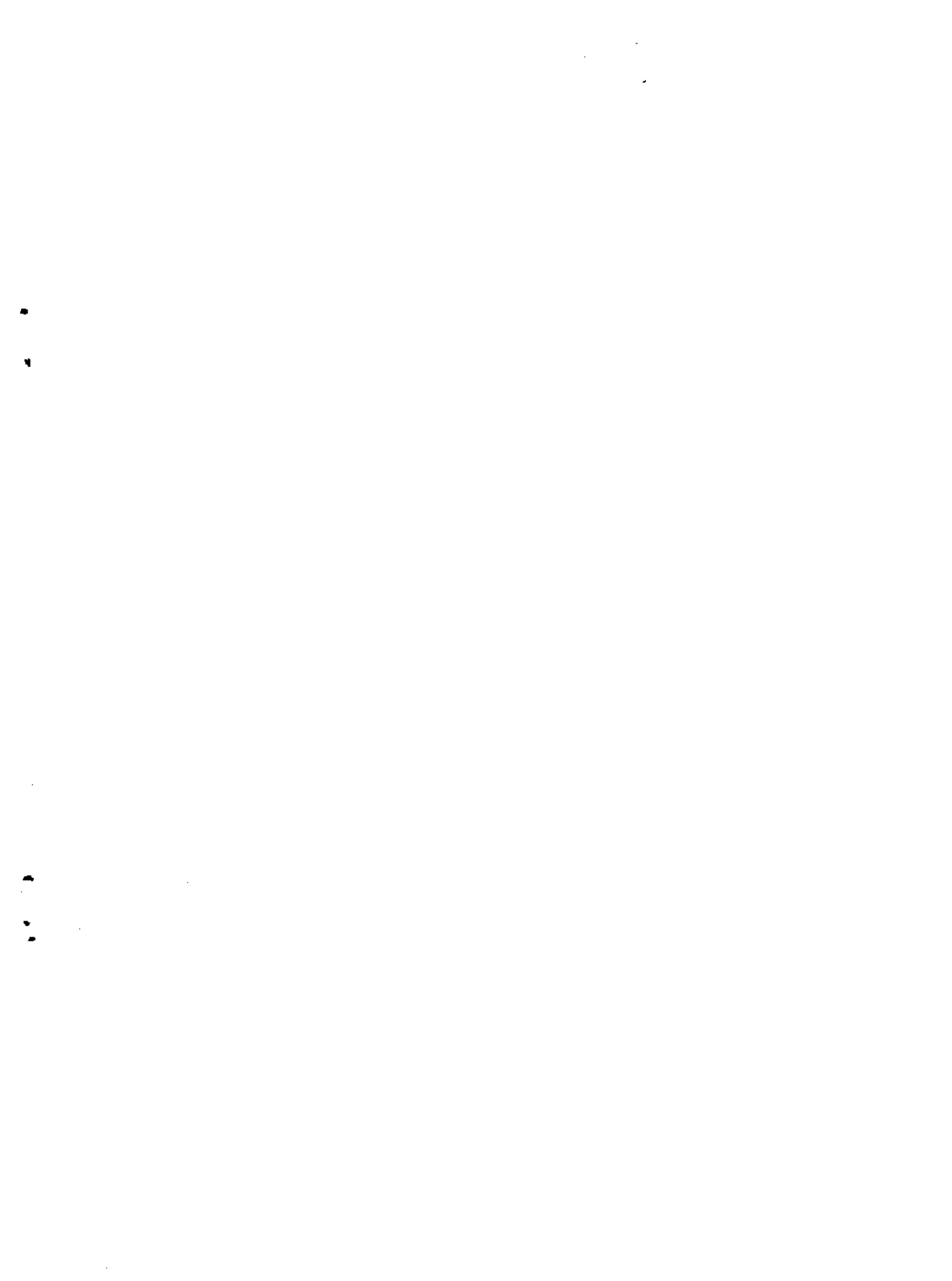
- Nguyễn Văn Bông :

'LUẬT HIẾN PHÁP và CHÍNH TRỊ HỌC'

HVQGHC xuất bản - 1965

- Nguyễn Ngọc Huy :

'LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ' Quyển I



3.- Giảng tập.-

- Nguyễn mạnh Hùng :
'CHÍNH TRỊ HỌC ĐỐI CHIẾU' Ban Cao Học
- Nguyễn Khắc Nhân :
'HÀNH CHÍNH HỌC ĐỐI CHIẾU' Ban Cao Học
- Tạ Văn Tài 'CHÍNH TRỊ HỌC' Ban Cao Học
- Nguyễn Ngọc Huy
'LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ'
Năm thứ 3 Ban Đốc Sự.
- Vũ Quốc Thông
'TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ'
Năm thứ 3 Cử nhân Luật

4.- Luận Văn Tốt Nghiệp Ban Cao Học Hành Chính

- Lê Ngọc Diệp
'VẤN ĐỀ TƯƠNG QUAN TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ'
- Đinh Sơn Huy :
'NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO'
- Trần Văn Dương
'CUỘC BẦU CỬ HỘI ĐỒNG ĐÔ THÀNH, TỈNH, THỊ XÃ NGÀY 30.5.1965 VÀ THỂ THỨC ĐƠN DANH HỘI TUYỂN'
- Thái tăng Hoàng
'KINH NGHIỆM DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM'
- Trần Nhựt Thăng
'MỘT LỰC LƯỢNG QUẢN CHỨNG : ĐOÀN THỂ PHẬT GIÁO HÒA HẢO'.

II.- TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ TẠP CHÍ, BÁO.-

- Maurice Durand 'INTRODUCTION DU BOUDDHISME AU VIET NAM'
(Présence du Bouddhisme - Sous la direction de René Berval - de N° 153-157 - tome XVI - page 797).
- Mai thọ Truyền : 'LE BOUDDHISME AU VIET NAM'
(Présence du Bouddhisme - sous la direction de René Berval de N° 153-157 tome XVI page 801).
- Paul Blanquart 'CROYANTS SANS IDOLES' tạp chí Constellation - Avril/70 page 80
- Kenneth W. Morgan 'THE BUDDHISTS : THE PROBLEM AND THE PROMISE' - ASIA, a journal published by the Asia Society New York - N° 4 - 1966 - page 72

- Trí Quang 'CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM'
Liên Hoa từ số 1 năm thứ 10 đến số 8 năm thứ 10 - 1964
- Dương văn Minh 'A QUESTION OF CONFIDENCE' Foreign Affairs
Vol.47 No.01 - October - 1968 page 56
- Vũ văn Thái 'A REGIONAL SOLUTION FOR VIET NAM'
Foreign Affairs - Vol.46 - No.2 - Jan.1968 - page 347
- P.Garrean 'ĐỒNG THANH TƯƠNG ƯNG VỚI KHẢ TÍNH CỦA PHẬT
GIÁO TRONG VẤN ĐỀ HÒA BÌNH' Tư Tưởng - Số 2
1969 trang 73.
- Minh Châu 'ĐỨC PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ' Tư Tưởng -
số 3 - 1969 trang 157
- Tam Điểm 'KẾT LUẬN CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG PHẬT GIÁO' Đất
Nước số 5 tháng 6 và 7/1968 - trang 126.
- Nhất Hạnh 'CUỘC TRANH ĐẤU BẤT BAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM'
Đối Diện số 2 - Tháng 8 - 1969 trang 11
- Nguyễn Văn Trung 'CÔNG GIÁO VÀ CÔNG SẢN Ở VIỆT NAM'
Đất Nước số 8 tháng 12/1968 trang 22
- Nguyễn Tử Lộc 'VẤN ĐỀ DÂN TỘC ĐẠT CHO CÔNG GIÁO'
Đất Nước số 8 tháng 12/68 trang 3
- Lý Chánh Trung 'TAI SỘ MẶT CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO Ở
VIỆT NAM' Đất Nước số 9 tháng 1/69 trang 17
- Mark Frankland 'PHẬT GIÁO ĐẤU TRANH' báo The Observer
Thời Việt dịch số 3 tháng 9/68 trang 12
- Mai Cương 'VÀI LỜI NÓI VỚI CÁC BÁO NGOẠI QUỐC XUYẾN TẠC
PHẬT GIÁO VIỆT NAM' Liên Hoa số 7 năm thứ 10
tháng 8/64 trang 37.
- Thế Hữu 'NHÌN QUA CÓN PHÁP NAN 2.507' Liên Hoa số 2
năm thứ 10 tháng 3/64 trang 61.
- Nhất Hạnh 'ĐẠO PHẬT NGÀY MAI' tuần báo Việt Nam Tự Tin
từ số 1 đến số 8 từ ngày 10.1.70 đến 7.3.70
- T.T.Quảng ĐỘ 'XÂY DỰNG SỰ THỐNG NHẤT VÀ HÒA HỢP CỦA
PHẬT GIÁO' tuần báo Việt Nam Tự Tin số 7 -
28/2/70 trang 6.
- Hữu Hạnh 'SỰ NGHIÊM VỀ THỜI GIAN YÊN LẠNG CỦA PHẬT
GIÁO' tuần báo Việt Nam Tự Tin số 4 1.4.70
trang 12.
- Nguyễn hữu Lành 'CÁC ĐOÀN THỂ ÁP LỰC TRONG CHẾ ĐỘ DÂN
CHỦ NGÀY NAY' Nghiên cứu hành chánh tập I
số I Tháng 1/69 trang 60.
- Đoàn Thêm 'TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH TÒA THÁNH VÀ GIÁO HỘI'
Nghiên cứu hành chánh số 3 tháng 3/59 trang 52

- Tâm lạc 'THỬ TÌM MỘT LỐI ĐI CHO GIA ĐÌNH PHẬT TỬ'
Đuốc Tuệ số 11 - 9.5.64 trang 15.
- Nguyễn Văn Đạt 'NGHĨ GÌ VỀ ĐẠI HỘI CƯ SĨ PHẬT GIÁO'
Cấp Tiên số 13 tháng 1/70 trang 86
- Trần Việt Anh 'SINH HOẠT CHÍNH TRI SÔI NỔI Ở VIỆT NAM'
Nhật báo Chính Luận từ số 1726 ngày 5.12.69
đến 1730 ngày 10.12.69
- Chân Như Đặng Sĩ Khả 'PHẬT GIÁO VIỆT NAM PHẢI LÀM GÌ?
LÀM NHƯ THẾ NÀO?' nhật báo Công Luận 1968
- Minh Tâm 'SỨC MẠNH PHẬT GIÁO VN ĐI VỀ ĐÂU' Nhật báo
Công Luận 1968
- George A. Carver Jr. 'CUỘC CÁCH MẠNG THẬT SỰ Ở MIỀN NAM'
Tạp chí Văn học Mỹ tháng 12/1965 trang 42.

III.- TÀI LIỆU RỜI VÀ CÁC VĂN KIẾN PHÁP LÝ.-

- Sắc luật số 158 SL/CT ngày 14.5.1964 (liên quan đến bản Hiến Chương ngày 4.1.64)
- Sắc luật số 005/66 ngày 26.2.1966 (liên quan đến bản Hiến Chương ngày 14.12.1965)
- Sắc luật số 023/67 ngày 18.7.1967 (liên quan đến bản Hiến Chương ngày 14.3.67)
- Dụ số 10 ngày 6.8.1950 quy định thể lệ lập hội.
- Sắc luật số 001/64 ngày 8.12.64 cho phép thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam
- Danh sách các Hội Phật Giáo (Tài liệu của Bộ Nội Vụ)
- Danh sách các ứng cử viên Phật giáo của cuộc bầu cử Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị Xã ngày 26.6.70 (Tài liệu Bộ Nội Vụ).
- Chương trình và Diễn văn - Đại hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam (1964).
- Bản Nội quy Gia đình Phật tử Việt Nam
- Bản Nội quy Học sinh Phật tử
- Bản Nội quy Sinh viên Phật tử
- Bản Quy chế TỔNG VỤ GIÁO DỤC
- Bản quy chế Tổng vụ Văn hóa Giáo dục
- Bản quy chế Tổng vụ Cư sĩ.
- Thông điệp của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết nhân dịp Lễ Phật Đản từ năm 1964 đến năm 1970
- Diễn văn của Thượng tọa Thích Tâm Châu 'LẬP TRƯỞNG CỦA GHPGVN TM' trong phiên họp Đại Hội Khoáng Đại Phật Giáo ngày 12.12.1965

- Bản phúc trình của Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc về Vụ Phật Giáo 1963 (Võ đình Cường dịch)
- Kỷ yếu Đại hội Hoàng Pháp (1969)
- Kỷ yếu Đại Hội Thanh niên Phật Tử (1969)

IV.- TÀI LIỆU SỐNG (các cuộc Phỏng Vấn)

- Phỏng Vấn Hòa Thượng Thích Trí Thủ về vấn đề Tăng Sĩ Phật giáo
- Phỏng Vấn Thượng Tọa Thích Mãn Giác về vấn đề Thanh Niên Phật Tử.
- Phỏng Vấn Thượng Tọa Thích Minh Châu về vấn đề cải tổ Giáo dục (cuộc phỏng vấn của Tạp chí Đất Nước - số 14).
- Phỏng Vấn Đại Đức Thích Đức Nghiệp về vấn đề Thống Nhất Giáo Hội Phật Giáo).
- Phỏng Vấn Đại Đức Thích Hộ Giác về vấn đề cư sĩ Phật Giáo.

* * *